

# Tạng Thư Phật Học

Phước Huệ Song Tu



## PHẬT NÓI KINH SINH

Hán dịch: Đồi Tây Tân, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp

Việt dịch: Linh-Son Pháp Bảo Đại Tạng Kinh

卐



[www.tangthuphathoc.net](http://www.tangthuphathoc.net)

PHẬT

NÓI

KINH

SINH

## Mục Lục

<b>QUYỂN I .....</b>	<b>1</b>
Kinh 1: Đức Phật Nói Kinh Na-lại .....	1
Kinh 2: Đức Phật Nói Kinh Tỳ-kheo Khất Thực .....	5
Kinh 3: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Hòa Nan .....	9
Kinh 4: Đức Phật Thuyết Giảng về Việc Sinh Sống Bằng Tà Nghiệp .....	13
Kinh 5: Đức Phật Thuyết Giảng về Kinh Ngã Sở .....	16
Kinh 7: Đức Phật Thuyết Giảng về Việc Tranh Người Con Gái Ở Đồi Trước .....	24
Kinh 8: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Ngọc Bị Rơi Vào Trong Biển .....	26
Kinh 9: Đức Phật Giảng Thuyết về Chuyện Tỳ-kheo ni Chiên-xà ma Bộc Chí Hủy Báng Đức Phật .....	29
Kinh 10: Đức Phật Thuyết Giảng về Con Ba Ba Và Con Khi Chúa .....	31
Kinh 11: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Năm Vị Tiên Nhân .....	34
<b>QUYỂN II.....</b>	<b>41</b>
Kinh 12: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Hai Cậu Cháu .....	41
Kinh 13: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Nhàn Cư.....	46
Kinh 14: Đức Phật Thuyết Giảng về Việc Tôn Giả Xá lợi-phát Nhập Niết bàn ....	49
Kinh 15: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Người Con Bị Chết .....	53
Kinh 16: Đức Phật Thuyết Giảng về Quan Điem Của Các Vị Tỳ-kheo .....	54
Kinh 17: Đức Phật Thuyết Giảng về Tôn Giả Ca-chiên-diên Nói Về Vô Thường .....	62
Kinh 18: Đức Phật Thuyết Giảng về Việc Hỏi Đáp Cho Trưởng Giả Hòa Lợi .....	65
Kinh 19: Đức Phật Nói Kinh Phật Tâm Tổng Trì .....	70
Kinh 20: Đức Phật Thuyết Giảng về Kinh Thần Chú Bảo Vệ Các Tỳ-kheo .....	74
Kinh 21: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Thần Chú Kiết Tường .....	76
<b>QUYỂN III 79</b>	
Kinh 22: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Tổng Trì .....	79
Kinh 23: Đức Phật Thuyết Giảng về Thích Tử Sở Hân .....	82
Kinh 24: Đức Phật Thuyết Giảng Chuyện Vị Quốc Vương Và Năm Người Con ..	85
Kinh 25: Đức Phật Thuyết Giảng về Con Cáo Độc Và Con Quạ Đen .....	93
Kinh 26: Đức Phật Thuyết Giảng về Việc Thầy Tỳ-kheo Bị Bệnh .....	96
Kinh 27: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Ông Thẩm Lỏa Hình .....	100
Kinh 28: Đức Phật Thuyết Giảng về Sứ Giả Của Cái Bụng .....	105
Kinh 29: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Người Đệ Tử Qua Đồi .....	112
<b>QUYỂN IV .....</b>	<b>117</b>
Kinh 30: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Con Trâu Chúa .....	117
Kinh 31: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Con Thỏ Chúa .....	120
Kinh 32: Đức Phật Thuyết Giảng về Việc Không Sợ.....	122
Kinh 33: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Năm Trăm Đứa Trẻ Nhỏ .....	124

Kinh 34: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Cây cỏ Độc .....	126
Kinh 35: Đức Phật Thuyết Dụ về Con Ba Ba .....	128
Kinh 36: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Vị Bồ-tát Đã Từng Làm Con Ba Ba Chúa .....	129
Kinh 37: Đức Phật Thuyết Dụ về Sự Độc Hại .....	131
Kinh 38: Đức Phật Thuyết Giảng về Việc Dạy Bảo Con .....	134
Kinh 39: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Người Trả Nợ Làm Thân Trâu (Bò)....	139
Kinh 40: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Ông Phạm Chí Quang Hoa .....	142
Kinh 41 Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Biến Hôi Dụ .....	144
Kinh 42: Đức Phật Thuyết Dụ về Chuyện Con Ngựa .....	146
Kinh 43: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Tỳ-kheo ni Hiện Biên .....	148
Kinh 44: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Cô Độc .....	150

## **QUYỂN V 151**

Kinh 45: Đức Phật Thuyết về Chuyện Ông Phạm Chí .....	151
Kinh 46: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh về Vua Tội .....	155
Kinh 47: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh về Vua Quạ Ở Nước Câu-tát la .....	158
Kinh 48: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Mật Cụ .....	162
Kinh 49: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Tạp Tán .....	165
Kinh 50: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Lư-đà .....	167
Kinh 51: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Khổng Tước .....	170
Kinh 52: Đức Phật Thuyết Giảng về Kinh Bát Kiếp Tiên Nhân .....	173
Kinh 53: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Cha Con Ông Thanh Tín Sĩ A-di phiến-trì .....	176
Kinh 54: Đức Phật Thuyết Giảng về Kinh Phu Thê .....	179
Kinh 55: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Thí Dụ .....	182

## PHẬT NÓI KINH SINH

**Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ**

**Việt dịch: Linh-Son Pháp Bảo Đại Tạng Kinh**

卍卍卍

### QUYỂN I

#### Kinh 1: Đức Phật Nói Kinh Na-lại

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị hội đủ.

Lúc bây giờ, có một vị Tộc tánh tử bỏ nhà, xa vợ con, lìa quyến thuộc để làm Sa-môn. Người vợ đoan chánh, xinh đẹp, thấy chồng bỏ nhà đi tu liền tái giá. Vị Tộc tánh tử nghe được tin ấy, lòng nghĩ nhớ những lúc cùng vợ vui vẻ: khi thì vợ chồng giữ lễ tương kính, khi thì cùng nhau cười đùa, phóng túng. Lòng tưởng nhớ không chút nguôi ngoai, hình bóng vợ luôn ám ảnh, khiến Tộc tánh tử hình dáng tiêu tụy, nếp sông luôn luôn sầu thảm, không ham thích việc tịnh tu phạm hạnh, liền định quay về nhà. Các vị Tỳ-kheo hay được, bèn đến bạch Phật. Đức Phật kịp thời cho gọi Tộc tánh tử đến. Tộc tánh tử lập tức tới nơi, làm lễ Phật, ngồi sang một bên. Đức Phật -liền vì Tộc tánh tử mà dứt trừ vọng niệm về sắc dục, lỗi lầm về si ái, giảng dạy về sự nhớ bản của phiền não cấu nhiễm, vui ít buồn nhiều, nhiều thất bại ít thành đạt, diễn ra không giới hạn, chỉ có Đức Phật và các đệ tử sáng suốt của Ngài mới phân biệt nhận rõ được. Ái dục sinh tội lỗi, nhiều không kể xiết, vượt khỏi sắc dục, dứt bỏ mọi tưởng về chúng thì mới có được cuộc sống vắng lặng để học hỏi Diệu đế.

Sau khi nghe Phật thuyết giảng, vị Tộc tánh tử liền thấu rõ pháp sáng suốt của bậc Thánh hiền, đồng thời các vị Tỳ-kheo cũng đạt được điều chưa từng có. Các vị ấy cùng nhau bàn bạc:

-Chúng ta hãy ngẫm nghĩ xem việc này, quả là vị Tộc tánh tử đã lìa bỏ gông cùm, xiềng xích của tù ngục gia đình, nhưng lại tự ràng buộc tư tưởng tham đắm về vợ con, không chuyên tu phạm hạnh, Đức Thế Tôn đã kịp thời, bằng những

phương tiện thông tuệ của Bậc Như Lai mà khai thị cho, khiến cho con người trở nên Hiền thánh.

Khi ấy, các vị Tỳ-kheo thưa với Đức Thế Tôn:

-Chúng con xét thấy quả là vị Tộc tánh tử có lìa bỏ gia đình, quyết làm Sa-môn, nhưng lại tưởng nhớ tới vợ con, gia sự. Đức Thế Tôn đã vì ông ấy mà chỉ ra lỗi lầm của ái dục, công năng của giới luật, hoạn nạn của sinh tử và sự an vui của cõi vô vi giải thoát khiến cho người tu tập đạt đến cảnh giới của bậc Thánh, dứt mọi tham đắm, vướng mắc. Làm được việc này, ngoài Đức Như Lai Chí Chân Chánh đẳng giác ra, không còn ai có thể thực hiện được.

Đức Phật nói:

-Này các vị Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo ấy, chẳng phải mới đời này dấy lòng tham đắm sắc dục, tình ái, không thể tự kiềm chế tâm, ý bị ràng buộc với ái dục không thể dứt ra được. Đây cũng không phải lần đầu Ta khuyên hóa ông ấy dứt trừ những mê hoặc của ái dục mà ngay trong đời quá khứ xa xưa kia, Ta cũng đã từng làm việc ấy rồi.

Đức Phật kể:

-Trong thời quá khứ, có một vị quốc vương tên là Phương Tích, trong cung có rất nhiều mỹ nữ nhan sắc mặn mà không đâu sánh kịp. Bọn họ hay cùng với người khác tranh cãi, như với bọn gái dâm đảng không chút xót thương, hoặc với các tỳ nữ, đám đồng tử cũng cầu tranh giành. Mọi người đều gây gỗ không chịu hòa mục với nhau, vừa gây gỗ xong, liền kéo ra khỏi cung đi mất. Vua Phương Tích nghe được chuyện này bèn nổi giận. Bọn mỹ nữ ấy đi đâu mà đám gia nhân tìm không thấy khiến nhà vua ưu sầu chẳng vui, lại khóc lóc thảm thương. Vua luôn tưởng nhớ những người phụ nữ: nhớ lúc cười đùa vui vẻ, nhớ cảnh tình nghĩa vợ chồng, giờ đây, mọi tâm tư, hành động đều hướng về họ, nên dù có đờn ca xướng hát cũng chỉ thêm buồn, chẳng ích lợi gì. Nhà vua không thể tự thoát ra khỏi tình cảnh này.

Lúc bấy giờ có một vị Tiên nhân, đầy đủ năm thứ thân thông, dùng thân tức bay đi, oai lực vô cùng, tên là Na-lại (**đời Tấn gọi là Vô lạc**), thấy vua Phương Tích bị mê hoặc theo nẻo ái dục, không thể tự cởi bỏ được, nên đem lòng thương xót,

muốn vì nhà vua mà dứt trừ hoạn nạn của ái dục. Vị Tiên Nalaya bay trong không trung, thể hiện thần thông, đột nhiên đáp xuống giữa điện vua. Nhà vua trông thấy, liền đứng dậy nghênh đón, nhường chỗ mời ngồi. An tọa xong, vị Tiên hỏi nhà vua:

-Do đâu mà tâm ý của đại vương đắm nơi ái dục, luôn nghĩ ngợi lao lung, tư tưởng về tình ái, sắc dục, không thể tự ngăn mình lại?

Nhà vua kính cẩn cứ sự thật nêu rõ ràng việc thể nữ trong cung tranh giành về địa vị: lớn, nhỏ, trên, dưới không chịu hòa với nhau, tất cả đều bỏ đi. Đây chính là nỗi ưu sầu, lo lắng không sao cởi mở được.

Lúc ấy, vị Tiên nhân vì nhà vua mà thuyết giảng về các khổ nạn của ái dục, về các công đức của việc xa lìa ái dục. Vị Tiên nói:

-Người đời tìm cầu về dục không biết thỏa mãn. Giả sử có một người thỏa mãn được mọi ham muốn nhưng vẫn không hề thấy mình là đầy đủ.

Bèn nói bài kệ:

Người đời bao ham muốn  
 Biết chán không một ai  
 Mọi nẻo đều nguy hại  
 Có sao tự giết mình.  
 Tất cả các dòng nước  
 Đều đổ về biển khơi  
 Chẳng hề thấy đầy đủ  
 Không chán ai cũng thế.  
 Ví được làm Phạm thiên  
 Sang quý nào ai kịp  
 Chỗ dục lại còn hơn  
 Chẳng hề biết chán đủ.  
 Giả sử cõi Diêm-phù  
 Hết mọi thứ cây cỏ  
 Thiêu đốt mãi không chán  
 “Dục chẳng đủ ” cũng vậy.  
 Như tám hạng nam tử  
 Đoan chánh, dung mạo tươi  
 Tất cả thêm về dục

Uy lực đoan chánh tốt,  
Như vì lời thêm ác  
Hủy dục nơi trượng phu  
Không đáng khinh lại khinh  
Chưa chán, cho là chán.  
Đại vương phải nên biết  
Như học theo ái dục  
Ân ái càng thêm tăng  
Khác nào uống nước mặn.  
Vị Tiên nhân đã vì  
Vua Phương Tích giảng giải  
Nói bài kệ “thông thiết”  
Khiến vua được thông tỏ.

Bấy giờ, vị Tiên nhân đã vì vua Phương Tích đem giáo pháp ấy mà khai thị giáo hóa, khiến nhà vua liền được cởi mở, hiểu rõ, không còn ham chuộng nẻo hoan lạc, xuất gia học đạo, tu tập bốn phạm hạnh, đoạn trừ ái dục, nghiêm trì đầy đủ giới luật, sau khi mạng chung được sinh lên cõi Phạm thiên.

Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Có lẽ các ông đều muốn biết vị vua Phương Tích thời ấy là ai? Đó là vị Tỳ-kheo này (**chĩ vị Tộc tánh tử**), còn Tiên nhân Na-lại chính là tiền thân của Ta đây! Kiếp xưa gặp nhau, đời này gặp lại!

Đức Phật đã thuyết giảng như thế, không một vị Tỳ-kheo nào là không hoan hỷ.

\* \*

\*



## Kinh 2: Đức Phật Nói Kinh Tỳ-kheo Khất Thực

Nghe như vậy:

Khi Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo cùng với nhiều vị khác đi khất thực khắp nơi. Theo thứ lớp, vị ấy đi vào nhà một người đàn bà dâm dăng. Thấy vị Tỳ-kheo đến nhà mình, người đàn bà ấy vui mừng lảng xảng, vội vàng đón tiếp, đánh lễ nơi chân vị Tỳ-kheo, mời vào chỗ ngồi, rồi hỏi:

-Thầy từ đâu đến đây?

Vị Tỳ-kheo đáp:

-Tôi là kẻ khất thực đến đây để xin ăn.

Người đàn bà này liền bày biện các thức ăn ngon đầy bình bát để cúng dường. Vị Tỳ-kheo nhận cúng dường rồi ra về. Lúc ấy, vị Tỳ-kheo được nhận đồ ăn ngon lành đầy đủ, trong lòng rất hoan hỷ, không tự kiểm chế nên thường chỉ đến nhà người đàn bà dâm dăng ấy để khất thực. Người đàn bà này suy tính: “Vị Tỳ-kheo ấy khó lòng giữ được đạo pháp.”

Bà luôn sửa soạn các thứ đồ ăn ngon lành, bổ dưỡng để trao cho vị Tỳ-kheo kia thường lui tới luôn. Học vấn chưa thông, nẻo hành hóa không đủ sức tính toán, chưa điều phục được các căn, vị Tỳ-kheo khất-thực ấy thấy nhan sắc mỹ miều của người đàn bà dâm dăng, nên ý dâm vọng khởi, lòng dạ buông thả, say đắm người đàn bà ấy, miệng nói ra những lời dịu ngọt, ân tình, lòng luôn tư tưởng chuyện thương yêu và những lời đáp lại cũng ân cần trọn vẹn.

Tỳ-kheo khất thực hằng ngày luôn đến đấy, mắt thường thấy sắc đẹp, tai luôn nghe tiếng ngọt ngào, nên ý dâm loạn động, mê hoặc lầm lẫn, chẳng biết gì cả. Như kinh Phật đã nói: “Mắt thấy sắc đẹp, động lòng dâm tà.” Đức Thế Tôn lại dạy: “Nhìn đàn bà, nếu lớn thì xem như mẹ, trung niên thì xem như chị, còn nhỏ thì xem như em gái hoặc như con cái. Phải quán tưởng bên trong thân ấy đều là chất nhầy như uế, không có gì để yêu.

Bên ngoài thân thì như cái bình được vẽ vôi, trong đó chẳng sạch sẽ gì. Phải quán tưởng: thân này do đất, nước, lửa, gió, bốn đại theo nhân duyên hòa hợp thành, nó vốn không có thực.”

Vị Tỳ-kheo kia chưa hiểu được pháp quán về Không, bị sắc đẹp quyến rũ nên ý dâm cứ loạn động mãi, vì người dâm nữ ấy mà nói bài tụng:

Tuổi thơ thực nữ luôn tươi tắn  
Dung mạo đoan chánh càng đẹp xinh  
Nhan sắc so ra hơn tất cả  
Cùng nàng ta nguyện sống chung tình.

Khi đó, người dâm nữ nghe vị Tỳ-kheo, ấy nói như thế, tự cho là mình vốn không biết tham dâm hung ác là phản lại việc nghiêm trì giới luật thanh tịnh, là không tội, nhưng với người tu hành thì tội lỗi thêm dày, nên nàng dựa theo câu nói, lựa lời mà đáp. Nàng dùng kệ đáp lại:

Ta mang cơm nước đến  
Hương hoa, y phục tốt  
Bằng thứ ấy hiến cúng  
Nhu vậy đã đủ chưa ?

Vị Tỳ-kheo liền dùng kệ đáp lại nàng:

Ta không có tài sản  
Xem hoạt động của ta  
Xin ăn để nuôi sống  
Muốn cùng được nương nhờ.

Người dâm nữ dùng kệ nói:

Giả sử thân người không sự nghiệp  
Tại sao quyết cầu chỗ khó đạt  
Nếu ông không biết chỗ hổ thẹn  
Thì hãy mau rời khỏi nhà ta.

Nàng liền trực xuất vị Tỳ-kheo, đuổi đến tận cửa tinh xá Kỳ hoàn. Các vị Tỳ-kheo thấy vậy, liền đến thẳng chỗ Đức Phật thưa rõ sự việc với Đức Thế Tôn và xin Ngài nói rõ gốc ngọn của việc này. Đức Phật nói, vị Tỳ-kheo ấy thân kiếp trước đã từng làm con ba ba, còn người dâm nữ đã từng là con

khí cái. Chúng rất hợp nhau nhưng không được như ý. Rồi quay lại tự lừa dối, bức bách nhau, không đi vào nẻo chánh giáo, nên họ phải chịu hoạn nạn đau khổ mãi như thế. Ý chí, ước nguyện cùng dâm nữ, ước nguyện không thành mà còn bị nhục nên xấu hổ bỏ đi.

Đức Phật kể:

-Trở về vô số kiếp của thời quá khứ xa xưa, trong dòng sông lớn có một con ba ba sinh sống. Bờ cây này cây cối sum suê, trong đám rừng rậm ấy có một con khỉ cái lấy đây làm nơi ở. Lúc con ba ba ngoi lên mặt nước, xa thấy trong đám cây cối có con khỉ cái này, nó cùng chuyện trò, rồi từng chút, từng chút tiến đến dần dần, muốn gần gũi với con khỉ. Lần lượt qua lại hằng ngày thấy nhau, ngày ngày đều như vậy. Nó nhìn mãi không chán, liền khởi ý dâm tà, lòng lại mê hoặc và bị cấu nhiễm, không thể tự biết được. Nó liền dùng bài kệ mà than.  
Kệ:

Đỏ vàng nhan sắc, mắt lại xanh  
Cây cối nhớn như vui lá cành  
Ta muốn biết lông này nhả bóng  
Ước sao được mãi ở bên mình.

Con khỉ cái dùng kệ đáp:

Ta nay biết rõ chàng ba ba  
Vương tử thông minh tài lắm đa!  
Nay có sao lại hỏi đến tớ  
Ta nghe chàng hỏi dạ nghi ngờ.

Con ba ba dùng kệ bày tỏ:

Tâm ta mơ tưởng bóng hình nàng  
Ân ái hoài mong thật rồi lòng  
Do có nhớ thương ta mới hỏi  
Bằng cách gì đây để gặp nàng.

Con khỉ cái đáp lại bằng bài kệ:

Ba ba, chàng biết ta nương cây  
Không thể cùng chàng giao kết được  
Nếu muốn cùng ta vui gặp gỡ  
Lên đây ta phụng dưỡng đủ đầy.

Bấy giờ con ba ba lại nói kệ:

Ta nhờ thịt cá để nuôi thân  
Hấp dẫn ngon lành hơn trái cây  
Đâu bỏ để cầu đồ khó nuốt  
Vì nàng phải ngậm trái hoa này.

Khỉ cái dùng kệ đáp lại:

Giả sử người chàng ở cây to  
Làm thế nào cầu ta chẳng đến  
Nay thấy ta không chút thẹn thò  
Thì mau rời khỏi, nữ nào ngó.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Con khỉ cái ngày trước nay là người đàn bà dâm dăng ấy, còn con ba ba là ông Tỳ-kheo khát thực. Ngày trước phóng túng, mong ước những chuyện như vậy mà chẳng được như nguyện, mãi đến bây giờ rồi cũng thế!

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các vị Tỳ-kheo đều vui vẻ lãnh hội.

\* \*

\*

### **Kinh 3: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Hòa Nan**

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Lúc ấy có vị Thích tử tên là Hòa Nan. Vị này muốn có nhiều đệ tử, nên có ai muốn xuất gia, ông không cần biết họ hành vi tung tích thế nào, cứ cạo sạch râu tóc cho làm Sa-môn, truyền đủ giới pháp, không hỏi đầu đuôi, từ đâu đến, cha mẹ là ai, lành, dữ, tốt, xấu, biết hay không biết, miễn có được người là cạo đầu, truyền giới Cụ túc. Ông chỉ muốn có nhiều đệ tử, không nghĩ đến hậu hoạn. Đáng lẽ phải hỏi rõ ngọn ngành từ đâu đến, theo dõi hành động, đề phòng kẻ lừa dối xâm nhập để khỏi phải hối hận. Tỳ-kheo Hòa Nan chẳng chịu ai can ngăn, hễ gặp được người liền cho cạo đầu xuất gia.

Thuở ấy, có một người hung ác, con kẻ đánh bạc lận. Hắn nghe đồn Thích tử Hòa Nan có nhiều quần áo, bình bát, lại rất muốn có nhiều đệ tử, liền đến xin theo học. Ông Hòa Nan chẳng hỏi gốc ngọn, từ đâu đến mà cứ xuống tóc cho hắn, bản thân hắn thì đói lạnh, không có gì sinh sống, muốn đến đây để lừa dối. Trong lòng dự sẵn mưu kế, hắn đến thẳng chỗ Hòa Nan, cung kính nghiêm trang, dập đầu làm lễ, thể hiện oai nghi phép tắc, đứng ngồi phải cách, không chút sơ hở, vội vã. Thích tử Hòa Nan bảo với hắn:

-Làm Sa-môn phải sống ẩn dật, không ưu phiền, không lo lắng. Còn gần gũi với ái dục thì không phải là điều tốt đẹp. Lười nhác không lo tu tập là người không biết nên bị ái dục hủy hoại. Ái dục mà theo đuổi nhiều thì chỉ mang đến bao nỗi ưu phiền rối rắm, tai hại. Người tham đắm ái dục thì không thể được hóa độ.

Hắn đáp lại:

-Bản thân con không thể vất bỏ ái dục làm Sa-môn.

Hòa Nan lại hỏi:

-Tại sao ngươi chẳng chịu làm Sa-môn? Làm Sa-môn thu đạt được nhiều lợi ích. Ngươi đã có ý xuất gia làm Sa-môn rồi mà. Còn sở học và đức hạnh của ngươi thì ta sẽ giúp đỡ cho.

Hắn đáp:

-Xin vâng lời Thầy dạy, dứt hết lo âu, phiền muộn, sống cảnh ẩn dật, an nhàn để làm Sa-môn.

Như thế là hắn được cạo bỏ râu tóc, thọ Cụ túc giới. Động cơ làm Sa-môn của hắn có ý đồ, nên hắn cố biểu hiện tốt. Hắn cung kính, thuận hòa, tinh tấn tu hành, chưa từng lười biếng, nhẫn nhục, thuận theo lời dạy. Bây giờ, Hòa Nan thấy có thể tin tưởng bảo bọc hắn, chẳng dò xét thái độ, chẳng chút nghi ngờ, lại tin tưởng tuyệt đối. Vì vậy mà Thích tử Hòa Nan đem hết y phục, bình bát cùng các đồ vật được cúng dường giao cho hắn trông coi, rồi đi ra ngoài du hóa, trong lòng yên ổn, chẳng còn vướng bận gì. Ở nhà, hắn ta tóm thâu tất cả y bát và các vật được cúng dường, vội vàng đem cất giấu một nơi kín đáo, rồi cùng với bọn đánh cờ bạc lặn tụ họp nhau ăn uống. Lúc ấy, Hòa Nan nghe được người đệ tử mới kia như thế, liền tức tốc trở về, thấy nhà cửa trống không, mọi vật dụng bị trộm hết, bèn hỏi khắp chung quanh, tìm tới chỗ đông người cũng không thấy hắn, chỉ biết hắn là con kẻ đánh bạc lặn, là hàng côn đồ hung bạo, giả vờ làm Sa-môn, dối trá lừa thầy để ăn cắp của cải. Mọi người đều nói: “Tánh thầy hấp tấp, chẳng hỏi rõ nguồn gốc mà đã xuống tóc cho hắn xuất gia! Nay hắn chiếm lấy của cải, lẩn trốn đâu đó, cùng với bọn đánh bạc lặn ăn chơi!”

Hòa Nan biết được về hắn như vậy, sợ là không thể làm gì được hắn ta nên Thích tử Hòa Nan âm thầm chịu mọi sầu não. Các vị Tỳ-kheo nghe biết việc ấy liền thừa lại đầy đủ với Đức Phật. Bây giờ, Đức Đại Thánh bảo các vị Tỳ-kheo:

-Người đánh bạc lặn trụy lạc ấy không phải chỉ đời này dùng dáng dấp nhà sư đạo đức để lừa gạt, chiếm đoạt của cải, mà kiếp trước hắn cũng thế. Ông Tỳ-kheo Hòa Nan cũng không dứt được sự tin tưởng đối với hắn.

Đức Phật kể:

-Về đời quá khứ xa xưa, lúc đó tại thành Vương xá, có một người hiền đi vào nhà chứa dâm dăng, cùng với gái mãi dâm ăn uống, ca xướng, vui chơi hoan lạc. Cửa cải của ông ta chẳng bao lâu tiêu tán, vì đã bị bọn dâm nữ đoạt lấy hết cả. Chẳng chừa, ông ta lại vào nhà chứa, bị dâm nữ xua đuổi, ông ta la mắng chửi bới chẳng chịu đi. Bây giờ, người dâm nữ nhất quyết đuổi ra khỏi nhà. Cuối cùng, ông ấy đành đi mưu tìm của cải, nhưng rồi đi đi, về về, chẳng tìm được gì.

Quyết tìm cầu của cải, lần đó ông ấy đến nước Uất-đan, tuy đến được nước này, nhưng vì lạ, ông ta chẳng biết ắt giáp gì cả. ở nước uất-đan, bấy giờ có một vị đại Tôn giả, nhiều của cải, châu báu, giàu có vô kể. Ông ta giả vờ làm một người hiền lành, nhân đức đến gặp thẳng vị Tôn giả, thưa:

-Tôi là một người buôn bán, dẫn đường cho nhiều người từ nước tôi đến đây, mang theo của cải châu báu. Trên đường đi, chúng tôi gặp bọn hung ác cướp đoạt hết mọi tài sản đó khiến chúng tôi trở nên nghèo cùng, mùi phần nguy khốn, không thể sống nổi. Tôi vừa được cứu mạng, hết sức chạy đến đây, xin được nương nhờ, hầu hạ Tôn giả.

Vị Tôn giả thấy hấn ta oai nghi tề chỉnh, đi đứng đàng hoàng, có cái uy đức của người hiền, đúng là một người tốt. Từ đó hấn ta lập tâm làm ra vẻ một người trí tuệ thông minh, biện tài, biết ứng xử trong hành động, không lười biếng, tinh ý nhạy cảm mau mắn. Để làm cho Tôn giả hết sức vui mừng, hấn ta cẩn thận giữ gìn tâm ý, chưa từng phóng túng, làm việc gì đâu ra đó, không có việc gì mà không thành tựu, thân hành động trong sạch, miệng nói lời dịu dàng, không chút thô tục, toàn là lời khéo từ đẹp, mọi người thấy thế đều rất hoan hỷ. Toàn thể người trong nhà, quyến thuộc lớn nhỏ của Tôn giả đều rất quý mến thương yêu, ca ngợi hấn ta, khiến Tôn giả thấy thế rất là hài lòng, đem lòng tin tưởng vì những hành động của hấn ta không chút sơ sót. Bấy giờ Tôn giả thấy đức hạnh của hấn trong ngoài tốt đẹp không chút lỗi lầm, nên khuyến khích, giúp đỡ hấn trong mọi công việc của hấn tạo ra. Tôn giả rất kính trọng không chút khinh thường, dốc hết lòng tin, xem hấn như anh em, không có gì phân biệt, đâu đó rõ ràng, không mảy may lừa dối, ít lâu sau khi được tín nhiệm, nắm được một số tài sản lớn, hấn liền chiếm đoạt đem ra ngoài, dùng xe chở hết số tài sản quý báu ấy về thành Vương xá, cùng với bọn gái dâm dăng ăn uống, vui chơi thỏa thích.

Ở nhà vị Tôn giả không thấy hấn xuất hiện, liền cho người tìm kiếm lục lợi khắp chốn, không biết hấn tụ họp nơi nào! Xem lại kho tàng thì thấy mất rất nhiều của cải, châu báu không biết bao nhiêu mà kể. Thấy mất của cải, vị Tôn giả lại cho người tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không thấy hấn đâu. Mãi sau mới nghe người ta đồn đãi: Tên ấy đã trở về thành Vương xá cùng với bọn dâm nữ ăn chơi. Gã con của người đánh bạc lận ấy, chẳng phải là hạng trưởng giả, chẳng phải là hạng người như Tôn giả đã nghĩ. Tôn giả đi dò tìm khắp nơi cũng không gặp được, rất tự giận mình, làm bài kệ than:

Không phải hiền quân tử  
Mà ra dáng hào hoa

Lời khéo chứa điều ngoa  
Không nên tin tưởng chúng.  
Nhìn bề ngoài hành động  
Thấy họ rất hiền hòa  
Người trí phải phòng xa  
Quan sát cho thật rõ.  
Tánh ác mới tường tỏ  
Bọn lưu manh giờ trò  
Mà ta không nở lời  
Như ăn đồ độc hại.  
Thì sao không phần lại  
Ân tình cũng tiêu tan  
Kẻ trí phải biết phân  
Lúc nào nên giúp đỡ.  
Như ta vừa rồi đó  
Tin tưởng kẻ dối lừa  
Giả hiền dạng dễ ưa  
Đoạt của cải trốn mất.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Vị Tôn giả lúc đó nay chính là ông Tỳ-kheo Hòa Nan đây, còn tên  
lượng gạt thì nay chính là tên con của người đánh bạc lận giả làm Sa-môn  
lừa dối ông Hòa Nan. Đòi trước đã xâm đoạt nhau, đòi nay cũng thế.

Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*

\*



## **Kinh 4: Đức Phật Thuyết Giảng về Việc Sinh Sống Bằng Tà Nghiệp**

Nghe như thế này:

Một thời Đức Phật du hóa ở khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, vị Thích tử Hòa Nan vì người thuyết kinh giảng về mọi hoạt động để sinh sống, ông chỉ nói về việc ăn, mặc. Trong nhiều trường hợp khác, ông chỉ thuyết giảng về các việc phước đức cùng sự báo ứng, chưa từng giảng luận về cái diệu nghĩa của trí tuệ nơi đạo pháp, nhờ đó ông thu được rất nhiều đồ dùng về ăn mặc, rời xa nẻo Hiền thánh. Nói lắm điều về việc ăn uống của thế gian, những lúc cao hứng, ông đã nói những điều không nên nói và không đả động gì đến trí tuệ rộng lớn vượt sinh tử của đạo pháp. Các vị Tỳ-kheo thấy vị Tỳ-kheo đi khát thực, đến nhà người ta chỉ thuyết giảng; về các sự việc thế gian cùng sự cúng dường về ăn uống, y phục, liền trách cứ can ngăn, tiếng ồn lan ra làm các người theo học nghe được, họ cũng a vào để trách cứ can ngăn việc làm đó. Họ bàn với nhau:

-Thế nào là người hiền? Đức Thế Tôn Đại Thánh, Ngài đã thể hiện sự thông đạt bậc Thánh ấy qua tự thân chúng đạt Tối Chánh Giác, thuyết giảng cho đời pháp thâm diệu khó kịp, khó tỏ, truyền dạy khắp nơi giáo lý mâu nhiệm: vô niệm, vô tướng, lòng lìa danh, sắc, được yên định, dứt hết khổ hoạn. Hạng sáng suốt đạt đạo, từ vô số kể trăm ngàn muôn ức kiếp, gốc từng theo chư Phật, lãnh hội chánh pháp, phụng trì, đều đạt đến cõi an ổn, tịch tĩnh. Các vị Tỳ-kheo nghe được chánh pháp, có được lòng tin từ gia đình, đã lìa bỏ nơi ấy xuất gia theo đạo, mà trở lại chuyên thuyết giảng về kinh điển thế tục, nhiều vọng tưởng tham cầu, đầy khởi bao chuyện về ăn uống dung tục, thật không nghĩa lý gì cả. Chỉ có kẻ xa lìa nẻo Thánh hiền mới làm những sự việc như vậy!

Các vị Tỳ-kheo liền đến bạch với Đức Thế Tôn.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

-Đó không phải là Sa-môn, cũng không phải là hành động của kẻ xuất gia thọ Cụ túc giới, đó chỉ là dựa dẫm vào đạo pháp để sinh sống, chỉ cầu lấy sự ăn mặc, chưa từng biết chỉ dạy hay dẫn dắt kẻ khác.

Lúc ấy, Đức Phật Thế Tôn đã dùng vô số sự việc để khiển trách về việc làm ấy là trái với giáo pháp. Ngài nói với các vị Tỳ-kheo:

-Ông Thích tử Hòa Nan là hạng nam tử ngu si, không phải chỉ mới đời này, đem chuyện lợi ích về ăn mặc của thế tục, thuyết giảng rộng rãi để được nổi danh, khiến cho mọi người cúng dường, mà từ kiếp trước, ông cũng đã làm thế.

Về thời quá khứ xa xưa, ở một nơi chốn hết sức vắng lặng, có nhiều vị Thần tiên cư ngụ, trong số đó có một vị Tiên ngu tối, không có trí tuệ, tâm ý tự ngăn lấp, thuyết giảng cho các quốc vương, thái tử và hàng quan lại, ông cũng chỉ nói tới các việc ăn uống với các món ngon vật lạ hoặc chuyện may mặc đủ loại, không hề bàn luận về đạo lý. Ông còn biết chọn hoàn cảnh thích hợp, như thấy kẻ giàu sang, xe ngựa thì đón lại để tìm đến giảng kinh. Hoặc vì những kẻ mê muội mà tìm tới giảng kinh. Hoặc nhân sự trở ngại khó khăn gì đây mà tìm đến giảng kinh. Hoặc vì sự ăn mặc ngon lành, đẹp đẽ của thế tục mà tìm tới khen ngợi để giảng kinh. Do những việc làm đó, ông được mọi người cúng dường đủ thứ các món ngon vật lạ. Khi ấy có một vị Phạm chí ngoại đạo thấy sự việc như thế, nên đã vì quốc vương, thái tử và các đại thần mà thuyết giảng kinh điển. Từ xa trông thấy xe ngựa của vị Tiên mê muội ấy đi tới, các vị Tiên liền đến thưa lên vị Hòa thượng và các vị Tiên khác biết. Nghe được các điều đó, các vị Tiên đều cùng trách cứ, can ngăn, cho rằng những việc làm ấy là sai trái. Đến khi vị Hòa thượng lớn nhất, tức vị Tiên đạt được năm thần thông hỏi rõ việc đó, Bồ-tát (*vị Tiên năm thần thông*) tức thời quở trách:

-Không nên như thế! Vì nếu người kia đã phạm phải những việc làm phi nghĩa, mà ta lại bài báng thì kẻ cả hai bên đều chẳng tốt đẹp gì! Chẳng phải là việc chân chánh. Lại nữa thuyết giảng kinh ấy là rời xa chỗ đứng của Hiền thánh, không thích hợp với sách vở. Người nghe, nhận thì cũng có nên chăng? Bởi vì cả hai đều bị đọa lạc!

Đối với việc của Hòa Nan, Đức Phật nói bài kệ:

Hai bên không thông nghĩa  
 Đọa lạc kẻ cả hai  
 Thuyết pháp nghĩa lý sai  
 Nghe kinh không hiểu rõ.  
 Đánh giá đời rất khó  
 Thần tiên giảng tục kinh  
 Thu lợi lộc cho mình  
 Không biết cách khen ngợi.  
 Ăn cơm gạo thơm ngon  
 Thịt toàn đồ bổ dưỡng  
 Còn dựa vào Thánh hiền

Nhằm luận giảng điển chương.  
Chí tại nơi nhàn nhã  
Lương thực bằng rau quả  
Ta vui cuộc sống đây  
Thần Tiên vui pháp này  
Ca ngợi đạo tịch diệt  
Muốn làm Phạm chí tốt  
Tự điều phục oai nghi,  
Không vui trong mê si  
Ít đòi hỏi, biết đủ  
Bỏ nhà làm khát sĩ  
Hãy nên sống như vậy  
Chớ trái với kinh pháp.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Các vị hễ muốn biết người vào thời ấy hay lấy chuyện ăn ngon, mặc đẹp để thuyết giảng, không bàn luận gì về đạo pháp, nay chính là ông Thích tử Hòa Nan đây. Các vị Hòa thượng với những phạm hạnh thanh tịnh nay chính là chúng Tỳ-kheo này. Vị Tiên nhân chúng đắc năm thần thông chính là Ta. Đòi trước gặp nhau, đòi này cũng gặp nhau.

Đức Phật giảng dạy như thế, các vị Tỳ-kheo không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*

\*

## Kinh 5: Đức Phật Thuyết Giảng về Kinh Ngã Sở

Nghe như thế này:

Một thời, Đức Phật du hóa ở khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Lúc bấy giờ, có một vị trưởng giả tuổi cao, giàu có vô kể, vàng bạc châu báu nhiều không biết bao nhiêu, nhưng ông sống trong cảnh khổ cực, thiếu thốn, chịu mọi sự đói khát, lạnh nóng. Ông cứ đương đầu với những khó khăn, lo lắng toan liệu về các hoạn nạn, không kể gì đạo lý là để ky cốp nên cái sản nghiệp này. Tuy giàu có, ông chẳng chịu tiêu xài, không biết bố thí, không hề cúng dường, không nuôi dưỡng mẹ cha, không cung cấp đầy đủ cho vợ con, tôi tớ. Đối với gia đình, bà con, hàng xóm trong ngoài, còn không được chút lợi lộc gì thì nói chi đến việc ông bố thí để tạo phước đức! Mặc thì toàn áo quần bằng vải thô xấu, ăn thì ăn đồ ôi hư, lòng luôn tiếc của, cha mẹ thiếu thốn, vợ con đói lạnh, gia thất trong ngoài không hề giao tiếp. Ông thường sợ những người ấy gây điều phiền nhiễu. Họ có cầu xin điều gì, ông đều tỏ ra keo kiệt, tham tiếc của cải, đúng là hạng thiếu phước không trí, chỉ bo bo giữ lấy phần mình, không chịu giúp đỡ ai.

Trong lúc còn sống, hoặc vô tình hay hữu ý, tích lũy tài sản của báu nhiều vô số kể mà chẳng tiêu dùng, đến khi mạng chung, nếu không có con nối dòng thì mọi của cải đều bị sung công quỹ. Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo:

-Các ông hẳn đã được nghe về con người tầm thường, ngu muội, có được nhiều của báu mà chẳng tiêu xài, không phụng dưỡng mẹ cha, nuôi nấng vợ con, tôi tớ, khách khứa thì muôn phần về sau không được chút lợi ích gì mà còn tổn hại.

Các vị Tỳ-kheo nghe thế, tất cả cùng thưa với Đức Phật:

-Dạ đúng như vậy, thưa Đức Thế Tôn, có một vị trưởng giả tên gọi là X, giàu có, của cải nhiều thật không lường, không chịu tiêu dùng, lại không phụng dưỡng mẹ cha, không nuôi nấng vợ con, tôi tớ, không biết bố thí, một ngày kia chết đi, mọi của cải đều bị sung công quỹ.

Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo:

-Ông trưởng giả cao tuổi ấy chẳng phải chỉ mới đời này keo kiệt, tham tiếc của cải mà kiếp trước cũng thế.

Đức Phật kể:

-Thuở đời quá khứ xa xưa, ở núi Đại hương mọc rất nhiều cây Tất-bát, là loại dược liệu và hồ tiêu. Trên cây Tất-bát có một con chim tên là Ngã sở, sinh sống nơi đó. Đến tháng xuân, trái cây thuốc chín, người ta đến hái về để ăn và làm thuốc chữa bệnh. Khi ấy, con chim Ngã sở hô hoán kêu than: “Đây là trái của tôi, các người chớ lấy, lòng ta chẳng muốn các người hái!” Mặc cho chim kêu la, người ta vẫn cứ tiếp tục hái, chẳng thèm nghe tiếng kêu của nó. Con chim phước mỏng, cứ ưu sầu kêu la mãi không thôi, do vậy mà chết.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Đúng như thế đấy! Người ngu si lúc ấy là người căn trí thấp kém, sống chỉ lo làm giàu, không kể chánh tà, dốc tích lũy tài sản. Một mai chết đi, của cải không đem theo được. Như con chim tên là Ngã sở kia, thấy quả cây Tất-bát và các cây thuốc đã chín liền hô hoán kêu than: “Tất cả đều của ta” nhưng người ta cứ hái lấy, không thể ngăn cấm được.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Có chim tên Ngã sở  
 Ở tại núi Hương sơn  
 Đến mùa trái chín ngon  
 Hô hoán của tôi đấy (Ngã sở).  
 Nghe tiếng lữ vang dậy  
 Lũ chim đều kéo về  
 Người hái trái rồi đi  
 Chim Ngã sở bực dọc.  
 Con người đâu có khác  
 Tích tụ của quá nhiều  
 Mà không chịu chi tiêu  
 Như chim, không bố thí.  
 Quan trên và giặc dữ  
 Oan gia cùng lửa nước  
 Thiêu rụi hoặc cướp đi  
 Như chim, trái bị mất.  
 Sống chẳng ưa ăn mặc  
 Giường chõng cũng không màng  
 Hương hoa khắp cúng dường  
 Nên có được như vậy.

Đã được thân con người  
Lại về với giống nòi  
Chết là bỏ hết rồi  
Không đem được gì cả.  
Cho nên phải tạo đức  
Lo nghĩ-đến kiếp sau  
Người tạo phước đức nhiều  
Quả đời sau chờ kết.  
Không được vậy, khi chết  
Nóng nảy ở trong lòng  
Nếu trước ta buông lung  
Thì nay nên tạo đức.

Đức Phật bảo cho các vị Tỳ-kheo:

-Nên biết chim Ngã sở lúc đó nay là ông trưởng giả đây. Vậy nên Tỳ-kheo các ông phải lo tu học, chẳng nên keo kiệt, tham tiếc của cải, dứt trừ lòng cấu bần, thường tu hạnh thanh tịnh, đó là lời dạy của chư Phật.

Đức Phật giảng nói như thế, không ai là không vui mừng lãnh hội.

\* \*  
\*

## Kinh 6: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Con Gà Rừng

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa nơi khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Lúc bấy giờ Đức Phật kể với các vị Tỳ-kheo rằng:

-Thuở quá khứ, nhiều đời trước đây, trong rừng cây rậm rạp có một con mèo rừng đang sống ở đó. Gặp ngày lâm bồn, nó không kiếm ăn được nên đói lả. Nhìn thấy trên cây cao có một con gà rừng xinh xắn, đẹp đẽ, nó bèn làm ra vẻ có lòng nhân từ thương xót, vừa lê lét, vừa thở hổn hển, khiến cho người, vật đều chú ý. Con mèo rừng đã có chủ tâm độc ác, muốn lấy mạng con gà rừng nên từ từ tiến đến bên gốc cây, dùng lời dụ ngọt, ngọt khen:

Lặng thinh làm mặt lạ  
Ăn cá, mặc áo đẹp  
Thôi người hãy xuống đất  
Ta vì người kết giao.

Gà rừng đáp kệ lại:

Người có bốn giò đủ  
Thân ta có hai chân  
Mèo với gà khác loại,  
Không nên kết vợ chồng.

Mèo rừng nói kệ:

Ta đã đi nhiều chỗ  
Quận, huyện và quốc gia  
Không gặp được người ưa  
Chỉ mình người vừa dạ.  
Thân người thật gọn đẹp  
Dáng vẻ khó ai bằng  
Ta cũng tươi, dịu dàng  
Sơn trẻ và trong sạch.  
Hãy cùng nhau hoan lạc  
Như gà đi chơi ngoài  
Vừa lòng đều cả hai

Thì sao không vui thích.

Gà rừng đáp lại:

Người sao ta chẳng biết  
Thì người muốn gì đây  
Mọi việc chưa đủ rõ  
Người trí chẳng vui vậy.

Mèo rừng lại nói:

Thuận lấy ta làm vợ  
Ngược, như gậy đánh đầu  
Dù nghèo cùng đến đâu  
Cũng giàu như mưa báu.  
Gần quyền thuộc con cháu  
Sẽ phát tài không lường  
Gần gia đình thân thương,  
Thì yên tâm bền vững.

Gà rừng đáp:

Ý dứt, ta theo nàng  
Mắt xanh như ghê dữ  
Nhu bị dây khóa vòng  
Nhu ngục tù giam giữ.

Mèo mắt xanh nói:

Không cùng ta đồng lòng  
Nói chi lời gai góc  
Có dụng ý gì chẳng?  
Lòng ta buồn rười rượi.  
Đức hạnh ta vang lừng  
Làm gì lưu xú ứ  
Nào, muốn bỏ ta chẳng?  
Ta đi xa biệt xứ.

Gà rừng đáp:

Người quyền rũ đi xa  
Hung tộ như măng xà  
Tuy lông người mềm mại  
Nhưng không muốn sánh đôi.



Mèo rùng nói:

Mau đáp thẳng xuống đây  
Ta có điều tỏ bày  
Góp lời cùng thân thích  
Trình cho cha mẹ hay.

Gà rùng trả lời:

Vợ ta còn son trẻ  
Đoan trang, tâm tốt lành  
Nết na và đức hạnh  
Lòng ta xa sao đành.

Mèo rùng nói:

Ở đây dạy dỗ nghiêm  
Gà nhà theo chánh giáo  
Trong nhà có tôn trưởng  
Phép tắc được giữ gìn.  
Cây dương liễu ngoài hiên  
Mọi người đều cung kính  
Quanh năm đều tốt rậm  
Nhu Phạm chí thờ lửa.  
Đem thế lực nhà ta  
Phụng thờ các Phạm chí  
Tốt lành nhiều con cháu  
Lại được nhiều cửa báu.

Gà rùng đáp lại:

Trời thỏa nguyện người đó  
Lấy gậy Phạm đánh cho  
Ở đời có pháp gì  
Sao lại muốn ăn gà?

Mèo rùng lại nói:

Ta sẽ không ăn thịt  
Bộc lộ ý trong lành  
Đôi chư Thiên thờ dạy  
Ta mong được việc này.

Gà rùng lại dùng kệ đáp:

Ta chưa từng nghe thấy  
Mèo rừng mà tu hành  
Người muốn diệt ta nhanh  
“Ăn gà” là mơ ước.  
Cây và quả phân khác  
Giả cười lời đẹp hay  
Ta trọn chẳng tin mảy  
Làm sao ăn gà được.  
Tánh ác bộc lộ hết  
Mặt như máu đỏ thâm  
Mắt thì xanh như chàm  
Người cứ phải ăn chuột.  
Trọn chẳng ăn gà được  
Sao chẳng bắt chuột đi?  
Mắt xanh, mặt đỏ lừ  
Tên mèo, lúc hô hoán.  
Ta lông thấy dựng đứng  
Nhanh trốn đi cho rồi  
Đời đời xa lìa người  
Ý nào gặp nhau được.

Bấy giờ, mèo rừng lại nói;

Lành đâu tại sắc mặt  
Đoan chánh cũng vậy thôi  
Xét phép tắc oai nghi  
Xem tu nhân tích đức.  
Đủ hành vi tích cực  
Lại phương tiện, thông minh  
Gia thế rõ sự tình  
Chưa từng ai sánh kịp.  
Ngày ngày ăn mặt đẹp  
Ta hay tắm gội thường  
Bày ca múa tưng bừng  
Nếu được người bảo bọc.  
Ta vì người chải tóc  
Và chăm sóc rửa chân  
Đến đây xem đùa không?  
Rồi yêu ta chẳng muộn.

Lúc ấy, gà rừng đáp:

Lòng ta đầy tự ái

Khiến sợ người chửi đầu  
Nếu cùng người thân cận  
Chắc chẳng sống lâu đâu

Đức Phật bảo với các vị Tỳ-kheo:

-Nên biết con mèo rừng lúc đó nay là Tỳ-kheo Chiên-già, còn con gà là tiền thân của Ngài. Kiếp xưa gặp nhau, đời này cũng thế.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*

\*

## **Kinh 7: Đức Phật Thuyết Giảng về Việc Tranh Người Con Gái Ở Đồi Trước**

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cáp cô độc thuộc Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ Điều-đạt tâm niệm độc hại tự cho mình đạt được đạo, bài báng Đức Như Lai. Mọi người đều trách mắng ông. Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Đế Thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương, tất cả đều khuyên nhủ:

-Chớ nên có ý hại đến Đức Như Lai, không được bài báng Đức Thế Tôn. Đức Phật là Đấng Chí Tôn của tất cả chúng sinh trong ba cõi, chúng trí tuệ ba đạt không hề bị ngăn ngại, trên trời dưới đất không ai là không quy mạng. Làm sao lại phi báng Ngài? Tội lỗi thật không thể lường được! Nhà người muốn hủy báng Đức Phật, chẳng khác nào đưa tay muốn với lấy mặt trời, mặt trăng; như đem một hạt bụi mà muốn vượt hơn núi Tu-di; như cầm một sợi lông mà đo lấy hư không.

Ông Điều-đạt nghe những lời khuyên ấy nhưng tâm không cải hối. Khi ấy, các vị Tỳ-kheo đều thưa với Đức Phật để rõ về việc đó:

-Ông Điều-đạt có hiềm khích gì mà ôm lòng oán thù Ngài quá vậy?

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Ông Điều-đạt chẳng phải chỉ mới đời này mà nhiều đời đã như thế.

Đức Phật kể:

-Về thời xa xưa, trải qua vô số kiếp, có một vị Phạm chí rất giàu có, tài sản vô kể, sinh được một người con gái xinh đẹp, đoan chánh, dịu dàng, nhan sắc có một không hai. Các Phạm chí cho đây là một dòng họ hơn người: đã là xử nữ thì phải sánh đôi với kẻ thông hiểu sách vở. Lúc đó, vị Phạm chí mời năm trăm người đồng học về nhà cúng dường ba tháng để xem xét về chỗ hiểu biết của họ. Trong năm trăm người này, có một vị trí tuệ vượt trội, học thấu ba kinh, rộng thông năm điển, văn chương rành mạch, hợp với nghĩa kinh, hạch hỏi, tìm lỗi thì không có chỗ nào còn nghi ngờ, nên được mời ngồi ở chỗ cao hơn hết, nhưng có điều là ông ấy quá già lão, mặt mày lại xấu xí, hai mắt lại xanh, xem chẳng giống người. Vợ chồng vị Phạm chí buồn rầu, còn cô con gái cũng phiền muộn lo lắng. Làm sao mà cùng với người đó nên vợ chồng được, nằng sợ

chẳng khác nào sợ quý. Đang lúc chưa biết phải làm sao, thì từ phương xa có một vị Phạm chí trẻ tuổi, dung mạo đẹp đẽ đến. Vị Phạm chí này tinh tường ba kinh, thông đạt năm điển, biết rõ thiên văn, địa lý, thấu được mọi việc tai biến lành dữ. Ông cũng biết cả sáu phép đánh bạc, biết các yêu thuật quái dị, xem được thai đang mang là trai hay gái, sinh con khó hay dễ. Ông có lòng thương xót mười phương chúng sinh, đến cả các loài bò, bay, máy, cựa, luôn thể hiện bốn đẳng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Hộ (Xả). Ông nghe biết vị Phạm chí rất giàu có, lại thuộc dòng họ tiếng tăm, đã mời năm trăm người đồng học đến cúng dường trong ba tháng và muốn gả con gái, nên tìm đến thẳng gia đình ấy. Ông vấn nạn các vị Phạm chí kia, khiến cho những vị này trở nên lúng túng, không tìm được lời đáp lại. Năm trăm người ấy trí tuệ không bì kịp, đành để vị Phạm chí trẻ tuổi đó chiếm ngôi thượng tọa. Bây giờ, cô gái và cha mẹ cô thấy vậy đều rất hoan hỷ, cho rằng mình cầu hôn cho con gái đã lâu ngày, nay được như nguyện. Vị Phạm chí đáng kính nói:

-Ta nay tuổi đã già, muốn gả chồng cho con gái đã lâu. Nếu nay ta đúng như mong ước giao con gái ta cho người làm vợ, người nên yêu thương ta tuổi già, chớ hủy nhục nó.

Vị Phạm chí tuổi nhỏ đáp:

-Tôi không thể vượt khuôn phép mà phải theo đúng tình người, tôi xin nhận, tôi biết mình phải làm gì đối với ngài.

Ba tháng cúng dường đã hết, vị Phạm chí giàu có đem con gái giao cho vị Phạm chí trẻ tuổi. Vị Phạm chí già nua kia ôm lòng độc ác, nghĩ: “Người đã làm nhục mà đoạt vợ của ta, đòi đòi ta oán thù người, tìm cách hại và làm nhục người, quyết không để yên cho người đâu.”

Người Phạm chí trẻ tuổi luôn thể hiện tâm từ bi, còn người Phạm chí già nua kia thì cứ ôm lòng độc hại.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Người Phạm chí già nua thời ấy nay là Điều-đạt, còn vị Phạm chí trẻ tuổi chính là Ta, người con gái kia chính là Cù-di. Đòi trước đã kết, đòi nay khó giải.

Đức Phật đã giảng nói như thế, các vị Tỳ-kheo không ai là không vui vẻ lãnh hội.

\* \*

\*

## **Kinh 8: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Ngọc Bị Roi Vào Trong Biển**

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa ở núi Linh thúu thuộc thành Vương xá cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, tất cả các vị đại Thánh đều đã đạt được thần thông.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo tụ tập ở giảng đường, cùng nhau bàn luận:

-Đức Thế Tôn của chúng ta, từ vô số kiếp luôn tinh tấn tu hành, không chút biếng trễ, không còn bị vây buộc với nạn sinh tử trong năm đường, dốc mong được giác ngộ để cứu độ tất cả chúng sinh. Do luôn hành tinh tấn, Ngài đã vượt qua chín kiếp, chúng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là Bạc Tội Chánh Giác. Chúng ta là những kẻ mới được Ngài thi ân hóa độ, phải nên noi theo để tu tập.

Lúc ấy, Đức Phật từ xa nghe lời bàn luận của các vị Tỳ-kheo đó, liền đến giảng đường hỏi các vị đã bàn luận điều gì? Các vị Tỳ-kheo thưa:

-Chúng con đang bàn luận: Đức Thế Tôn công đức thật vòi vọi không lường, từ nhiều kiếp đến nay luôn tinh tấn tu hành chẳng chút chán nản, không xa lánh những gì khó khăn, siêng năng khổ nhọc để cầu đạo, nhằm tế độ muôn loài không bị roi rớt giữa chừng, tự chúng được đạo quả Phật-đà, chúng con nhờ ân ấy mà được hóa độ.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Thật đúng như lời các ông vừa nói. Ta từ vô số kiếp đến nay, luôn dốc tinh tấn cầu đạo, không chút nhác lười. Vì thương xót chúng sinh, muốn độ cho họ được giải thoát. Nhờ ở sự tinh tấn ấy, vượt qua chín kiếp, chúng được quả Phật trước khi Phật Di-lặc ra đời. Ta nhớ về đời quá khứ, vô số kiếp trước đây, thấy dân chúng trong nước vô cùng nghèo khó, thương xót họ, phải tìm cách gì để giúp họ được no đủ. Ta nghĩ là phải vào biển để kiếm được ngọc Như ý mới mong cứu giúp họ được. Bèn giống trống, khua chuông kêu gọi ai muốn vào biển để tìm kiếm châu báu. Mọi người tụ hội lại khá đông. Khi sắp lên thuyền, ta ra lệnh chỉ rõ: Đi biển lần này là xa cha mẹ, chẳng luyến tiếc vợ con, xem thường sự sống chết của bản thân, có như vậy thì mới nhập bọn. Sở dĩ như thế là vì có ba cái nạn ở biển cả: Một là ngoài biển có loài cá lớn, dài đến hai mươi

tám ngàn dặm; hai là quỷ thần, La-sát luôn muốn lật đắm thuyền chúng ta; ba là núi bị chấn động. Ta nói điều này để sau khỏi có kẻ oán trách.

Vừa nghe nói xong, mọi người đều thoái chí. Chỉ có năm trăm người một lòng kiên quyết ra đi. Thế là họ nhìn chiều gió, dong buồm ngồi thuyền ra đi, đến thẳng biển của Long vương để trước hết là tìm cầu ngọc Như ý. Long vương thấy họ siêng năng, khó nhọc mới đến được biển, muốn giúp đỡ kẻ nghèo khó, nên lấy ngọc cho họ. Những người đi tìm ngọc, ai nấy đều lo thu nhặt của báu, đã đầy đủ rồi thì họ lên thuyền trở về. Các rồng ở trong biển và quỷ thần đều bàn với nhau:

-Ngọc Như ý này là của quý báu nhất ở biển, không thể để cho người thế tục lấy được, sao lại làm tổn hại cho biển cả mà làm lợi cho cõi Diêm-phù-đề?

Chúng đâm ra tiếc rẻ nên tìm kế đoạt lại, chứ chẳng chịu mất ngọc báu về tay loài người. Lúc ấy, rồng và quỷ thần ngày đêm bao vây họ nhiều vòng, quyết đoạt cho được ngọc báu kia. Vị Thầy dẫn đường cho các người đi tìm ngọc ấy oai đức cao vời, đấm quỷ thần và rồng tuy muốn lật thuyền để đoạt ngọc Như ý, nhưng sức của chúng không đủ. Vị Đạo sư và năm trăm người đi lấy ngọc đều yên ổn vượt biển. Bồ-tát (*Vị Đạo sư*) mừng rỡ, cho thuyền dừng lại bên bờ biển, cúi đầu xuôi tay chú nguyện thần biển, cột châu báu ở nơi cổ. Khi đó, rồng và quỷ thần nhân cơ hội ấy đã làm cho ngọc báu rơi hết xuống biển.

Vị Đạo sư hết sức xót xa, nghĩ: “Ta đi thuyền gian khó, khổ sở không kể xiết, vào biển mới lấy được của báu này để cứu đói cho mọi người. Nay thần biển lại đem đồ xuống đáy sâu!” Ngài bèn bảo người hầu cạnh mau đem vật dụng đến để hút nước biển cạn đến đáy bùn, nếu tìm không được ngọc báu ấy thì không thể chấm dứt. Có đồ hút nước biển rồi, ngài dốc hết sức lực mình chẳng nề gian khó, không tiếc đến tánh mệnh, làm cho nước tự nhiên bị hút vào vật dụng kia. Các quỷ thần và rồng thấy sự việc như thế, lòng đều lo sợ, cho rằng người này uy thế và sức tinh tấn như vậy thật chẳng phải người đời có được. Nếu để ông ấy cho hút nước thì chẳng bao lâu biển sẽ cạn kiệt. Nghĩ thế nên chúng liền mang ngọc báu đến xin trả lại và tạ từ:

-Chúng tôi không lượng sức mình, chẳng hiểu được sức mạnh tinh tấn vô địch trong thiên hạ của bậc Đạo sư!

Thu lại của báu trở về nước, ngài quán tưởng về vật ấy, cầu nguyện khiến trời mưa bảy thứ báu, rồi đem của đó cung cấp cho thiên hạ khiến mọi người đều được an vui, no đủ.

Đức Phật bảo:

-Vị Đạo sư ngày ấy chính là tiền thân của Ta, năm trăm người theo Ta lấy của báu nay là đệ tử của Ta đây. Ta là người hướng dẫn mọi người tinh tấn xông vào biển cả, lấy được của báu đem về, cứu giúp mọi người cùng khổ. Đến nay Ta đã chứng được quả vị Phật, ra khỏi sinh tử, được trí tuệ vô lượng, tế độ chúng sinh không hề sót một loài nào.

Đức Phật đã giảng nói như thế, các vị Tỳ-kheo thấy đều hoan hỷ lãnh hội.

\* \*

\*



## **Kinh 9: Đức Phật Giảng Thuyết về Chuyện Tỳ-kheo ni Chiên-xà ma Bộc Chí Hủy Báng Đức Phật**

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Lúc bấy giờ, quốc vương Ba-tư-nặc thỉnh Đức Phật và các vị Tỳ-kheo vào cung thọ trai. Đức Phật cùng các vị đại Tỳ-kheo và Bồ-tát rời khỏi khu lâm viên, Trời, Rồng, Thần, Quỷ cùng quyến thuộc vây quanh. Trời Đế Thích, Phạm thiên và Tứ thiên vương rải hương hoa, tấu nhạc trời cúng dường ở trên cao, cùng rưới nước hương thơm xuống đất. Đang lúc Đức Phật cùng đại chúng vào thành Xá-vệ nhằm đến thẳng vương cung thì có Tỳ-kheo-ni tên là Bộc Chí, dùng một khúc cây cột trong bụng giống như đang mang thai, tới kéo áo Đức Phật kêu lên:

-Ông là chồng tôi, từ khi thành thân không hề cung cấp quần áo, lương thực cho bản thân tôi, có sao như thế?

Khi ấy, các vị trong đại chúng Trời, Người, Đế Thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương cùng chư Thiên, Quỷ thần và dân chúng trong nước thấy đều kinh hoàng. Họ đều biết Đức Phật là Đấng Chí Tôn của ba cõi, tâm luôn thanh tịnh còn hơn ngọc Ma-ni, trí tuệ tươi sáng hơn cả mặt trời, mặt trăng, một mình cất bước trong ba cõi, không một ai có thể sánh kịp. Ngài hàng phục các tà thuyết, tất cả chín mươi sáu loại thấy đều quy kính, đạo đức cao dày, lòng rộng, không thể kể xiết! Như hư không vô hình không hề bị ô nhiễm, tâm Đức Phật còn hơn thế nữa, không một ai có thể sánh ngang hàng với Ngài được. Vị Tỳ-kheo-ni này đã là đệ tử của Phật, tại sao lại ôm lòng xấu ác muốn hủy hoại Đức Như Lai?

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nhận thấy rõ tâm ý của mọi người, muốn dứt trừ mối nghi của họ, bèn ngược nhìn lên cao, vừa đúng lúc trời Đế Thích hiện xuống hóa làm một con chuột nhỏ, cắn đứt dây cột khúc gỗ nơi bụng của Bộc Chí, làm cho khúc gỗ rơi xuống đất. Mọi người thấy sự việc như vậy, vừa giận, vừa mừng, cho là do đâu mà có sự việc kỳ quái này. Vua Ba-tư-nặc tỏ ra giận dữ, bảo là vị Tỳ-kheo-ni này đã lìa bỏ gia đình, sự nghiệp, làm đệ tử Đức Phật, đã không tán dương công đức vô lượng, vô biên của Đức Như Lai mà ngược lại ôm lòng ganh ghét, bài bác Đức Đại Thánh! Vua liền ra lệnh cho người hầu đào hố sâu để chôn ngược bà ta. Đức Phật khuyên giải nhà vua:

-Chớ nên như thế! Đó là tội đã tạo ra từ kiếp trước của ta, không chỉ riêng bà ấy muốn hại.

Đức Phật kể:

-Thuở đời quá khứ xa xưa, có một nhà buôn bán rất nhiều ngọc quý, ngọc ấy vừa tròn trịa, vừa xinh đẹp. Bấy giờ, có một phụ nữ đến mua ngọc, giá cả gần xong thì ngẫu nhiên cùng lúc có một người đàn ông đến cho giá cao, mua hết số ngọc đó, mua xong ra đi. Người phụ nữ không mua được ngọc, lòng tức giận, nhưng cũng đến xin người đàn ông chia bớt cho mình, mà ông ta nhất định không chịu. Vị ấy rất oán giận, nghĩ: “Ta đến mua ngọc trước, người đến sau, lại đoạt mua hết, xin chia bớt, người cũng không chịu! Người đã làm nhục ta, đời đời ta phải báo cái oán này. Người đã hủy nhục ta, hồi không kịp đâu.

Phật nói với các Tỳ-kheo, quốc vương và mọi người:

-Nên biết người đàn ông mua ngọc đó chính là thân Ta, còn người đàn bà mua ngọc ngày ấy nay là bà Bộc Chí. Do ôm mối hận đó mà sinh ra ở đâu, bà cũng tìm cơ hội bài bán Ta.

Đức Phật giảng nói chuyện ấy, mọi người đều dứt hẳn nghi ngờ, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*

\*

## **Kinh 10: Đức Phật Thuyết Giảng về Con Ba Ba Và Con Khi Chúa**

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo hội họp, bàn luận:

-Tỳ-kheo-ni Bộc Chí ấy đã rời bỏ gia đình, sự nghiệp, xuất gia học đạo, quy mạng Tam bảo, Đức Phật là cha, giáo pháp là mẹ, chư vị Tỳ-kheo là huynh đệ, vốn dốc lòng; theo đạo pháp làm Sa-môn, tuân giữ con đường đạo mà tu tập, dứt trừ ba độc cấu nhiễm, cúng dường, hầu hạ Phật pháp và các Tỳ-kheo Tăng, thương xót chúng sinh, thường hành bốn tâm vô lượng, mới có thể được giải thoát. Vậy mà ngược lại, bà đã ôm lòng độc ác, hủy báng Đức Phật tôn quý, khinh rẻ chúng Tăng, thật là điều quái lạ chưa từng có!

Đức Phật nghe rõ việc này, nên đến hỏi các vị Tỳ-kheo:

-Các thầy bàn luận về chuyện gì?

Các vị Tỳ-kheo trình bày với Đức Phật các điều đã bàn. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Tỳ-kheo-ni ấy, chẳng phải chỉ đời này mới có ý ác hại Như Lai mà nhiều đời về trước cũng đã từng như vậy.

Ta nhớ lại từ vô số kiếp trong quá khứ, có một con khi chúa ở trong rừng cây, ăn trái cây, uống nước lã, lòng luôn thương xót đối với tất cả người và vật, muốn độ cho tất cả đều đạt đến cõi vô vi, giải thoát.

Nó cùng với một con ba ba kết bạn thân mật, kính trọng chẳng hề nghịch nhau. Thỉnh thoảng con ba ba đến chỗ con khi chúa ăn uống đàm luận những chuyện thích đáng, hợp nghĩa lý. Vợ con ba ba thấy chồng ra đi nhiều lần cho là có chuyện ngoại tình, liền hỏi chồng:

-Chàng đã nhiều lần ra ngoài, làm gì ở đâu, lấy gì làm chắc là chàng không làm việc vô đạo, phóng túng ở bên ngoài?

Con ba ba chồng đáp:

-Ta với khi chúa kết làm bạn thân. Hấn thông minh, trí tuệ, lại hiểu nghĩa lý. Ra khỏi nhà là đến đó ngay, ta với hấn bàn luận kinh pháp, chỉ nói những điều phải, không hề phóng túng.

Vợ không tin lời chồng nói. Nó giận con khi chúa dụ chồng nó đi lại nhiều lần, nên có ý đồ muốn giết con khi. Nhân chồng đang ở nhà, nó giả vờ bệnh nằm liệt giường. Chồng nó vất vả chạy thầy chạy thuốc để trị liệu, nhưng chẳng ăn thua gì. Nó bảo với chồng:

-Sao phải vất vả, tốn hao thuốc men, bệnh ta nặng lắm, phải lấy được gan của con khi bạn thân của chàng, dùng gan ấy chữa thì mới lành!

Chồng đáp:

-Đó là bạn thân của ta, đã trao gởi thân mạng cho nhau chẳng chút nghi ngờ, thì làm sao toan lấy gan nó mà trị bệnh cho nàng được?

Vợ nói:

-Đã là vợ chồng với nhau, hai ta chỉ là một, sao chàng lại chẳng lo cứu giúp thiếp?

Phản lại con khi là chẳng hợp với đạo nghĩa, nhưng sợ vợ và bị vợ bức bách nên ba ba phải đến mời con khi chúa. Hấn nói:

-Ta nay qua lại nơi ở của anh, nhưng anh chưa hề quá bộ đến cửa nhà tôi. Nay tôi mời anh đến nhà ăn bữa cơm.

Khi chúa đáp:

-Tôi ở trên đất, anh ở dưới nước, làm sao đến nhà anh được?

Ba ba đáp:

-Tôi sẽ cõng anh, như thế cũng thích hợp đây!

Con khi chúa bằng lòng theo. Đi được nửa đường, ba ba nói với khi chúa:

-Hấn anh muốn biết vì sao tôi đến mời anh chớ gì? Đó là vợ tôi bị bệnh hiểm nghèo, muốn có được lá gan của anh để ăn thì mới dứt được bệnh.

Khi chúa nói:

-À ra vậy, sao anh không nói sớm, tôi đã treo gan trên cây rồi, không đem theo đây, để tôi trở về lấy đã.

Thế là cả hai trở lại, đến nơi, con khỉ bèn nhảy vọt lên cây, vui mừng nhảy nhót. Ba ba hỏi:

-Sao ngươi không lấy gan mang theo đến nhà ta, mà lại thót lên cây nhảy nhót lằng xằng thế?

Khi chúa đáp:

-Thiên hạ không ai ngu hơn ngươi, gan mà làm sao treo trên cây được. Ngươi cùng với ta đã là bạn, thân mạng ký thác cho nhau, mà ngươi lại có ý đồ hại ta, thì từ nay về sau, hai ta mỗi người một ngã.

Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo:

-Vợ của con ba ba ấy nay là bà Bộc Chí, con ba ba là ông Điều-đạt, còn con khỉ chúa là tiền thân của Ta.

Đức Phật đã giảng nói như thế, các vị Tỳ-kheo không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*  
\*

## **Kinh 11: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Năm Vị Tiên Nhân**

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở thành Vương xá cùng với chúng đại Tỷ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và các vị Bồ-tát.

Đức Phật bảo các vị trong chúng hội:

-Về vô số kiếp xa xưa, có năm vị Tiên nhân sống nơi rừng núi. Bốn người là chủ, một người chuyên hầu hạ, cung cấp mọi thứ, chưa từng làm mất lòng bốn người kia. Hái quả, múc nước đều làm đúng giờ giấc. Một ngày nọ, ông ta đi xa hái quả, lấy nước, mệt mỏi ngủ say, quên giờ trở về. Ông về đến nơi thì đã quá nửa ngày rồi, bốn người kia không được ăn, tức giận gọi người hầu đến bảo:

-Người lo việc cấp dưỡng mà xử sự như thế được sao? Hành động như người đứng là một người xấu ác đáng nguyên rửa chứ không phải là người đàng hoàng.

Người hầu nghe xong, buồn rầu, khó nói nên lời, trở về bên gốc cây, ngồi gần mép nước duỗi một chân, suy nghĩ tự trách mình làm việc đã lâu, nay cung cấp trái giờ ăn của bốn vị Tiên, đã mất ý nghĩa của đạo giáo, lại còn chằng thuận với bốn vị kia, nên quá xúc động mà chết. Chân ông thường mang đôi guốc bằng bảy báu, khi ông duỗi chân ngồi thì một chiếc guốc rơi xuống nước mất. Sau khi chết liền sinh làm đứa con đáng nguyên rửa của một người ngoại đạo. Lúc hơn mười tuổi, cùng với bọn trẻ đùa giỡn bên đường. Bấy giờ có vị Phạm chí đi qua thấy bọn trẻ đùa giỡn bên đường, nên dừng lại quan sát, thấy đứa trẻ đáng nguyên rửa này có quý tướng làm vua, dung mạo đặc biệt hơn người. Vị Phạm chí gọi đứa trẻ ấy đến bảo:

-Người có tướng làm vua, không nên vung phí sức lực rong chơi với bọn chúng.

Đứa trẻ đáp:

-Tôi là một tên đáng nguyên rửa, sao có tướng làm vua được!

Vị Phạm chí lại nói:

-Căn cứ theo kinh điển của ta so với nghi dung hình thể của người và theo sách ghi sấm ký cũng rất phù hợp. Việc này mà ứng nghiệm thì lời ta là ân sâu nặng đấy, chắc chắn không chút lừa dối.

Vị quốc vương ấy phải mất vào ngày ấy, tháng ấy, ất ngời sẽ được kế vị.

Đứa trẻ đáp:

-Dạ, ngài chớ nói lớn chuyện này, xin hãy giữ thật kín. Nếu đúng như lời ngài nói, con xin mang ân nặng, chẳng dám tự kiêu.

Vị Phạm chí nói xong, bỏ đi sang nước khác.

Chẳng-bao lâu, nhà vua mất, không có người nối ngôi, cho người cầu hiền để làm quốc vương. Quần thần bàn: “Nước không có chủ như người không có đầu, phải mau đi tìm người có đức để lập làm vua.”

Sứ giả đi khắp nơi, thấy đứa trẻ ấy có phong tư khác thường, liền cho người về trình báo với quần thần, phải theo phép tắc của triều đình, xa giá uy nghi đúng phép, đem đến nghinh đón. Quần thần bá quan ai cũng mừng rỡ, theo đúng lời sứ giả đã thưa, xa giá nghiêm chỉnh cung kính rước về. Dùng nước thơm tắm gội, mặc triều phục năm thời, đội mũ thất bảo, đeo kiếm, đúng như pháp của Tiên vương, tiền hô hậu ủng, hợp với nghi thức quốc gia, đưa đứa trẻ ấy lên điện tức vị. Vua hướng về phía Nam, xưng hiệu, bỏ cáo khắp nơi được biết, cầu cho đất nước an lành, dân chúng vui mừng.

Khi ấy, vị Phạm chí ngược trông thiên văn, cúi xuống quan sát địa lý, biết được đứa trẻ ấy đã lên ngôi vua, bèn tìm đến thẳng cửa cung, cầu xin yết kiến. Quan giữ cửa tâu với vua:

-Bên ngoài có vị Phạm chí cầu xin yết kiến quốc vương.

Nhà vua cho mời vào. Vị Phạm chí tiến vào vừa cảm tạ, vừa chú nguyện, rồi thưa với nhà vua:

-Thật như tôi đoán, nay kết quả đã đúng như nguyện trước, hoàn toàn chắc chắn chăng?

Nhà vua đáp:

-Đúng vậy! Đạo nhân quả là bậc thần diệu! Tôi đã chịu ân và hưởng được ngôi cao.

Nhà vua nói tiếp với vị đạo nhân:

-Nửa kho tàng châu báu của đất nước, phụ nữ đẹp, xe ngựa, người hầu, nếu ông muốn là được ngay.

Vị Phạm chí đáp:

-Tôi không muốn những thứ đó, chỉ xin nhà vua hai ước nguyện: Một là xin được cùng với vua ăn uống, y phục, mọi thứ nằm ngồi đều đồng thời như nhau, chớ có trước sau hay sai khác. Hai là cùng với vua tham gia bàn luận quốc sự, cùng nhau quyết định mọi việc, không được tự chuyên.

Nhà vua nói:

-Lành thay! Tôi chấp nhận hai ước nguyện của đạo nhân, không làm sai khác đâu!

Nhà vua thường lấy chánh pháp để chinh đốn và cai trị đất nước, không bức hiếp muôn dân. Vị Phạm chí được ân vua, tự kiêu, phóng túng, khinh miệt đại thần. Quần thần căm giận đến can vua:

-Vua là bậc tôn quý, phải nên cùng với các vị đại thần kỳ cựu bàn bạc việc nước, chứ lại tin theo đạo sĩ khiến hấn trở nên ngạo mạn, khinh lòn, lấn hiếp bá quan. Việc này nếu lân quốc nghe được, họ sẽ cười cho, sẽ dẫn đến nạn giặc thù xâm lấn.

Nhà vua nói:

-Lúc nhỏ, ta có lời thề với ông ta từ lâu, làm sao có thể bỏ được!

Triều thần can vua không nghe, họ nghĩ: “Nếu vua ăn trước, không chờ hấn thì có thể sửa đổi được tình hình.”

Được vua bằng lòng, họ đợi đến lúc ông Phạm chí đi vắng không về kịp, bèn dọn bữa cho vua ăn trước. Ông Phạm chí trở về tức giận, nói:

-Vì có gì mà nay một mình nhà vua ăn trước?

Vua đáp:

-Ta ăn trước vì người chưa về, biết người về trễ nên ta đã dự bị sẵn một cỗ khác cho người.

Ông Phạm chí mắng:

-Đồ thứ đáng nguyên rủa, chẳng biết đạo lý, vi phạm lời thề.

Quần thần nghe kẻ bề tôi mà dám hủy báng vua như thế đều đến tâu vua xin giết đi. Vua hỏi quần thần:



-Tội này nên dùng hình phạt nào để xử?

Mọi người đều thưa rằng: nào là bỏ vào nồi để nấu, nào là dùng lửa thiêu đốt, nào là đem phanh thây, nào là bỏ vào cối mà giã, hoặc dùng năm hình phạt như là xẻo tai, cắt lưỡi, móc mắt... Vua không nghe theo. Vua bảo:

-Ta phụng thờ đạo pháp, lòng thành luôn thương xót tất cả chúng sinh, không hại đến một con vật mềm yếu, huống gì là hại mạng con người. Nay cấp lương thực, đồ dùng cho hần rồi đuổi ra khỏi nước.

Quần thần y theo chiếu chỉ, cấp lương thực và quần áo, rồi trực xuất ông Phạm chí ấy ra khỏi lãnh thổ.

Một mình trên quãng đường xa, chịu bao nhiêu thứ nóng lạnh nên mệt mỏi, tiêu tụy, chẳng giống với ai, ông ta sang nước khác, thẳng đến nhà một người Phạm chí vốn có quen biết từ trước. Người Phạm chí này hỏi:

-Người từ đâu đến, tu tập hành động theo kinh điển gì? Đã có chỗ sở đắc chưa?

Hần đáp:

-Tôi từ xa đến đây, bị đói rét hành hạ nên quên hết những điều đã tu tập.

Vị Phạm chí ấy nghĩ: “Người này đã quên hết những điều đọc tụng tu tập, khó có thể làm công việc giáo hóa, nên cho ông ta làm ruộng.” Ông liền cấp cho hần tôi tớ và trâu cày. Khi làm ruộng, hần đầy đọa người đầy tớ quá đỗi, bắt phải san bằng đất đai và sai đi khắp nơi. Người đầy tớ buồn khổ muốn gieo mình xuống dòng nước. Người ấy đến bên dòng sông thì nhặt được một chiếc guốc bằng bầy báu, lòng bèn nghĩ: “Nếu đem đưa cho ông chủ, thì ông chủ vô ân, nếu đem cho cha mẹ thì cha mẹ ắt bán để ăn thôi. Ông Phạm chí này đã gây khốn khổ, sai khiến ta đủ điều, ta đang phải phụng sự hần, nếu đem dâng chiếc guốc báu này thì có thể được thoải mái.” Anh ta liền mang chiếc guốc về dâng cho người Phạm chí. Ông này rất vui mừng, suy nghĩ: “Giá trị của chiếc guốc bằng bầy báu này thật không có gì sánh được. Ta đã làm trái ý vua, bây giờ nếu đem chiếc guốc này dâng lên vua thì cái tội phạm thượng trước đây có thể được hóa giải.”

Vị Phạm chí nghi như thế rồi bèn trở lại tìm vị quốc vương, dâng lên vua chiếc guốc, rồi hấn tụt trần tình sự ăn năn hối lỗi ngày trước, xin được vua tha tội cho.

Nhà vua nói:

-Lành thay!

Rồi vua liền đem chiếc guốc vào để trong màn, cho hấn ngồi tòa riêng, gọi quần thần lại, xuống chỉ:

-Các khanh có thấy vị Phạm chí bị trục xuất trước đây không? Quần thần tâu:

-Thưa không thấy!

Vua nói:

-Nếu như thấy hấn thì ta phải làm gì?

Quần thần tâu:

-Dạ phải chặt tay chân hấn, xẻo tai, mũi hấn, chặt đầu, chém lưng hấn... dùng năm thứ độc trị hấn.

Vua nói:

-Nếu như hấn tỏ ra hiểu biết thì sao?

Quần thần tâu:

-Thưa không xét.

Nhà vua đưa chiếc guốc báu cho quần thần thấy và gọi người Phạm chí ra để gặp quần thần, nói rõ việc liên quan giữa hấn với vật báu lạ này. Quần thần cùng tâu:

-Tội người Phạm chí này như núi, như biển, không thể tha thứ được. Hiến một chiếc guốc chưa đủ, nếu được một đôi thì tội ấy mới có thể dứt trừ.

Nhà vua đồng ý. Vua lại trục xuất người Phạm chí, bảo phải tìm thêm một chiếc guốc nữa. Người Phạm chí buồn bã than:

-Ôi! Việc ta lại thêm nặng nề quá lắm!

Hắn bèn quay về chủ cũ. Người chủ hỏi:

-Ngươi đã đến chốn nào và từ đâu trở lại đây?

Người Phạm chí nín thính, chẳng dám đáp lại, làm như ngẫu nhiên mình trở lại đây. Người chủ cũ giao cho trâu cày, đầy tớ, khiến hắn lo việc trồng trọt như trước. Bấy giờ, người Phạm chí mới hỏi người đầy tớ:

-Trước đây ngươi được chiếc guốc báu ở đâu?

Người đầy tớ liền đưa hắn đến nơi nhặt chiếc guốc. Đến bên bờ nước, hắn tìm khắp chung quanh nhưng không thấy chiếc guốc kia ở đâu. Anh chàng đầy tớ bỏ về. Người Phạm chí nghĩ: “Chiếc guốc báu đó ắt phải từ phía thượng lưu trôi xuống, ta ở phía dưới này làm sao tìm được.” Hắn liền theo ngược dòng sông đi lên, trông thấy một con cá ngậm hoa sen lớn lội theo dòng nước cuộn trôi. Hoa ấy rất lớn, có hơn một ngàn cánh. Người Phạm chí suy nghĩ: “Tuy không tìm được chiếc guốc, mà nếu dâng lên nhà vua bông hoa này thì cũng có thể hóa giải được lỗi trước và được sung ái như xưa”. Hắn liền cầm lấy cành hoa thì thấy có bốn vị Tiên nhân đang ngồi bên gốc cây, liền đi đến trước mặt các vị ấy làm lễ, thăm hỏi nơi ở và chúc Thánh thể được vạn phúc. Các vị Tiên hỏi:

-Ngươi từ đâu đến đây?

Người Phạm chí thưa:

-Con làm mất lòng nhà vua, tuy đã dâng một chiếc guốc báu, nhưng chưa đủ để hóa giải tội lỗi, cho nên phải ngược dòng đến đây để tìm thêm một chiếc nữa mà chưa tìm được.

Vị Tiên nhân bảo:

-Ngươi là người có học, phải biết lễ tiến lui chứ! Vị quốc vương đó là đệ tử của chúng ta, đã từng thương yêu, kính trọng ngươi, cùng ăn uống, nằm ngồi, bàn bạc quốc sự với ngươi. Tại sao trong một lúc mà ngươi dám mắng vua là đồ đáng nguyên rủa. Tội ngươi rất đáng bị tru diệt. Ngươi nay chẳng biết, tại nơi gốc cây này, quốc vương xưa là thị giả cung cấp lương thực cho các vị Tiên, hồi ấy đã ngồi duỗi một chân, rồi quá xúc động mà chết, chiếc guốc báu rơi xuống nước, một chiếc mang nơi chân thì còn đây, giờ cho ngươi đó!

Người Phạm chí nhận lấy chiếc guốc, đập đầu tạ lỗi, trở về bản quốc, tiếp tục dâng chiếc guốc lên nhà vua. Nhà vua vui mừng, lòng quần thần cởi mở nên hẳn lại được sủng ái như xưa.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Vị vua lúc đó là tiền thân của Ta, bốn vị Tiên nhân ấy là các vị Phật Câu-lưu-tần, Câu-na-hàm Văn-ni, Ca-diếp và Di-lặc, còn ông Phạm chí kia là Điều-đạt.

Bấy giờ, Đức Phật giảng như thế, các vị Tỳ-kheo không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*

\*

## PHẬT NÓI KINH SINH

**Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ**

**Việt dịch: Linh-Son Pháp Bảo Đại Tạng Kinh**

卍

### QUYỂN II

#### **Kinh 12: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Hai Cậu Cháu**

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ cùng với chúng đại Tỳ-kheo.

Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo:

-Thuở vô số kiếp trong quá khứ, có hai chị em, người chị có một người con trai, cùng với người cậu chuyên cung cấp các thứ ăn mặc quý giá đẹp lạ cho vua chúa quan lại như lụa là, gấm vóc. Anh ta thấy những đồ vật quý hiếm lạ lùng trong kho, nên động lòng tham, liền bàn với người cậu:

-Chúng ta làm việc luôn siêng năng khó nhọc, không dám trễ nãi, biết rõ các đồ vật trong kho tốt xấu, ít nhiều, sao ta lại không lấy để giải quyết cảnh nghèo đói của chính mình?

Như đã định, đêm đến, hấn đào đường hầm chui vào kho trộm lấy nhiều đồ vật không biết bao nhiêu. Sáng ra, người giữ kho thấy đồ vật trong kho giảm bớt, liền đem việc này tâu lên vua. Nhà vua bảo:

-Chớ làm lớn chuyện khiến người ngoài biết cậu cháu nhà kia ăn trộm. Cứ làm như vua bận nhiều việc nên không hay biết gì. Đến ngày hôm sau cứ phục sẵn, thế nào hấn cũng trở lại lần nữa. Phải cảnh giác nghiêm ngặt để chờ hấn. Hấn đến là bắt ngay không để chạy mất.

Người giữ kho nhận chiếu chỉ, liền gia tăng phòng bị vì thế nào kẻ kia cũng trở lại ăn trộm. Người cháu nói với cậu:

-Cậu lớn tuổi, thân thể gầy ốm, nếu bị người giữ kho bắt được, không thể tự thoát nổi, vậy cậu cứ theo đường hầm mà vào, nếu bị họ phát hiện thì sức con còn cường tráng sẽ cứu thoát cậu ngay.

Người cậu theo lời vừa chui vào đường hầm thì bị đám canh chừng tóm ngay. Những người này hô hoán lên nhưng không bắt được người cháu. Sợ sáng mai mọi người biết việc này, nên họ chặt đầu người cậu mang về. Sáng sớm, người giữ kho đem mọi việc tâu với vua. Nhà vua lại chỉ thị:

-Đem cái thây chết này đặt nơi ngả tư, nếu có ai đến nhận khóc tử thi thì đó chính là tên giặc chủ mưu.

Đặt xong tử thi, những người này tản ra bốn ngả đường canh gác nhiều ngày. Lúc đó, từ phía xa có một đoàn buôn đông đảo đi đến, người ngựa, xe cộ ồn ào đầy dẫy nghẽn cả đường, rồi đột nhiên chen nhau chạy tới. Người kia làm ra vẻ náo loạn, cho chờ hai xe củi trên đặt cái thây chết kia chạy đi. Đám người canh gác liền vào triều tâu hết với vua mọi điều. Nhà vua bảo:

-Phải cẩn trọng dò xét khắp nơi và cẩn mật, nếu gặp chúng thiêu thây thì bắt hết đem về đây.

Lúc ấy, người cháu liền bảo bọn trẻ con cầm đuốc múa giỡn, mọi người cùng náo nhiệt cả lên, ném lửa vào củi, củi cháy bùng bùng. Những người theo dõi thấy vậy chẳng biết phải làm sao, cùng đem sự việc tâu lên vua. Nhà vua lại chỉ thị:

-Nếu đã hỏa táng rồi thì phải tăng cường canh giữ, dò xét nghiêm mật cái hài cốt kia, kẻ đến lấy cái hài cốt ấy chính là tên cầm đầu vụ trộm.

Người cháu biết được việc này, bèn làm thật nhiều rượu ngon rồi sai người hiền lành mang rượu thẳng đến chỗ những người canh giữ rao bán. Bọn canh giữ nhiều đêm liền đói khát, thấy rượu đến đều mua uống, uống rượu quá nhiều nên say ngủ mê man như bị nhốt trong bình rượu. Người bán rượu bèn nhặt lấy hài cốt mà đi. Đám người canh giữ chẳng hay biết gì cả. Thức dậy, họ lại vào tâu rõ với vua sự việc. Nhà vua lại bảo:

-Trước, sau cảnh giặc, canh giữ đều để hấn sổng mất, tên giặc này rất xảo quyệt, phải dùng mưu mới tóm được hấn.

Nhà vua liền cho người con gái trang sức nào ngọc ngà, chuỗi anh lạc, châu báu, thật đẹp đi ra ở trong ngôi nhà bên bờ sông lớn, rồi sai rất nhiều thị vệ canh chừng, dò xét không ngớt, tức là dùng sắc đẹp để như hấn tìm đến nơi chỗ người con gái này. Nhà vua chỉ dạy rõ cho người con gái nếu gặp kẻ nghịch thì tìm cách tóm lấy và hô hoán lên cho mọi người bắt giữ.

Vào đêm nọ, người cháu lén tìm tới. Nhờ vào dòng nước, hắt thả bè, cho thuận dòng trôi xuống, kêu to lên rồi lặn mất. Các người canh giữ nghe tiếng kêu, sợ hãi đi đến xem cho là có người lạ, nhưng họ chỉ thấy bè cây. Nhiều đêm như vậy, thường thường không đổi, những người canh giữ cho là việc bình thường nên ngủ yên không lo sợ gì. Người cháu liền cỡi bè đến nhà người con gái... Người con gái liền nắm áo của y. Người cháu bảo:

-Nú áo làm chi, nắm tay ta đây này!

Người cháu vốn sáng trí lắm mưu nên đã mang sẵn cánh tay của người chết, bèn trao cho đứa con gái, cô ta liền bỏ áo chụp lấy cánh tay chết, rồi kêu ầm lên. Những người canh giữ thức dậy chậm, nên người cháu thoát chạy mất. Những người này lại tâu rõ sự việc với nhà vua. Nhà vua lại nói:

-Tài nghệ của tên này thật có một không hai, nên lâu rồi mà chưa bắt được.

Đang lúc chưa biết tính sao, thì người con gái ấy mang thai, sau mười tháng sinh được một đứa con trai, trông rất bụi bặm, kếu khinh. Nhà vua bảo người nữ mẫu bồng nó đi khắp trong nước, nếu có người nào thấy mà gọi nó thì bắt trời đem về đây. Bà nữ mẫu bồng đứa bé đi cả ngày mà không có ai gọi cả. Người cháu lúc bấy giờ là thợ làm bánh. Đứa bé đói khóc, bà nữ mẫu bồng sang lò bánh mua bánh cho ăn. Người cháu thấy đứa trẻ liền lấy bánh cho, nhân đó mà gọi nó. Bà nữ mẫu trở về tâu với vua:

-Ấm đứa bé đi trọn ngày không ai đến gần, nó đói, đi ngang qua lò bánh, thì người bán bánh đến trao cho bánh và gọi nó.

Nhà vua nói:

-Sao không bắt trời đem về đây?

Bà nữ mẫu đáp:

-Trẻ nhỏ đói khóc, người làm bánh cho bánh, nhân đó mà gọi nó, chẳng có ý làm giặc, cứ gì bắt tù người ta được.

Nhà vua bảo bà nữ mẫu đem đứa bé ra và sai người hầu bám theo dò xét, nếu thấy ai đến gần đứa bé thì liền bắt trời đem về.

Người cháu làm rượu ngon, gọi mời bà nhũ mẫu và những người ngằm theo dõi tụ về quán rượu, cho uống đến say mềm, rồi bắt trộm đưa bé đem đi. Những người này khi tỉnh dậy thấy mất đứa bé, chỉ còn biết về tâu rõ với vua. Nhà vua lại nói:

-Các người ngu đần, đều ham uống rượu, đã không bắt được kẻ giặc mà còn làm mất đứa bé.

Người cháu khi được đứa bé liền mang sang nước khác, xin yết kiến vị quốc vương nước này. Trong khi nói năng, bàn luận với vua, ông luôn luôn từ tốn và dẫn giải theo kinh điển khiến nhà vua rất vui mừng, liền phong ban cho ông địa vị, bổng lộc, cử làm đến đại thần, nhận xét, bảo:

-Trong nước của ta, về trí tuệ và tài năng thì không ai sánh kịp khanh, nay ta muốn gả con gái ta cho khanh, ý riêng của khanh thế nào?

Ông tâu rằng:

-Thần chẳng dám! Nếu bệ hạ thật lòng thương thần thì ngài cưới con gái của vua nước thần cho thần.

Nhà vua đáp:

-Lành thay! Ta chuẩn theo sở nguyện của khanh.

Nhà vua liền nhận ông ta làm con và sai sứ đến hỏi con gái vị vua kia cho ông. Vị vua ấy bằng lòng gả con gái cho, nhưng lại nghĩ: “Hắn liên tục là kẻ trộm, trước sau rất xảo trá.” Vua bảo cho sứ giả hay là muốn rước con gái mình thì thái tử phải có đủ năm trăm xe ngựa chỉnh tề.

Nhà vua liền ra lệnh mau chóng chuẩn bị đầy đủ xe ngựa để đi ra ngoài. Người cháu vốn là một tên giặc nên đối với vua có lòng lo sợ, tự nghĩ: “Nếu đến nước kia, vua biết được thì sẽ bắt liền, chẳng chút nghi ngại!” Bèn nói với sứ giả về tâu lại với vua bên ấy:

-Nếu nhà vua cho người ngựa của năm trăm xe đầy đủ, quần áo, yên cương thảy đều giống nhau không chút sai khác thì mới có thể nghinh hôn.

Nhà vua bằng lòng sự đòi hỏi đó, liền cho sang rước dâu. Vua cha cô dâu lệnh cho con gái mình tiếp đãi ăn uống thật vui vẻ, hai trăm năm mươi xe ngựa ở phía trước, hai trăm năm chục xe ở phía sau, người cháu ở giữa, nhưng chàng rể vẫn ngồi trên lưng ngựa, không xuống giữa năm



trăm chiếc xe. Phụ vương cô gái phải tự ra xem xét rồi đi vào giữa đoàn xe, đích thân dẫn người cháu ra và nói:

-Người đã bày ra mưu mô trước sau, đủ cách thì làm sao bắt được.

Người cháu cúi đầu thưa:

-Có thật như thế sao?

Nhà vua nói:

-Cái thông tuệ của nhà ngươi thật là thiên hạ vô song, ta thuận theo sở nguyện của ngươi.

Nhà vua đem con gái gả cho và họ đã trở nên vợ chồng.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Người cháu lúc đó là tiền thân của Ta, phụ vương của người con gái là Xá-lợi-phất bây giờ, người cậu nay là Điều-đạt. Vị quốc vương nhận làm cha người cháu nay là Du-đâu-đàn, mẹ của người cháu là thân mẫu Ma-da, người vợ nay là Cù-di, đứa trẻ là La- vân...

Đức Phật thuyết giảng như thế, các vị Tỳ-kheo không ai là không hoan hỷ lãnh hội,

\* \*

\*

### **Kinh 13: Đức Phật Thuyết Kinh Nhàn Cư**

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Câu-lưu, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Phật và Thánh chúng vừa đến nơi xóm làng ở trong thành thì tự nhiên ở đấy vang lên âm thanh tốt đẹp. Đức Phật liền đi vào trong ấy. Bấy giờ, nơi xóm làng đó, có ông Phạm chí trưởng giả cùng với vô số dân chúng thấy đều nghe rõ như thế này: “Có Đấng chí nguyện lớn lao, tịch tĩnh, họ là Cù-đàm, thuộc dòng Thích-ca nổi tiếng, đã ra khỏi nước, đang đi đến xóm làng trong thành cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo. Đức Phật đại thánh này tiếng tăm vang lừng khắp mười phương, không ai là không ca ngợi, tán dương. Những kẻ nghi ngờ thì co lại, nơm nớp sợ hãi, còn mọi người thì ai mà chẳng mừng rỡ, kính ngưỡng. Tôn hiệu của Ngài là Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự Thiên Nhân Sư, Hiệu Phật Thế Tôn, luôn đem lòng thương xót đối với chư Ma, Phạm thiên, Sa-môn, Phạm chí, cả trên trời lẫn nhân gian, khai hóa loài trời, người. Ngài chứng sáu thứ thần thông, riêng mình qua lại tự tại trong ba cõi, thuyết pháp nói kinh, lời giảng dạy trước sau như một, luôn thể hiện điều tốt đẹp dẫn dắt về nẻo thiện, phân tích nghĩa lý vi diệu để thấy được chân lý, tịnh tu phạm hạnh. Lành thay! Phước đức biết bao! Nếu được gần gũi hầu hạ Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác ấy, nếu như thành kính thọ trì đạo pháp của Ngài thì công đức thật là vô lượng.”

Lúc ấy, ông trưởng giả Phạm chí đến thẳng chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài, rồi ngồi sang một bên. Từ chỗ ngồi hướng về Đức Như Lai, ông trưởng giả khiêm cung chấp tay thỉnh lời vấn an Đức Phật. Đức Thế Tôn bảo ông trưởng giả Phạm chí:

-Giả sử có người đến hỏi ngươi: Loại Sa-môn nào thì không nên phụng sự cúng dường?

Ông đáp:

-Con không được rõ, cúi xin Đức Phật chỉ dạy cho!

Đức Phật nói:

-Đó là loại Sa-môn, Phạm chí mắt còn tham đắm sắc đẹp, tai còn mê tiếng hay của năm âm, mũi còn ưa hương thơm, miệng còn ham vị ngon,

thân thích và chạm trơn láng mịn màng, tâm ý chạy theo các pháp, chẳng dứt bỏ dục vọng, tham lam ganh ghét, vướng buộc vào nẻo ái ân, chỉ cầu không biết chán, luôn luôn bị lửa dục nung nấu trong sự thống khổ. Với những Sa-môn, Phạm chí như thế thì không nên tôn kính, phụng sự cúng dường.

Ông trưởng giả thưa với Phật:

-Nếu có người đến hỏi như trên, con phải đáp lại như thế thì mới ứng hợp nghĩa lý tốt đẹp cùng nẻo hành hóa của giáo pháp. Tại sao vậy? Là vì chúng con còn tham vướng các pháp: sắc, thanh, hương, vị và xúc, còn say đắm ái ân, tham cầu không biết chán và các thứ khác nữa, còn bị mê hoặc theo năm ám, sáu trần, chạy theo quan tước, bổng lộc, của cải, giàu sang, không biết mệt mỏi. Như thế thì hàng Sa-môn, Phạm chí theo như Đức Thế Tôn dạy, khác gì người thế tục như chúng con, vì vậy chẳng nên phụng sự cúng dường những hạng người ấy.

Đức Phật bảo ông trưởng giả:

-Giả sử có người đến hỏi ông phải nên tôn trọng, phụng sự, cúng dường cho những vị Sa-môn, Phạm chí nào, thì ông sẽ trả lời ra sao?

Phạm chí bạch Thế Tôn:

-Cúng dường cho những vị đã không còn tham vướng năm ám, sáu trần, tham dâm, giận dữ, ngu si, không bị nhiễm tập theo vọng niệm về sắc, thanh, hương, vị và cảm giác êm ái. Họ còn tích chứa các đức, luôn thể hiện sự ôn hòa, nhã thuận. Đây chính là các bậc Phạm chí, Sa-môn phải nên cúng dường phụng sự.

Đức Phật nói với ông Phạm chí trưởng giả:

-Các ông vì sao nói những lời ấy? Căn cứ vào đâu mà biết được các vị Sa-môn, Phạm chí đã lìa bỏ được các sự tham dâm, giận dữ, ngu si và chỉ dạy cho mọi người cũng lìa bỏ được sự tham đắm về sắc, thanh, hương, vị và các cảm giác êm ái, dứt được lửa phiền não trong lòng và các dục tình không bờ bến?

Ông trưởng giả trả lời Đức Phật:

-Chúng con thường thấy có một số vị Sa-môn, Phạm chí đoan chánh, tốt lành, họ đã xả bỏ được mọi ham muốn về sắc, thanh, hương, vị và các cảm giác êm ái, họ sống ở nơi chốn thanh vắng, hoặc ngồi bên gốc cây, hoặc ở những khoảng đồng trống, gò nông, dứt bỏ mọi lỗi lầm xấu xa,

lòng không một chút tham cầu, yên ổn tự tại một mình. Họ đã đoạn trừ vĩnh viễn vọng niệm của các pháp sắc, thọ, tưởng, hành, thức, xua diệt các đòi hỏi, giữ lòng rỗng lặng. Chúng con luôn xem xét và nhận biết các vị Sa-môn, Phạm chí này là được tham dâm, giận dữ, si mê và cùng chỉ dạy cho mọi người cùng là bỏ các vọng niệm về sáu trần. Được lãnh hội về sự dạy bảo như thế, ai cũng lấy làm vui mừng, nên đối với việc say mê ái ân cũng được trừ hết, các thứ mong cầu sắc dục, khi được sáng tỏ rồi thì cũng là bỏ luôn, như thế thì sẽ thực hiện được sự hạn chế một cách thích hợp việc cung phụng mọi sở cầu của mình. Đối với năm âm, sáu tình cũng lại như vậy. Con nhận xét các vị Sa-môn, Phạm chí này sống ở chốn thanh tịnh, vắng lặng, an tọa bên gốc cây, hoặc ở trong quãng đồng rộng gò cao một mình và luôn yên định, đã dứt trừ vĩnh viễn mắt đắm sắc, tai mê tiếng, mũi mê mùi hương, miệng ưa vị ngon, thân thích tiếp xúc êm ái, ý chấp các pháp, luôn tích chứa gốc của các đức, thể hiện sự cung thuận, hòa nhã.

Các vị Sa-môn, Phạm chí đã là bỏ tham dục, giận dữ, si mê rồi chỉ dạy mọi người cùng xa là các thứ trên. Chúng con đã quan sát và so sánh những hiện tượng đó, nên hôm nay chúng con xin quy y Phật, Pháp và Tăng, vâng giữ năm giới, làm người cư sĩ tại gia.

Đức Phật đã giảng nói như thế, các vị Tỳ-kheo không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*  
\*

## **Kinh 14: Đức Phật Thuyết Giảng về Việc Tôn Giả Xá-lợi-phất Nhập Niết bàn**

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại vườn Trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ, Hiền giả Xá-lợi-phất đang ở tại xóm Na-la bị bệnh nặng phải nằm một chỗ, luôn được các vị Hiền giả và các Sa-di trông nom. Khi Hiền giả Xá-lợi-phất vừa nhập Niết-bàn, thì người hầu tên là Chuân-na đã theo đúng pháp thực hiện việc phụng sự cúng dường đầy đủ xong xuôi, ông mang hết bình bát, y phục của Hiền giả Xá-lợi-phất về đến vườn Trúc ở thành Vương xá thì mặt trời đã xế bóng. Ngay buổi chiều ấy, Sa-di Chuân-na đã mang y bát của Hiền giả Xá-lợi-phất đến chỗ của Tôn giả A-nan, cung kính đánh lễ rồi ngồi sang bên. Sa-di Chuân-na thưa với Tôn giả:

-Thưa Tôn giả, Tôn giả biết không, Hiền giả Xá-lợi-phất đã nhập Niết-bàn rồi! Hôm nay con mang xá-lợi của Hòa thượng cùng y bát về đây.

Tôn giả A-nan bảo Chuân-na:

-Tiện đây ta với ông cùng đến chỗ Đức Phật, cung kính lễ bái Ngài, hoặc giả nhân đây được nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp quan trọng.

Sa-di Chuân-na đáp:

-Dạ, xin vâng theo lời chỉ dạy của Tôn giả.

Thế rồi hai người cùng đến thẳng chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ xong, ngồi sang một bên, chấp tay thưa với Đức Phật:

-Thân con như thể suy yếu lắm, chẳng còn có chút khí lực nào, hoàn toàn sa sút, nhu nhược, như thể không còn tu các pháp được nữa. Vì sao như thế? Là vì vừa rồi ông Sa-di Chuân-na đến chỗ con, cúi đầu làm lễ và nói với con rằng: ‘Tôn giả biết không, Hiền giả Xá-lợi-phất đã nhập diệt rồi. Con gom y bát và xá-lợi của Ngài đem về đây!’”.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Ý nghĩ của ông và Chuân-na cho là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã dùng các phẩm về Giới, Định, Tuệ, về Giải thoát và Giải thoát tri kiến làm hành trang đã vào cõi diệt độ chăng? Lại nữa, Ta đã thông tỏ pháp ấy, đạt đến bậc Tối Chánh giác, mới phân biệt nói ra các nẻo tu tập: Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý và tám Thánh đạo hành, là chỗ thể hiện sự tin tưởng Đức Phật. Ông nay vừa hay Tỳ-kheo Xá-lợi-phất nhập Niết-bàn mà đã bi lụy than khóc không thể tự kiềm chế được! Khác nào ông đã bạch với Đức Thế Tôn là: “Tỳ-kheo Xá-lợi-phất chẳng hề mang theo các phẩm về Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến mà vào Niết-bàn.” Đức Thế Tôn đã thấu tỏ giáo pháp ấy, chứng được đạo quả Tối chánh giác, phân biệt theo căn cơ mà nói ra và Hiền giả Xá-lợi-phất cũng không mang theo các pháp tu tập như: Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo hành mà vào cõi tịch diệt.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

-Dạ, đúng như thế thưa Đức Thế Tôn! Tỳ-kheo Xá-lợi-phất hết lòng phụng trì giới luật của đạo giải thoát, có biện tài thông suốt, giảng giải đạo pháp không biết chán, khiến cho bốn bộ chúng lãnh hội không hề biết mệt mỏi, bàn bạc không chút lười nhác. Nhờ đó họ khuyến khích hỗ trợ lẫn nhau, khai hóa giúp những người chưa đạt, khiến lòng họ vui vẻ, nên không ai là không vâng theo lời dạy của Hiền giả. Hiền giả luôn tiết chế, biết đủ, chí dốc tinh tấn, tu thiền định, có trí tuệ rộng lớn của bậc Đại thánh. Có ai hỏi điều gì, Hiền giả luôn tùy theo căn cơ mà lựa lời chỉ dạy, thể hiện một sự thấu đạt sâu xa, theo lời hỏi mà đáp lại, khiến tất cả đều thông suốt. Trí tuệ là vật báu, các đức luôn đầy đủ, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cao vòi như thế, cho nên khi nghe Hiền giả đã vào cõi tịch diệt, con ưu sầu buồn thảm, lòng đầy thương xót không thể tự kiềm chế được.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Đã sinh ra trên đời, làm sao còn mãi được. Các pháp do suy niệm nhớ nghĩ duyên khởi mà có, ắt phải quy về sự diệt tận, hủy hoại, vĩnh viễn mất đi. Trước mắt Ta, các pháp đang tan rã, đang mất đi, muốn nó không mất cũng không thể được.

Đức Phật lại nói với Tôn giả A-nan.

-Phật đã từng nói, tất cả những ân ái đều phải biệt ly, phàm có sinh thì có diệt, sự việc có thành tất có bại, có hợp ắt có tan, tất cả đều phải bị hủy diệt, hư hoại hết, muốn chúng không như thế đâu có được theo ý. Phải biết tất cả các pháp đều hoại diệt, đều quy về vô thường. Các pháp biệt ly, muốn chúng không lìa tan nào đâu có thể được!

Đức Phật nói tiếp với Tôn giả A-nan:

-Việc Hiền giả Xá-lợi-phất đã về cõi tịch diệt, Phật rất an tâm, không có gì đáng lo nghĩ, bởi vì đã đến lúc biệt ly, tan rã theo lẽ vô thường, thì có muốn nó không đến cũng không làm sao có thể được! Các pháp có khởi là có diệt, sự việc có thành thì có hoại, con người có sinh thì phải có tử, có hưng thịnh ắt phải có suy vong, các pháp phải theo quy luật vô thường, biệt ly, muốn nó không đến đâu có thể được! Ví như núi báu lớn rồi tới một hôm nào đó đỉnh núi cao cũng bị sụp đổ. Nay A-nan, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất ở trong chúng Tăng cũng như thế, nay Hiền giả đã nhập diệt, cũng như đỉnh núi báu bị sụp đổ, các pháp đều chịu quy luật vô thường nên phải tan rã, biệt ly, muốn nó không đến đâu có thể được như ý.

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

-Như cây báu lớn, rễ, mầm, thân, nhánh, cành lá hoa trái đầy đủ tươi tốt, rồi bỗng rụng một phần lớn của cây gãy đổ, khiến nó hiện tượng khuyết giảm nhìn không còn uy thế. Nay A-nan, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất ở trong chúng Tăng cũng thế. Nay Tỳ-kheo đã diệt độ, chúng Tăng cũng giảm uy lực. Các pháp phải theo quy luật vô thường, hao tổn, hủy diệt, muốn nó không đến há có thể được sao! Do đó, nay A-nan, từ nay về sau, thân tự tu tập hành hóa, đã dốc quy y đạo pháp, để có được sự chứng đắc thì phải lấy kinh điển làm nơi nương tựa, chớ có nương vào cái gì khác. Nay các Tỳ-kheo, các vị cần phải làm những gì? Đối với các vị Tỳ-kheo, phải tự quán tưởng về bản thân: trong ngoài đều là vô ngã, phải tự quan sát để chế ngự cái tâm vọng của mình, quán sát về mọi pháp thế gian đều do vô minh mà có. Quán bên trong và bên ngoài đều luôn thọ nhận sự khổ, đều là phi ngã (*vô ngã*). Đạt được như thế thì rất tốt! Chế ngự tâm vọng tưởng, nhận thấy các pháp thế gian đều do vô minh mà có. Quán sát nội, ngoại của tâm, trong ngoài đều chẳng có gì cả. Đạt đến được như vậy thì tốt lắm thay! Tự chế ngự tâm vọng, quán sát thế gian không có ánh sáng trí tuệ, quan sát thấy mặt trời, mặt trăng trên cao, cũng quán các pháp bên ngoài, nhưng không dựa bám vào bên trong, bên ngoài. Đạt được chỗ đó thì tốt lắm thay! Chế ngự tâm vọng, quán sát thế gian bị chìm đắm trong vô minh cần được xua trừ...

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

-Đó chính là những pháp nên tu tập hành hóa, tự mình tu tập để nương vào nơi cõi pháp, quy mạng với chánh pháp, không đứng ở cõi khác, không nương dựa nơi người khác.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ đã theo Ta thọ nhận giáo pháp, phải tự tu thân, tự tìm chốn nương tựa, đứng vững nơi cõi pháp, quy về nơi cõi pháp, quy mạng với chánh pháp, không ở cõi khác, không về theo người khác. Các vị Tỳ-kheo xuất gia làm đệ tử của Phật, vâng theo lời dạy này tức là thuận theo đạo pháp của Phật.

Đức Phật thuyết giảng như thế, Tôn giả A-nan, Sa-di Chuân- na cùng các vị Tỳ-kheo đều hoan hỷ nghe kinh, lãnh hội lời dạy rồi lui ra.

\* \*  
\*



## Kinh 15: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Người Con Bị Chết

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật cư hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ, trong thành Xá-vệ có một người theo ngoại đạo, con trai ông ta vừa mới chết, cha mẹ vì quá yêu thương con không hề muốn nghĩ là nó đã chết, nên cứ nhìn nó mãi không thôi. Tình yêu thương con đó đã làm cho người này phát điên loạn, chạy khắp trong nhà ngoài ngõ, trên các nẻo đường để tìm con, mong con đến gặp mình, con đang ở đâu? Làm sao thấy được hình hài của con? Khi ấy, người này lững thững theo đường lộ ra khỏi thành Xá-vệ đi đến khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc, rồi tới thẳng chỗ Đức Phật, lặng thinh đứng trước mặt Ngài. Đức Phật hỏi người kia:

-Ông đến đây vì có gì? Ông phải biết tự chế ngự lòng mình, chứ hiện nay các căn của người đã biến dạng bất thường, trông rất là tiêu tụy, gầy yếu!

Người kia thưa với Đức Phật:

-Ngài hỏi con tại sao các căn của con biến đổi khác thường! Thưa Ngài, tại vì con chỉ có độc nhất một đứa con, cả nhà đều yêu thương hết mực, không ai là không yêu mến, ngắm nhìn nó không hề biết chán mà nay thì nó đã mất rồi. Vì thương yêu con mà con đã phát cuồng si, tâm hôn mê loạn nên chạy đôn đáo tứ tung để tìm cho được nó, cầu mong nó lại gặp con. Nhưng giờ thì con không biết tìm con mình ở đâu.

Đức Phật dạy:

-Hỡi kẻ kia, vì quá tham đắm nẻo ái ân, nên ly biệt thì âu sầu, khóc lóc bi thương, chính là cái họa từ sự ưu phiền. Có hội hợp ắt phải có chia ly, đã có chỗ yêu thương thì tất phải dẫn đến sự sầu khổ.

Lúc ấy người kia nghe được những lời dạy của Đức Phật, trong lòng bỗng nhiên hiểu rõ: Cuộc sống là vô thường, ba đời như là huyễn ảo. Vì ấy liền thọ giới với Đức Phật rồi cúi lạy ra về.

\* \*

\*

## Kinh 16: Đức Phật Thuyết Giảng về Quan Điểm Của Các Vị Tỳ-kheo

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở khu tòng lâm Việt kỳ âm thanh cùng với các vị Tỳ-kheo tôn túc. Tất cả những bậc Thánh hiền ấy đều đạt các thân thông, tuổi đã cao, đó là: Hiền giả Xá-lợi-phất, Hiền giả Đại Mục-liên, Hiền giả Ca-diếp, Hiền giả Ly Việt, Hiền giả Bân-nậu-văn-đà-phất, Hiền giả Tu-bồ-đề, Hiền giả Ca-chiên-điên, Hiền giả Ưu-ba-ly, Hiền giả Ly cầu, Hiền giả Danh Văn, Hiền giả Ngưu Thi, Hiền giả La-vân, Hiền giả A-nan, đại thể có các Hiền giả như thế cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm người.

Lúc bấy giờ, Hiền giả Mục-kiền-liên và các vị đệ tử lớn của Phật thấy trời gần sáng nên từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Hiền giả Xá-lợi-phất. Khi ấy, Hiền giả Xá-lợi-phất từ xa trông thấy các vị đồng môn của mình kéo nhau đến đây, liền tới chỗ Hiền giả Ly Việt, nói:

-Này Ly Việt, hãy ra xem Đại Thánh chúng đang cùng đi đến, có Mục-kiền-liên và nhiều vị nữa!

Hiền giả Ly Việt cùng lúc đó đi tới chỗ Hiền giả Xá-lợi-phất, tay cầm cái quạt, tự nghĩ: “Đông đảo chư vị cùng tới chỗ Hiền giả Xá-lợi-phất để làm gì? Hôm nay có lẽ nhân việc Hiền giả Xá-lợi-phất cùng các vị Đại đệ tử được nghe Đức Phật thuyết giảng đạo pháp, đồng lòng muốn gặp nhau trong một lúc.”

Khi Hiền giả Xá-lợi-phất gặp gỡ các vị đại đệ tử của Đức Phật, liền bước tới thăm hỏi, mừng Hiền giả A-nan và nói:

-A-nan này! Hiền giả đến đây thật tốt quá! Hiền giả đã dốc lòng cung kính, làm thị giá Đức Phật, gần gũi Đức Thế Tôn, được nghe Ngài nêu giảng rõ về Thánh giáo, vậy xin hỏi Hiền giả A-nan những chỗ lòng tôi còn hoài nghi! Nơi tòng lâm Việt kỳ âm thanh ấy có an vui chăng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, hương tỏa thơm phức, không khí, khung cảnh luôn khiến lòng người thích thú. Thế thì chư vị Tỳ-kheo ở trong tòng lâm đó phải thể hiện cái đức cao nhã ra sao?

Hiền giả A-nan đáp:

-Phải thường dùng thời gian thích hợp tu tập đầy đủ các hạnh, phân tích giáo nghĩa để thấu tỏ chỗ vi diệu, tinh tu phạm hạnh, phát hiện được nhiều điều, thành tựu nhiều việc, đạt tới chỗ nghe biết rộng rãi, hiểu rõ

được giáo pháp, tâm ý mở mang, vui trong chánh kiến, rồi vì bốn chúng mà giảng thuyết kinh điển, lời giảng nói giản dị nhưng phải nêu được các điều cốt yếu, cứu vớt các mối âu lo của chư vị tu tập nơi đồng vắng, hang sâu. Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, các vị Tỳ-kheo ở nơi tông lâm Việt kỳ âm thanh là như thế!

Hiền giả Xá-lợi-phất lại hỏi Hiền giả Ly Việt:

-Ý Hiền giả thế nào! Lời biện giải đầy trí tuệ của Hiền giả A-nan như tiếng rống của sư tử, nay xin hỏi Hiền giả Ly Việt, Hiền giả thấy đó, tông lâm Âm thanh thật an lạc hết mực chăng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, tỏa hương thơm phức, không khí luôn êm dịu đem lại sự hứng thú cho lòng người, vậy các Tỳ-kheo ở trong tông lâm ấy phải thể hiện đức cao nhã ra sao?

Hiền giả Ly Việt trả lời:

-Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, giả sử có vị Tỳ-kheo sống ở chốn thanh vắng, yên ổn, vui riêng một nơi, luôn dứt hết những nhớ tưởng về gia đình, không còn ái dục, sống giữa mọi người mà không phóng túng, không ưa đùa cợt, thường thể hiện sự điềm tĩnh, an nhiên, tâm không rối loạn, chí tại hạnh không tịch. Các vị Tỳ-kheo ở tại tông lâm Việt kỳ âm thanh nên biểu lộ cái đức cao nhã như thế đây.

Hiền giả Xá-lợi-phất lại hỏi Hiền giả A-na-luật:

-Theo ý của Hiền giả thì thế nào? Ở nơi tông lâm Âm thanh là vô cùng an lạc chăng? Uy thần vòi vọi, cây cảnh hoa trái um tùm, sum suê, hương tỏa thơm lừng, không khí luôn êm dịu khiến lòng người hứng thú. Vậy thì các vị Tỳ-kheo ở nơi tông lâm đó nên thể hiện cái đức cao nhã của mình như thế nào?

Hiền giả A-na-luật đáp:

-Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, theo ý tôi thì nếu như vị Tỳ-kheo chúng được Thiên nhãn, có được cái nhìn, nhận thức thấu suốt, thì đạo nhãn ấy phải thanh tịnh, thấy được cả cõi Trời, người, cũng như các quốc độ của chư Phật trong Tam thiên đại thiên thế giới không hề bị ngăn ngại. Ví như có người với đôi mắt sáng tỏ, lên chốn lầu gác cao, từ trên cao nhìn xuống dưới thấp, tất trông thấy rõ mọi nẻo đi lại, ra vào, lui tới cùng dân chúng sinh sống, dừng nghỉ nơi những khu dân cư của họ. Nói chung là Tỳ-kheo có được Thiên nhãn, nhận thức về ba cõi không hề bị trở ngại. Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, các vị Tỳ-kheo ở tông lâm Âm thanh nên thể hiện đức cao nhã đặc biệt như thế.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Đại Ca-diếp:

-Theo ý của Hiền giả thì thế nào? Sống tại tông lâm Việt kỳ âm thanh là vui thích lắm chăng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, hương tỏa thơm phức, không khí êm dịu làm khoan khoái lòng người, nên các vị Tỳ-kheo ở trong tông lâm ấy phải thể hiện cái đức cao nhã như thế nào?

Hiền giả Đại Ca-diếp đáp:

-Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, giả sử có thầy Tỳ-kheo tự mình ở nơi chốn thanh vắng, tịch tĩnh và khuyên người khác sống theo nếp sống như mình, tự tu theo Thánh hiền và khuyên người tu tập đúng theo nẻo ấy, tự mặc các y phục thô xấu và khuyên người cũng ăn mặc giản dị như thế, mong cầu và khuyên người cũng noi theo hạnh đó, tự thân mình ham chuộng sự tịch tĩnh, an nhiên và khuyên người cũng chuộng theo nẻo ấy, bản thân mình luôn tinh tấn và khuyên người cũng dốc tinh tấn, bản thân mình dốc chế ngự tâm vọng và khuyên người cũng dốc chế ngự như mình, bản thân mình thường được ý định và khuyên người cũng gắng tạo được ý định, bản thân mình chuyên cần tu tập và khuyên người cũng thực hành như mình, bản thân mình có được đầy đủ Giới, Định, Tuệ, Giải thoát và Giải thoát tri kiến và cũng dốc khuyên người đạt được như vậy, bản thân mình giáo hóa, khuyến khích chúng sinh lãnh hội được diệu nghĩa của chánh pháp. Giảng kinh, nói pháp để khai thị giáo hóa mọi người không biết nhằm chán thì cũng khuyên người cùng làm như mình. Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, các Tỳ-kheo ở tông lâm Việt kỳ âm thanh nên thể hiện cái đức cao nhã như thế.

Hiền giả Xá-lợi-phất lại hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên:

-Theo ý Hiền giả thì thế nào? sống ở nơi tông lâm Âm thanh thật là hết sức an lạc chăng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, hương tỏa thơm phức, êm dịu làm khoan khoái lòng người, vậy các Tỳ-kheo ở nơi tông lâm ấy phải thể hiện cái đức cao nhã ra sao?

Hiền giả Mục-kiền-liên đáp:

-Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, giả sử có thầy Tỳ-kheo đạt được thần túc lớn lao, hiển bày uy lực vô lượng của bậc Thánh ung dung khắp chốn. Với thần túc như thế thì luôn tự tại theo ý, biến hóa, thị hiện thiên hình vạn trạng, từ một thân có thể biến đến nhiều vô kể thân rồi hợp lại làm một, đối với mọi thứ tường vách, núi chằm, khe hang đều vượt qua thông suốt, không hề bị trở ngại, vô không dấu, ra không vết, chui vào lòng đất rồi trở ra ví như người bước vào trong nước, đi trên nước mà không chìm, khác nào đi trên đất liền. Ngồi kiết già ở giữa hư không giống như chim

bay. Thân phát ra ánh sáng rực rỡ như vàng lửa lớn. Từ trong thân có thể tuôn nước ra như suối chảy mà không hề bị thấm ướt, ví như mặt trời, mặt trăng, uy thần tỏa rạng chiếu khắp thiên hạ, từ dưới đất đưa tay lên là sờ bắt được mặt trời, mặt trăng, có thể biến hóa thân lớn đến trời Phạm thiên. Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, các vị Tỳ-kheo ở nơi tông lâm Việt kỳ âm thanh nên thể hiện cái đức cao nhã như thế.

Bây giờ, Hiền giả Mục-kiền-liên hỏi Hiền giả Xá-lợi-phất:

-Còn ý Hiền giả thì thế nào? sống tại tông lâm Âm Thanh ấy là vô cùng an vui chăng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, hương tỏa thơm phức, không khí êm dịu làm khoan khoái lòng người, vậy các vị Tỳ-kheo ở tông lâm đó nên thể hiện cái đức cao nhã như thế nào?

Hiền giả Xá-lợi-phất đáp:

-Giả sử có vị Tỳ-kheo luôn chế ngự tâm, đạt được tự tại chẳng còn bị thân sai khiến, tự ở nơi phòng mình thực hiện pháp Tam-muội, chánh thọ, chỉ trong khoảnh khắc tâm ý phát khởi, từ sáng sớm đến cả ngày, cả đêm, người nhập định luôn nhất tâm định ý từ nửa đêm về sáng, mọi hành động của mình được tự do, hiện bày đầy đủ sự tự tại, không hề bị ngăn ngại, cản trở. Ví như trong một gia đình Trưởng giả, đối với đứa con yêu quý luôn được tắm rửa sạch sẽ, mặc áo mới mẻ, đẹp đẽ, những điều cần theo ý muốn đều đầy đủ như muốn mặc áo gì, muốn các thứ châu báu anh lạc, hương hoa, kỹ nhạc, không một thứ gì bị thiếu thốn. Từ sáng sớm, suốt cả ngày đến đêm, những điều mong muốn về phục sức, quần áo, giường chõng, đồ nằm ngồi..., tất cả đều được tự tại. Thưa Hiền giả Mục-kiền-liên, người tu thiền định phải chế ngự vọng tâm, không buông theo ý tán loạn, từ sáng sớm, suốt cả ngày người nhập định luôn không để cho tâm ý bị tầm tởi! Từ nửa đêm về sáng, các pháp thiền định Tam-muội sẽ theo ý muốn của người tu định, theo chỗ quán tưởng của họ đều được tự tại. Vị Tỳ-kheo ở tông lâm Âm thanh thể hiện cái đức cao nhã như vậy.

Bây giờ, Hiền giả Xá-lợi-phất nói với Hiền giả Mục-kiền-liên: -Hiền giả đã nói rồi, chúng ta mỗi người đều đã trình bày hết quan điểm của mình, tùy theo biện tài của từng vị, thầy đều đã nói lên hết mọi ý tưởng của mình, vậy chúng ta cùng nhau đến thẳng chỗ Đức Phật đại thánh để trình bày sự việc này, nếu như Đức Phật có dạy bảo điều gì thì chúng ta sẽ theo đấy mà thực hành.

Hiền giả Mục-kiền-liên nói:

-Vâng, xin theo ý kiến của Hiền giả.

Rồi thì các vị cùng đến chỗ Đức Phật và Hiền giả Xá-lợi-phất bạch với Đức Thế Tôn:

-Chúng con mỗi người đều đã nói lên những hiểu biết của mình, nay xin trình bày lại với Đức Thế Tôn để có thêm những lý giải gì chăng.

Đức Thế Tôn nói với Hiền giả Xá-lợi-phất về trường hợp của Hiền giả A-nan:

-Lành thay! Lành thay những điều Hiền giả A-nan đã nêu bày! Vì sao như vậy? Là vì các Tỳ-kheo luôn phải rộng nghe, ghi nhớ, giữ gìn chớ để quên! Nếu có thuyết pháp, lời giảng nói trước sau luôn như nhau, đều nói về điều tốt đẹp, nhận rõ được đầy đủ ý nghĩa của giáo pháp, đạt tới chỗ vi diệu, tịnh tu phạm hạnh, để có thể phân biệt được hình tướng của pháp như thế. Nghe rộng, hiểu nhiều, luôn được tự tại trong mọi nhận thức, tâm thanh tịnh, các căn được hàng phục, nhờ đây mà có được sự thông tỏ, tất vì bốn chúng mà thuyết giảng kinh điển, nêu lên những điểm cốt yếu, làm cho mỗi người đều lãnh hội một cách thấu đạt.

Đức Thế Tôn nói về trường hợp của Tôn giả Ly Việt:

-Hay thay! Hay thay những điều của Hiền giả Ly Việt đã nêu lên! Tại sao như vậy? Là vì nếu như vị Tỳ-kheo sống ở nơi thanh vắng, hành động sẽ được tịch tĩnh, an nhiên, tâm luôn được thanh tịnh, từ đó phân biệt rõ được diệu lý không, vô.

Đức Phật nói về trường hợp Hiền giả A-na-luật:

-Hay thay! Hay thay những điều Hiền giả A-na-luật trình bày! Tại sao như vậy? Là vì hiện nay Thiên nhãn của ông đã có thể nhìn thấy tất cả cõi Phật trong Tam thiên đại thiên thế giới, như ở trên lầu cao nhìn thấy rõ mọi người bên dưới.

Đức Phật nói về trường hợp của Tôn giả Ca-chiên-diên:

-Này Ca-chiên-diên, hay thay những điều trình bày của ông! Tại sao như thế? Là vì những kiến giải của ông về Tứ diệu đế là hoàn toàn thích hợp, không chút hồ nghi.

Đức Phật nói với Tôn giả Tu-bồ-đề:

-Hay thay! Hay thay! Này Hiền giả Tu-bồ-đề, ông đã có thể giải bày về pháp Không và lấy diệu nghĩa của pháp Không làm căn bản.

Đức Phật nói với Hiền giả Ngưu Thi:

-Này Ngưu Thi, hay thay! Hay thay những điều ông đã trình bày! Tại sao như vậy? Là vì những kiến giải rõ về việc sợ chán cái khổ của sinh tử để vui với Niết-bàn giải thoát.

Đức Phật nói với Hiền giả Bân-nậu:

-Lành thay! Lành thay! Ông đã phân biệt được diệu nghĩa của kinh điển, diễn nói giáo pháp của Phật.

Đức Phật nói với Hiền giả Ưu-ba-ly:

-Hay thay! Hay thay! Ông ưu Ba Ly, ông đã phân biệt được về tội, phước, để từ đây quyết vâng giữ tu tập theo giới luật.

Đức Phật nói với Hiền giả Ly cầu:

-Hay thay! Hay thay! Ông Ly cầu, ông đã dứt trừ được mọi tội lỗi từ ba độc, chứng được ba cửa giải thoát.

Đức Phật nói với Hiền giả Danh Văn:

-Hay thay! Hay thay! Ông Danh Văn, ông đã chuyên tu các đức lành, từ đây hóa độ mọi người.

Đức Phật nói với Hiền giả La-vân:

-Hay thay! Hay thay! Ông La-vân, ông đã dốc gìn giữ giới

Đức Phật nói với Hiền giả Đại Ca-diếp:

-Hay thay! Hay thay! Hiền giả Ca-diếp, ông vui sống nơi chốn thanh vắng, cùng khuyến người khác cũng sống theo hạnh ấy. Lấy mười hai sự việc để thường tự tu thân, rồi cũng khuyến người ta tu tập theo con đường đó.

Đức Phật nói với Hiền giả Mục-kiền-liên:

-Hay thay! Hay thay! Này Hiền giả Mục-kiền-liên, ông đã đạt được vô lượng thần túc lớn lao, luôn được tự tại, có thể hóa một thành vạn, hóa vạn thành một, có thể sờ chạm đến mặt trời, mặt trăng, thân biến to cao đến cõi trời Phạm thiên.

Đức Phật nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

-Hay thay! Hay thay! Này Hiền giả Xá-lợi-phất, sáng sớm, ban ngày, buổi lười người đều chuyên thiền định, nửa đêm về sáng đạt được Tam-muội chánh định, thường được tự tại, như con ông Trưởng giả tắm gội sạch sẽ xong mặc áo quần đẹp, trang sức các thứ châu báu, anh lạc... ngày đêm ba thời, muốn gì thấy đều được vậy.

Đức Phật bảo với các vị Tỳ-kheo:

-Các vị mỗi người đã nói lên cái nhận thức hiểu biết của mình, thấy đều rất thuận hợp với đạo pháp, không có chỗ nào sai trái. Bây giờ thì các vị hãy lắng nghe lời nói của Ta.

Thế nào, các vị Tỳ-kheo, ở nơi tông lâm Âm thanh rất là an lạc chẳng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, hương tỏa thơm phức, không khí êm dịu làm khoan khoái lòng người, vậy tại Tông Lâm ấy các vị Tỳ-kheo phải luôn thể hiện cái đức cao nhã. Từ nơi đó, sáng sớm, các vị Tỳ-kheo mang y bát đi vào làng xóm. Nếu ở tại nước khác, ngụ bên gốc cây thì sáng sớm cũng mặc y mang bát vào những thôn ấp của nước đó. Nếu vào nơi các làng xóm, thì phải luôn luôn thu nhiếp giữ gìn các căn, sau khi khát thực rồi, ăn cơm xong, thì xếp cất y bát, rửa chân tay, ngồi xếp bằng một mình ở nơi yên tịnh, thân hình phải ngay ngắn, tâm an định quán tưởng: trong đời, tất cả đều vô thường. Lòng tự suy nghĩ: “Như thân ta đây, các lậu hoặc được đoạn trừ hết, tâm ý thông mở thì mới rời khỏi chỗ ngồi này, còn nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ hết thì quyết không rời khỏi chỗ ấy. Ở tông lâm Âm thanh, các vị Tỳ-kheo phải làm được như thế thì mới thể hiện đầy đủ cái đức cao nhã đặc biệt của mình.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

Pháp vi diệu giữ gìn biết rộng  
 Phân nghĩa kinh giải rõ phép màu  
 Vì nhiều người thuyết giảng nghĩa sâu  
 Có chí nhàn cư vui độc tọa.  
 Trong tự tu thân, ngoài khuyến hóa  
 Ngăn chấp trước, thân vui đạo thiên  
 Tu theo lời dạy của Thế Tôn  
 Ngồi bên gốc cây nơi yên tĩnh.  
 Lòng không tham đắm, mắt thanh tịnh  
 Dứt bốn trăm tư bệnh của thân  
 Nhìn thấy ngằn ấy loài chúng sinh  
 Sống yên bên cây, đức như thế.  
 Giống như sư tử sống trên núi  
 Nương cảnh tịch tĩnh một mình thôi  
 Biết đủ, giải thoát, dạy tùy loài



Sống nơi yên tĩnh, đức như thế.  
 Như ở trên trời, cung Phạm thiên  
 Hoặc Kiên-đạp-hòa và thế gian  
 Làm cho tất cả không ngại ngần  
 Sống yên bên cây, đức như thế  
 Đem trí tuệ màu cứu thế nhân  
 Lòng được tự tại, định các căn  
 Bỏ hết các ác, biết đủ thân  
 Sống yên bên cây, đức như thế.  
 Các vị thượng nhân thuyết vi diệu  
 Mỗi người giảng pháp theo sở tri  
 Hay thay, diễn giảng đúng không sai  
 Đến gặp Thế Tôn xin tôn ý.  
 Bạc Thiên Trung Thiên không ngần, bỏ  
 Âm thanh như Phạm âm, tôn quý  
 Các thần thông ấy bình đẳng hơn  
 Tôn sư kịp thời mở cửa tuệ.  
 Thế Tôn nói rằng: “Trừ mây tối ”  
 Nhân hưng chánh giáo, nghe lời Ta  
 Những việc các thầy nên hành hóa  
 Sống yên bên cây, bày đức nhã.  
 Chuộng pháp nhiệm màu, ưa ít dục  
 Tâm hành phân biệt phải cao siêu  
 Mặc áo, mang bình đủ uy nghi  
 Đi như chim lượn giữa hư không.  
 Như pháp diệu này ai tu chứng  
 Thánh dứt ganh ghét, không mưu hại  
 Trừ sạch cấu uế, đạt tịch nhiên  
 Sống yên bên cây, đức như vậy.

Đức Phật thuyết giảng như thế, các vị đệ tử, các chúng Trời, Rồng, Quỷ, Thần, A-tu-la nghe kinh thấy đều hoan hỷ.

\* \*  
\*

## **Kinh 17: Đức Phật Thuyết Giảng về Tôn Giả Ca-chiên-diên Nói Về Vô Thường**

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước A-hòa-đề. Lúc bấy giờ, Hiền giả Ca-chiên-diên nói với các vị Tỳ-kheo:

-Này các vị Hiền giả, hãy lắng nghe: Tất cả cái gì có hội hợp đều phải có chia lìa, hễ có khỏe mạnh thì phải có bệnh tật, đã trẻ thì phải già, dù có sống lâu rồi cũng phải chết. Như giọt sương buổi sáng trên cành hoa, mặt trời lên phải tan, thế gian quả là vô thường.

Cũng lại như vậy, tuổi trẻ cường tráng nhưng không thể tồn tại mãi được, giống như mặt trời mọc lên soi sáng khắp thiên hạ, nhưng rồi chẳng bao lâu lại lặn mất. Này các Hiền giả, đời sống là như vậy, có hội hợp thì có biệt ly, người có sinh thì phải có chết, hưng thịnh ắt suy bại, tất cả vạn vật đều vô thường, hư hoại và trở về mất hết, như trái cây đã chín, đành phải chịu cái buồn rụng rơi. Vạn vật là vô thường.

Cũng lại như vậy, có hội hợp phải có chia ly, có hưng ắt có suy, giống như người thợ gốm làm các đồ sành, sứ, làm ra các đồ dùng rồi thì hư vỡ. Này các Hiền giả, như vậy đó, có hội hợp phải có chia ly, có hưng ắt có suy, có sinh ra ắt phải có chết đi. Ân ái, biệt ly, những điều mong cầu, ái mộ không bao giờ được như ý. Khi có điều xấu ác, quái lạ ứng hiện thì bệnh tật phát sinh, các căn lâm nguy, thân thể bị bệnh thì thân mạng đã gần kề cái chết, xương thịt rã rời, mất hết mọi an ổn bị bệnh nặng khôn thì luôn bực dọc không nói được, cơ thể đau đớn cùng cực, uống nước không trôi, thuốc thang hết hiệu nghiệm, bùa chú hết linh ứng, tất cả mọi biện pháp giải trừ đều vô hiệu, thầy thuốc bó tay phải chạy, cuối cùng phải mạng vong. Tánh mạng đến hồi đau đớn nguy kịch thì có những chuyển biến. Khi mạng sắp hết thì có sáu nỗi thống khổ, chịu bao độc hại đau đớn hành hạ, các thứ khổ hoạn đều tụ về nơi thân, mình không muốn mà tự nhiên chúng cứ ào tới. Rồi lấy hơi lên, hoặc tắt không thông, chỉ có hơi ra mà không có hơi vào, rồi thở ra hít vào cũng dứt luôn, các kinh mạch đều dừng. Hoặc ốm đau gây mòn, hết dáng vẻ sống, nằm ngòai phải nhờ người đỡ vịn, người cũng thường cho ăn uống, thuốc men, nhưng cháo gạo chỉ ngậm đầy không tiêu hóa được rất là khổ sở, muốn vói lên hư không, và mồ hôi trắng, hét lên thất thanh, xuất ra các chất dơ bẩn, thân lại nằm lên trên, rồi chết. Khi hồn đi hết, người ta mang xác ra bỏ ngoài bãi tha ma, hoặc đem hỏa táng, thân thể thối rữa, không còn biết gì, chim chóc bay đến mổ rĩa, xương cốt đầu mình tay chân vương vãi ra đây, gân nôi đứt lìa tiêu ra tro đất, tất cả đều là vô thường. Đang lúc này

đây, thân hình hiện ở đâu? Đầu, mình, tay, chân rơi vãi chôn nào? Lúc mới chết, đem ra nghĩa trang, cha mẹ, anh em, vợ con đều đi theo thương tiếc, thân bằng quyến thuộc cũng lại như vậy, thấy đấm ngực khóc lóc, ưu sầu, thương tiếc lắm thay! Khi thi thể đã chôn rồi, ai về nhà nấy, không ai có thể cứu được, chỉ riêng thân mình chịu cảnh bị chôn bỏ dưới đất, như sành, như đá, không nghe được sắc, thanh, hương, vị, cảm giác êm dịu cùng năm dục cũng chẳng biết gì. Do đã rõ thân là vô thường, nên phải phụng dưỡng cha mẹ, cung kính Sa-môn và các Đạo sĩ, bố thí, trì giới, chay tịnh, luôn nghiêm túc giữ giới cấm dục tu tập. Đi lại, đưa đón đều cúi đầu, chấp tay làm lễ quy ngưỡng. Nay các vị Hiền giả, phải nên xem xét, quan sát thật kỹ vấn đề này, phải luôn tâm niệm về vô thường, khổ, không và vô ngã.

Lúc ấy, Hiền giả Ca-chiên-diên đọc bài kệ:

Đã thấy như thế thật đáng sợ  
 Cầu đặng thân người có dễ đâu  
 Phải tinh tấn cứu lửa cháy đầu  
 Đoạn trừ khổ lụy nên an tịnh.  
 Chư Phật ngày xưa thường tinh tấn  
 Dứt mọi tôi - ta và phóng dật  
 Gặp phải được - mất khổ rất nhiều  
 Sinh tử, địa ngục, khổ càng dữ.  
 Lòng nơi ái dục, không làm ác  
 Hàng phục các căn nên nêu bày  
 Không được vọng tưởng, nghĩ không hay  
 Đến được tịch nhiên, phá được giặc.  
 Không được nghĩ rằng: của ta thật  
 Quả không của ta, không ta tất .  
 Không được ý thế, không trọng người  
 Nhiếp phục thân tâm trước sự đời.  
 Thường phải biết thân và xấu hổ  
 Coi thường thân mạng không tham chấp  
 Không nên chìm đắm trong nẻo ác  
 Cảnh thận chớ làm, gặp khổ thêm.  
 Cảnh giới Diêm-la lại đừng đến  
 Với cha mẹ phải thường hiếu thuận  
 Tích công đức dành để kiếp sau  
 Phải nên sớm theo đường Hiền thánh.  
 Chớ nên cầu an mà phạm ác  
 Không theo tà giáo, hành độc dữ  
 Xem đó nên thường bố thí thêm  
 Bỏ hết ái dục và lỗi lầm.

Sau đây mới mong nơi cha mẹ  
Vợ con, quyền thuộc và bằng hữu  
Theo lời Phật dạy, chẳng trái sai  
Làm điều giá trị cho tương lai.  
Giả sử có bệnh cầu cha mẹ  
Vợ con, quyền thuộc và bằng hữu  
Nhờ họ cứu giúp không thể được  
Công đức, trí tuệ do ta tạo.

Hiền giả Ca-chiên-diên đã vì các vị Tỳ-kheo mà thuyết giảng như thế, các vị Tỳ-kheo đều hoan hỷ nhận lấy những điều chỉ dạy.

\* \*

\*

## **Kinh 18: Đức Phật Thuyết Giảng về Việc Hỏi Đáp Cho Trưởng Giả Hòa Lợi**

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại nước Na-nan, ở trong rừng Ba-hòa-nại cùng với đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Bấy giờ, Trưởng giả Hòa Lợi đến thẳng chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ rồi ngồi sang một bên. Đức Phật bảo vị Trưởng giả:

-Ta muốn hỏi ông, giả sử có bọn ma và quyến thuộc của chúng cùng vô số người ngoại đạo đến đây chất vấn ông và ông phải đáp lại. Vậy ông hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ.

Vị Trưởng giả thưa:

-Thưa vâng, Thế Tôn, con nguyện vui lòng lắng nghe.

Liên đó, Trưởng giả và đại chúng vâng theo lời dạy và cùng nghe. Đức Phật bảo vị Trưởng giả:

-Sao gọi là đầu mối lớn lao?

Vị Trưởng giả đáp:

-Thưa Thế Tôn, đầu mối lớn lao có bốn thứ. Một là địa đại, hai là thủy đại, ba là hỏa đại, bốn là phong đại. Đó là bốn đầu mối lớn của sự vật.

Đức Phật nói:

-Sao gọi là địa đại?

Thưa:

-Gọi thế vì có năm đặc điểm: Đứng vững, rắn chắc, không mềm, thô cứng, có thể qua lại được.

Đức Phật nói:

-Hay thay! Hay thay! Này Trưởng giả, ông có nhận xét rõ về các đặc điểm của địa đại đều vĩnh viễn không hiện ra chăng?

Trưởng giả đáp:

-Thưa Thế Tôn, thân con có thể biết về địa đại, nhưng khi diệt mất thì không thể biết được.

Đức Phật nói:

-Hay lắm!

Lại hỏi:

-Sao gọi là thủy đại?

Đáp:

-Bạch Thế Tôn, thủy đại có năm đặc điểm: Thâm ướt, lưu thông, mềm mại, vụn nhỏ, không có hình dáng, cũng như cái lưới rộng lớn trùm khắp đến các gạch nôi.

Đức Phật nói:

-Này Trưởng giả, hay lắm, hay lắm! Thế ông có thể biết thủy đại khi diệt mất thì không biết về đâu chăng?

Thưa:

-Bạch Thế Tôn, đã biết tất cả đều quy về vô thường thì vĩnh viễn không thật.

Đức Phật bảo vị Trưởng giả:

-Sao gọi là hỏa đại?

Trưởng giả thưa:

-Nó là thứ ẩm áp, có thể làm cho con người nóng lên, tạo sự tiêu hóa, có thể thiêu đốt, thuộc loại chiếu sáng.

Đức Phật nói:

-Này Trưởng giả, hay lắm! Vậy ông có thể biết hỏa đại diệt hết thì lại không còn hiện ra chăng?

Thưa:

-Con có thể biết cái gì vô thường, quy về diệt tận thì không còn hiện ra.

Đức Phật bảo vị Trưởng giả:

-Sao gọi là phong đại?

Trưởng giả thưa:

-Phong đại có năm đặc điểm: Nó là thứ lạnh lẽo, nhẹ nhàng, nhanh nhạy, có chỗ thổi thông, ra vào thuận lợi tạo ra tiếng vang.

Đức Phật nói:

-Hay lắm! Hay lắm! Vậy ông có thể biết phong đại đột nhiên biến mất lại không hiện ra chăng?

Đáp:

-Thưa Thế Tôn, có thể biết được phong đại tự nhiên mất hết. Đức Phật nói:

-Hay thay! Hay thay! Này Trưởng giả.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

-Há chẳng nhìn thấy âm thanh tịch tĩnh của các đại kia chăng? Đáp:

-Thưa vâng, đã biết âm thanh của các đại kia bình đẳng như đã gọi, đó là bốn đầu mối lớn lao.

Đức Phật hỏi:

-Bốn đại làm sao tồn tại?

Đáp:

-Dựa vào tham dục, ăn uống, ân ái mà tồn tại.

Lại hỏi:

-Bốn đại kia nương dựa như thế nào?

Thưa:

-Chúng lần lượt nương dựa vào nhau.

Lại hỏi:

-Cái nhắm hướng đến của bốn đại là gì?

Thưa:

-Cái nhắm đến là sắc và các nhập.

Lại hỏi:

-Chỗ quy về của các nhập là gì?

Thưa:

-Chỗ quy về của các nhập là phiền não, tội lỗi.

Lại hỏi:

-Phiền não, tội lỗi do cái gì?

Thưa:

-Bạch Thế Tôn, do thức và thân, mỗi mỗi tự chia khác, tự ly tán.

Lại hỏi:

-Khi mạng hết, thân hoại thì hướng tới chỗ nào?

Thưa:

-Há có chỗ để hướng đến! Thân không tâm ý, thân và thức mỗi mỗi riêng biệt.

Lại hỏi:

-Này Trưởng giả, tiếp tục lấy cái thức cũ để về với chỗ nhắm hướng đến, hay lại có cái thức khác chăng?

Thưa:

-Bạch Thế Tôn, không mang theo thức cũ để về với chỗ nhắm hướng đến nhưng không lìa thức cũ, cũng không có thức khác.

Lại hỏi:



-Này Trưởng giả, làm thế nào nhận biết được các pháp?

Thưa:

-Thí dụ như, thưa Đức Thế Tôn, mắt nhận thức đều khác thường, tai cũng nhận biết điều khác lạ không cùng hợp với nhau. Như vậy thưa Thế Tôn, cứ như thế mà chìm đắm trong sinh tử mọi sở kiến như vậy là không hề chán, lấy đó mà duy trì thân mạng.

Đức Phật nói:

-Này Trưởng giả, hay thay, hay thay! Nay ông đã đáp được tất cả những điều Ta nêu hỏi, vậy xét rõ chúng là thật, không hư hay là không thật?

Thưa:

-Không thật. Tại sao như vậy? Là vì Đại Thánh đã dạy ở trong thế gian ngã và ngã sở đều không thật, lòng ham muốn và các pháp đều hư. Con nghĩ, thưa Thế Tôn, các sự việc thế tục ấy đều do hư vọng mà có, chưa từng có các pháp thật.

Đức Phật nói:

-Hay thay! Hay thay! Này ông Trưởng giả, giả sử có ai nói: Việc đời đều là hư vọng, thì đây là điều chưa từng có, là chư Phật nói. Tại sao như vậy? Bởi vì mọi sự việc ở đời đều là hư vọng, không có một cái gì là thật, ở thế gian này, những kiến giải như thế đều là chưa từng có.

Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, Trưởng giả Hòa Lợi đã nhận lãnh lời dạy và hoan hỷ ra về.

\* \*

\*

## Kinh 19: Đức Phật Nói Kinh Phật Tâm Tổng Trì

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Nậu-đàn-nậu, chỗ bến nước gần bờ biển lớn, Đức Phật ngồi nơi tòa sư tử ở rừng cây, cùng với vô số chư Thiên và quyến thuộc của họ vây quanh, để vì họ thuyết giảng đạo pháp.

Bấy giờ, Đức Phật nói với Thiên tử An Tường Ma-di-hoàn và Tịnh Cư Thân:

-Này các vị Thiên tử, các vị nên biết có một pháp gọi là “Phật Tâm Tổng Trì”, trong thời quá khứ, vì bốn bộ chúng, Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác đã thuyết giảng. Mãi đến đời sau này, pháp ấy đã cứu giúp, thu nhiếp ủng hộ tất cả chúng sinh khiến họ tìm về chánh pháp, thu hoạch được những lợi ích thù thắng đặc biệt. Ta sinh đến đời này, nhằm giúp đỡ tất cả, vì các vị Bồ-tát cầu học Đại thừa, đã chịu ân của pháp ấy, khiến đến được khắp cả, tất cả việc làm của họ đều siêu việt khác thường, do đó, Ta nói ra pháp này. Này các Hiền giả, các vị cũng phải thọ lãnh, giữ gìn đọc tụng. Sau khi Ta diệt độ rồi, mãi về đời sau này, bốn bộ chúng, những người cầu học Đại thừa, nghe danh hiệu chư Phật, phải phân biệt thuyết giảng, vì người khác thuyết giảng, tâm luôn nhẫn nhục thì tâm được tự tại. Nghe được tiếng đã là khó, nêu bày được danh hiệu của chư Phật thì phải có đức tánh siêu việt hơn người. Những điều giảng thuyết của Như Lai mà dốc thu nhiếp, giữ gìn là đã đạt được cái nguyện tối thượng và mọi sở kiến đều được tự tại. Nếu có ai muốn nghe pháp “Phật Tâm Tổng Trì” thì phải vì họ mà thuyết giảng.

Toàn hội chúng cùng đáp:

-Thưa vâng, Thế Tôn! Chúng con xin thọ lãnh chánh giáo, như Đức Phật đã nói, trọn đời chẳng dám sai trái, khiến cho lời dạy của Đức Như Lai được truyền đi khắp nơi một cách đầy đủ.

Chúng hội lại hỏi:

-Thưa Thế Tôn, sao gọi là pháp Phật tâm tổng trì?

Đức Thế Tôn đáp:

-Ta nay lần lượt nêu giảng: Pháp đó là sạch mọi cấu nhiễm, lìa cấu uế để tạo được tất cả diệu nghĩa, thấy đều đạt được, chỗ tạo tác công đức của nó là không có bờ bến, ba đời đều bình đẳng, thông suốt tất cả mười

phương, gồm đầy đủ các tuệ, thị hiện tất cả các nơi chốn cất chứa, các pháp tự tại, đầy đủ tất cả mọi sự thành tựu, các nẻo hành hóa đều thông đạt, thấu tỏ khắp hết, bỏ tất cả kiến chấp ở trong ba cõi cho đến khắp mười phương đều an nhiên tịch tĩnh, đạt được các cửa giải thoát, nhận rõ pháp giới, cứu cánh cũng như mọi nương tựa vướng mắc, đều khiến nghĩ đến tất cả các việc đã làm, là nhằm vượt qua cái tâm còn lại, đạt được giải thoát rồi, trừ bỏ hết mọi trói buộc, chuyển chánh pháp khắp trong hư không, bản tánh thanh tịnh, không hề cấu nhiễm, hóa độ ba cõi, bình đẳng cả ba đời: quá khứ, hiện tại và tương lai, đoạn trừ một cách rất ráo, lìa mọi sở hữu, chứng đạt đạo quả bậc nhất, chỗ hành động như lời nói, mọi việc làm đều thành tựu, đem tất cả lòng đại từ, đại bi đến với tất cả mọi người, không người nào mà không hóa độ.

Đức Phật bảo:

-Này các vị Thiên tử, đó là pháp Phật Tâm Tổng Trì. Vì bốn chúng mà thuyết giảng, cầu đạt Bồ-tát thừa, ai dốc lòng đọc tụng, thân tâm luôn nhớ nghĩ đến, hiểu biết rõ ràng, chắc chắn, người thọ trì kinh này, luôn tưởng nghĩ, thì giống như Đức Như Lai ngự tại đỉnh đầu, nghĩ tới là được thấy những gì có thể thấy. Như có người được nghe thì có thể thuyết giảng kinh pháp. Hoặc có người thọ trì chưa từng bị quên, học đến rất ráo, sẽ được an trụ nơi đạo pháp, an nhiên tịch tĩnh mà thuyết giảng kinh. Vì vậy mà giảng kinh những điều cần được thọ trì đang được thọ trì, chưa từng nghi ngại. Do đây, đối với pháp Tổng trì, về những điều được nghe thấy, đều có thể nhận nhục, nhờ vậy mà chỗ đạt được rộng lớn như biển. Đạt được pháp Nhẫn bất khởi, thì đối với tất cả các pháp luôn được tự tại, không hề bị ngăn trở, dẫn đến cửa giải thoát đầy đủ như ý. Với pháp hiện tại, đối với giáo pháp của Ta, các vị phải chịu trách nhiệm lớn, phải bỏ hết các gánh nặng khác đi. Các vị Tộc tánh tử ấy đã thấy được Phật, như thấy tất cả, phải nghe theo mà thọ trì. Quán tưởng theo pháp đó, chớ nên chấp vướng vào hình tướng, lại càng không nên hủy hoại và khinh dể!

Thiên tử Ma-di-hoàn bạch với đức Phật:

-Thưa vâng! Chúng con xin vâng lời dạy, chẳng dám sai trái, phải tuyên giảng truyền bá lời dạy của Đức Như Lai đến cùng khắp, rồi với đời sau, lấy kinh pháp này, vì bốn chúng mà thuyết giảng, còn đối với các vị cầu Bồ-tát thừa thì cũng phải dốc sức phân biệt nhận rõ. Như có người đọc tụng được, còn đối với những người quên thì phải vì họ mà chỉ rõ: “Này các vị Tộc tánh tử, các vị phải nhận biết và lãnh hội pháp này, cùng khiến cho mọi người cũng được lãnh hội để giữ gìn những lời giảng dạy của Đức Như Lai. Chúng ta cũng phải cùng nhau nhận lãnh, thọ trì lời

dạy ấy của Đức Như Lai.” Những vị Tộc tánh tử như thế là đã hoàn thành được nghĩa lớn.

Đức Phật bảo Thiên tử Ma-di-hoàn.

-Ông phải hết lòng phụng hành như nay đã nêu vì đó chính là giáo pháp của Phật.

Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, Thiên tử Ma-di-hoàn, chư Thiên cõi trời Tịnh cư, tất cả các vị trong chúng hội, Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Người, A-tu-la nghe kinh thấy đều hoan hỷ.

Đức Phật nói kệ:

Oan gia, giống tri thức  
Giả dạng kết bạn thân  
Các vua làm nhiều việc  
Ngài là chủ đất đai.  
Nước kia nhiều quan lớn  
Thường sinh chuyện tranh giành  
Thường vì nhìn nhau xấu  
Do đó nói chú này:

“Đà cơ lệ ni - Đà bảo lệ ni - Sư Tỳ-kheo - Quy la đà - Đọa kệ đà - Sa du đầu đà âu - A di tỳ đầu ba - Muội đản xí na chiên - Quy lý na ba la - Sí đề ni đà bàn ni - Ni phi tán ni - Ma ha man na nâu đà lệ na”.

Câu thần chú kia chỉ bấy nhiêu, nhưng đối với ta không hề hao tổn của cải, mà thấy đạt được mọi thành tựu. Như trong quá khứ, để có được câu thần chú ấy, phải dùng tay trao nhận, nặng nơi tay chân thì đầu gối được nâng đỡ, nặng ở xương đầu gối thì thường thấy nặng đều khắp, làm cho hông thấy nặng thì khiến cho phần dưới thân thể thấy nặng, ở cổ thấy nặng thì khiến cho con tim thấy nặng.

Làm cho bốn bộ chúng đều thấy câu thần chú này là quan trọng thì tất cả đều được bình đẳng, nơi chốn theo đuổi đạt đến, cái vẻ bề ngoài sẽ theo gió tan đi.

“Âu na đề nô - Âu na đề đà - Âu di đề hồ - Âu đề đồ thủ - Phi kiện đà - Sát xà, sát giả.

Chu đà xà đà - Bà sa đề - Ba sa đàn ni da ế ca di cừu di già la sí - Chu la linh ma ni - A đề đà.

Phù di tiện na y du la đầu - Na sí kỳ đế di - Tỷ xiển đế di - Tát phi na  
lâu - Di đàn nậu nam mô - Ma ca ni - A đế tỳ da.”

Trì chú này thì sẽ được mọi sự an lành và luôn được các Phạm thiên  
khuyến khích, trợ giúp.

\* \*

\*

## **Kinh 20: Đức Phật Thuyết Giảng về Kinh Thần Chú Bảo Vệ Các Tỳ-kheo**

Nghe như vậy:

Một thời Đức Thế Tôn du hóa ở phía Đông thành Vương xá thuộc nước Ma-kiệt-đà, ở vùng rừng Nai, gần nơi gò tụ tập của các Phạm chí, từ đó đi lên phía Bắc, vào hang đá của Đế Thích trong núi Bi-đề.

Bấy giờ, rất nhiều vị Tỳ-kheo mạnh ai nấy chạy vội vã, dáng hốt hoảng chẳng an, giống như đàn cá chạy tán loạn khi gặp người đánh cá chặn lưới vây bắt. Đức Thế Tôn từ xa trông thấy cảnh tượng ấy, nên hỏi:

-Này các thầy Tỳ-kheo, làm gì mà chạy tán loạn, lộn xộn như cá sợ lưới thế?

Thầy Tỳ-kheo thưa:

-Chúng con gặp hoạn nạn, chỗ ở chẳng yên, gặp nhiều thứ nào là giặc cướp, quỷ thân, La-sát, voi, rồng, quỷ đói, sư tử và nhiều loài yêu tinh quỷ mị, không phải người, gấu, dã nhân, đủ các thứ tà ma, bên ngoài nước đầy đầy bọ quỷ, bọ dưng bùa chú độc hại.

Đức Phật bảo thầy Tỳ-kheo:

-Ta sẽ vì ông mà nói về pháp cứu giúp, hộ trì tất cả mọi người, người hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, ghi nhớ.

Thầy Tỳ-kheo thưa:

-Con xin lãnh thọ lời dạy của Đức Như Lai.

Đức Phật bảo:

-Những gì là pháp cứu giúp, hộ trì tất cả mọi người? Thần chú ấy như vậy:

“A kha di - Ca la di - Hi lệ hi lệ - Bát bi a la bi - Ma khâu - Phi lại đầu - Ha đầu sa.

Sí câu lê - Nhân đề lệ giả Tỳ-kheo phi âu ta lu di giả la - Nan lâu tại giả la.

A kỳ phá kỳ - A la nhân a la da - Da vật già đề bi di a bi.”

Nếu không giải thoát được hoàn cảnh ấy thì Ta sẽ giúp để giải trừ vì những người đọa tưng mà ủng hộ, cứu giúp khiến họ được yên ổn, an lành, dứt trừ tai họa. Nếu gặp các đám đạo tặc, quỷ thần, La- sát, bọn dùng bùa chú độc hại, thì trong chu vi bốn trăm dặm, thần chú này sẽ khiến chúng không dám quấy nhiễu. Nếu ai không tỏ ra cung kính, thuận giữ mà còn xúc phạm thần chú này thì đầu sẽ bị vỡ làm bảy mảnh, vì sao như vậy?

Đức Phật bảo vị Tỳ-kheo:

-Nay Ta xem khắp trên các cõi trời và thế gian, nếu được thần chú này chú nguyện và hộ trì thì trọn đời dứt hết mọi sợ hãi, không còn cảnh rợn tóc lạnh người, trừ phi kiếp trước không biết cung kính, quy lễ. Những ai đốc thọ trì thần chú của Thế Tôn thì các Phạm thiên tốt luôn khuyến khích, trợ giúp kẻ thọ chú này.

\* \*

\*

## Kinh 21: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Thần Chú Kiết Tường

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa ở thành Xá-vệ, nơi ấy có tên là Chuyển pháp luân, không gì có thể vượt hơn được. Đất ấy rộng lớn, bao quát, nếu có kẻ đến quấy nhiễu, Đức Phật đều thuyết phục. Nay đang lúc thuyết giảng, các bậc Đại nhân, Thánh hiền đều quy tụ về đó.

Lúc ấy, Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

-Ta Vì ông mà nói thần chú là vua của các thứ thần chú, ông phải hết lòng thọ trì vì đây là chú của các Đức Phật đã nói! Khi thực hành phải chí thành, thực hành theo đúng nẻo đạo pháp, thực hành theo mười hai nhân duyên, thực hành theo hàng tháng, hàng ngày, các vị Hiền giả đều thực hành, ngày tháng luôn thực hành. Vậy ông hãy lắng nghe và khéo ghi nhớ.

Hiền giả A-nan thưa:

-Con xin vâng theo lời dạy và lắng nghe.

Thần chú như vậy:

Hưu lâu - Ni lâu - A ca la - Bài la - Mạc ca đất la bạt đề - Ba la linh ba sô a ni tha - Da đề a ni - Da đề a đề tà đề át đế mạt đế lô. Lô la la bạt đề ma na la la ba di trá.

Đây là pháp Tổng trì vô lượng, vua của các ấn chú mà chư Phật đã nói. Phải chí thành mà thực hành, phải đúng theo đường tu tập mà thực hành, theo dấu bình đẳng mà thực hành, phải ngày thực hành, tháng thực hành, ngày tháng đều thực hành, không hề gián đoạn.

Đức Phật nói với Hiền giả A-nan:

-Câu Tổng trì này là câu chú của Phật, là câu chú tôn quý hơn hết, là câu chú phải học, là câu chú của Thánh hiền, là câu chú đem lại diệu nghĩa lợi lạc, là câu chú luôn mang theo bên mình, là câu chú không hề bị trở ngại. Như các vị Tộc tánh tử, Tộc tánh nữ, nếu hội nhập được câu chú này là vào được trăm, ngàn cánh cửa giải thoát, có thể phân biệt để thuyết giảng.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:



-Ồ mé Nam núi Tuyết, có vị nữ thần lớn tên là Thiết-đà-lân-ca-ê (*Nhiếp Thanh*), có năm trăm người con và đám quyền thuộc, nghe được kinh này, liền cùng đứng lên kêu oán: “Than ôi, đau đớn lắm thay! Hỡi ôi! Sao mà dữ dội đến thế! Thân ta vốn lấy cái tinh chất của hàng trăm hàng ngàn người để ăn uống, hại mạng người để phục vụ mình, đến nay thì không làm gì được, không thể xâm phạm nữa! Sa-môn Cù-đàm vì bốn bộ chúng mà nêu bày, hộ trì. Vì sao? Là vì nếu các hàng thiện nam, tín nữ nhận được thần chú này thì những đồng nam, đồng nữ khi vào các quận, huyện, thôn, xóm trong nước, dóc trì tụng chú kiết tường này thì không có gì có thể nhiều hại được. Vì sao như vậy? Là vì nay ông Sa-môn Cù-đàm nói thần chú ấy đã xua đuổi bọn phi nhân, diệt trừ các thứ hoạn nạn.”

Đại nữ thần ở đây mà thường xuất hiện ở cung ma, bọn ma xấu nói: “Thiên vương nên biết, Sa-môn Cù-đàm, đã lấy sạch cảnh giới của ông rồi. Nay các Thiên vương đều phải mặc áo giáp đồng, dẫn theo cả đám đông cùng binh lính giống như hồi Bồ-tát mới bắt đầu tham thiền bên gốc cây Bồ-đê.” Bọn ma liền mặc áo giáp đồng, cùng đám binh lính đến thẳng chỗ Phật.

Khi đó, Đức Thế Tôn nói với Hiền giả A-nan:

-Đó là đại nữ thần Thiết-đà-lân-ca-ê ở tại phía Nam núi Tuyết, cùng với năm trăm người con đông đủ, từ xa nghe Đức Như Lai nói thần chú Tổng trì ẩn chú này mà sợ hãi cuống lên, lông tóc dựng đứng, nên đã huy động tất cả đám quân ma lớn nhỏ cùng các thứ ma khác.

Bấy giờ, bọn ma mặc áo giáp có lông cánh cùng đám quyền thuộc đến thẳng chỗ Đức Thế Tôn, mang theo tâm ý ác độc đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Khi ấy, vị Bồ-tát tên là Hàng Khí Ma đã hàng phục được ma vương, ma quan và đám quyền thuộc, đến thẳng chỗ Đức Phật cung kính đánh lễ bậc Đại thánh, chấp tay hướng về Đức Phật, bạch Đức Thế Tôn:

-Con đã nhiếp phục, chế ngự được bọn ma và đám quyền thuộc của chúng, gom bọn Đại thần nữ Thiết-đà-lân-ca-ê lại để chế ngự, như thế là chúng chẳng còn dám làm điều sai trái, hoặc nhiều hại các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, chẳng những không dám hại mà chúng không còn có chỗ để hại nữa. Lành thay! Thưa Đức Thế Tôn, nguyện xin Ngài nói pháp Ân tổng trì cho bốn bộ chúng để họ đều được sự hộ trì khiến luôn được yên ổn. Xin Đức Phật tăng thêm từ bi làm cho thần chú này phổ cập đến dân chúng khiến cho họ cũng được muôn phần yên ổn.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn vì nhằm nói ra thần chú ấy, bỗng mỉm cười. Hiền giả A-nan hỏi Đức Phật:

-Thưa Thế Tôn, vì có gì Ngài cười? Chắc phải có ý gì đấy thì Ngài mới cười?

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

-Ông hãy xem kìa, Bồ-tát Hàng Khí Ma đạo hạnh hết sức thù thắng đặc biệt, đã hàng phục được ma quân, ma vương và đám quyến thuộc, trừ diệt hết tà thuật của Đại thần nữ Thiết-đà-lân-ca-ê, khiến bọn chúng luôn lo sợ nên bỗng nhiên biến mất, không hiện ra nữa.

Đã đến lúc nói về Ấn tổng trì, bây giờ Đức Thế Tôn nghĩ về Ấn tổng trì này là vua trong các pháp Tổng trì, có thể nhiếp phục tất cả các loại quỷ thần xấu ác cùng các thứ yêu mị, trừ dứt được tất cả mọi sự nhiễu hại. Câu chú Tổng trì ấn vương như sau:

‘Phục curu, phục curu, Huru phù hưu lâu a kì đề.’

Đối với các nơi chốn có Quỷ thần, Thần nữ, Curu hoàn long, Kim sí điểu và các loài thú hung dữ, các thứ yêu mị có ý tìm đến nơi đường đi để giết người, ăn tươi nuốt sống, thì với câu chú ấy có thể khiến chúng phải đi theo con đường sáng suốt, dốc cả tâm ý làm điều thiện, hướng chi việc nhỏ nhặt thì không thể ẩn giấu được. Các đức lớn của phép Tổng trì ấy là không hề lựa chọn, phân biệt, không tối tăm mà cũng không có chỗ dứt bỏ. Trong lòng đọc tụng mười sự việc kia dẫn đến cái cười của Ta hôm nay. Đây là việc phải làm, không hề có chọn lựa.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

-Thần chú này là câu chú không chọn lựa, câu chú Tổng trì, câu chú không có chỗ tuyển lựa, câu chú yên ổn, câu chú hộ trì, câu chú giúp mọi người không bị quấy nhiễu, câu chú không bị hại, câu chú cấm ngăn chế ngự, câu chú cho mọi người đọc tụng, câu chú làm cho bốn bộ chúng luôn được hộ trì giúp đỡ, Nhân và Phi nhân không thể xâm phạm được, cả những khi ra vào, ngủ nghỉ cũng không ai dám quấy nhiễu. Hướng chi Đức Phật đã nói: Ai được nghe chú này cũng đều được an ổn.

Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, mọi người đều hoan hỷ lãnh hội và lui ra.

\* \*

\*

## PHẬT NÓI KINH SINH

**Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ**

**Việt dịch: Linh-Son Pháp Bảo Đại Tạng Kinh**

卍

### QUYỂN III

#### **Kinh 22: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Tổng Trì**

Nghe như vậy:

Một thời, lúc Đức Phật mới thành đạo, Ngài du hóa ở nước Ma-kiệt, trụ chốn pháp nhàn, nơi gốc cây Bồ-đề, cùng với hàng vạn vị Bồ-tát, tất cả đều đã đạt được mọi thành tựu. Như Bồ-tát Phổ Hiền, hành nơi vô nguyện, giải thoát rất ráo và các vị Bồ-tát như: Bồ-tát Không Vô, Bồ-tát Liên Hoa Tạng, Bồ-tát Bảo Tạng, Bồ-tát Hành Tạng, Bồ-tát Diệu Diệu, Bồ-tát Kim Cang Tạng, Bồ-tát Lục Sĩ Tạng, Bồ-tát Vô Câu Tạng, Bồ-tát Điều Định Tạng, đại thể có tới một vạn vị Bồ-tát như thế, cùng với số lượng chúng Bồ-tát vô kể nơi một thế giới của chư Phật trong cõi Tam thiên đại thiên, mỗi vị từ cõi Phật khác cùng đến họp mặt nơi chúng hội này. Tới nơi, chư vị đều hóa ra tòa ngồi sư tử, cung kính đánh lễ Phật xong, thì an tọa nơi tòa sư tử phía trước Đức Phật. Bấy giờ, các vị Đại sĩ Bồ-tát ấy, không còn phân biệt tôi-ta, thấy đều thanh tịnh không chút cấu bần, đều suy nghĩ: “Do nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn gì mà chư Phật, Thế Tôn có được cảnh giới không thể nêu bày lượng tính hết được? Do từ cái sở nguyện gốc của chư Phật, Thế Tôn mà có được những sự thù thắng đặc biệt như thế chẳng? Do nhân duyên gì mà chư Phật Như Lai đạt được sự cảm ứng như vậy? Sao gọi đó là việc làm không thể nghĩ bàn, hành động không hề bị ngăn ngại? Làm sao mà Đức Thế Tôn đã dứt sạch mọi niệm, tưởng, đạt được những sự việc đặc thù ấy?”

Lúc ấy, Đức Thế Tôn biết các vị Bồ-tát trong lòng đang có những suy nghĩ: Các vị Bồ-tát đang an tọa, chư Phật không có nơi chốn mà luôn thường trụ, các vị ấy muốn hỏi Đức Như Lai về tất cả sự sáng suốt của uy thần của chư Phật và về đức của uy thần ấy luôn tinh tấn không gì vượt hơn được, nhờ đó mà tất cả đã thành tựu, đã hội nhập vào được các pháp Tổng trì của chư Phật, là nẻo giác ngộ rộng lớn của bậc Thánh, tất cả chốn hội nhập ấy là đặc biệt thù thắng như vậy, không chỗ nào bị ngăn ngại, nẻo hội nhập của thân cũng đều như thế. Những người thân cận với chư Phật, từ bỏ các lỗi lầm, theo đúng giáo pháp chư Phật mà không chấp vào những gì đã đạt được thì thường được yên ổn.

Khi ấy, Bồ-tát Liên Hoa Tạng chứng nhập vào các pháp mà tâm hướng tới không còn những thứ ngăn ngại, chỗ nghĩ về các pháp môn không còn chút ngăn che, hạnh của các vị Bồ-tát là hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền, đó là sự tập hợp đầy đủ các hạnh nguyện. Nếu an trụ một cách thích hợp nơi đó thì chứng nhập được giáo pháp của chư Phật, thấy được Phật trong mười phương, phát khởi tâm đại bi, cứu độ chúng sinh đến cùng, dứt dần họ dứt bỏ hết các đường ác. Tất cả các vị Bồ-tát nhờ pháp Định, Tam-muội, mà thấy rõ cội gốc của mình, nhờ vào trí tuệ của chư Phật mà phát hạnh nguyện đến vô cùng, chúng sinh không ai là không quy phục. Đích cuối cùng của con đường trí tuệ giác ngộ đều nhằm soi tỏ các pháp Tổng trì để phân biệt các nẻo giải thoát trong kho tàng hoa sen vi diệu.

Các vị Bồ-tát-ấy đã vâng theo Thánh chỉ của Đức Phật, mỗi người tự nêu bày:

-Chư Phật đã nghe thấu hết, hạnh nguyện của chư Phật Thế Tôn thật là không thể lường hết, biến hóa thật vĩ đại, tùy theo bản tướng của các Ngài, thông tỏ các pháp, biết hết tất cả, chư Phật thật là siêu việt, kỳ lạ, không gì có thể che khuất được. Chư Phật Thế Tôn trùm khắp pháp giới, hội nhập trong pháp giới của các cõi Phật, có hay không có xứ sở, không một chỗ nào bị ngăn ngại. Những gì là mười? Chẳng hạn như Đức Thích-ca tại cung trời Đâu-thuật, thị hiện thọ mạng sau cùng của mình, bỗng nhiên biến mất khỏi cảnh giới ấy, không gì ngăn cản hay chế ngự được, cũng không biết ở nơi chốn nào, đã vào thai mẹ, đủ mười tháng sinh ra, rồi bỏ gia đình mà vui vẻ ra đi tìm đạo, lòng an vui tự tại, đến ngồi bên gốc cây Bồ-đề, tu thành Phật và tích lũy tất cả giáo pháp của chư Phật, chỉ trong khoảnh khắc, Ngài đã thị hiện khắp các cõi Phật, tạo ra sự cảm ứng thể hiện qua các điềm lành, thường chuyển pháp luân, vun trồng và phát huy gốc của công đức, phân biệt theo căn cơ mà giảng giải cho chúng sinh, nên gặp được lúc có Phật thì đủ điều kiện để thành Bồ-tát, chính là do đạo pháp mà thành tựu. Chư Phật Thế Tôn luôn an trụ trong diệu lý “Vô sở trụ”, thường ở nơi trí tuệ mà kiến lập nên. Đã là Phật tử, thì không vướng mắc vào xứ sở, nơi chốn, phải thấu đạt diệu lý vô sở trụ. Lại nữa, với Phật tử, các Đức Phật, Thế Tôn có mười điều nêu dạy.

Mười điều đó là:

- Giáo hóa tất cả chúng sinh, nhằm đưa họ đến bờ giải thoát.
- Giải trừ hết tất cả những pháp không có trí tuệ.
- Hằng tu tập theo hạnh đại bi.
- Có được mười thứ diệu lực.
- Chuyển bánh xe pháp khắp nơi chốn để giáo hóa mọi người.

- Điều phục, dẫn dắt chúng sinh để đạt được giác ngộ bình đẳng.
- Khai mở, chỉ dẫn cho muôn loài khiến đạt được diệu lý “Không chôn trụ”.
- Ở đó, tự quay về nương tựa theo nẻo “Vô hành” đối với tướng pháp.
- Đạt được cảnh giới tịch tĩnh, an nhiên.
- Đạt được đạo quả rồi thì quyết giáo hóa cho mọi người khác cũng đạt đến giác ngộ, giải thoát.

Đó là mười điều. Lại nữa, Đức Phật còn có mười việc mau gặp Đức Như Lai. Mười việc đó là: Vừa gặp chư Phật thì những chúng sinh ấy liền:

- Bỏ hết tất cả các nơi chôn hương về trước đây của mình, chỉ giữ lấy lời dạy trọng yếu của chư Phật.
  - Mau chóng có được phước đức cùng quyền thuộc.
  - Chóng thọ lãnh được cái gốc của mọi đức hạnh.
  - Liên được thanh tịnh, không còn những thua kém, thiếu thốn, dứt hết các hồ nghi.
- Vừa gặp được Chư Phật thì tất cả những chúng sinh ấy:
- Được chỉ dẫn con đường đi đến Đại thừa.
  - Khiến dứt hết mọi nẻo sợ hãi.
  - Liên được thành tựu pháp “Bất thoái chuyển”.
  - Phân biệt, nhận rõ căn nguyên của chúng sinh để khai thị, độ thoát cho.
  - Giáo hóa khắp thế gian, làm thanh tịnh các căn của chúng sinh.
  - Vừa gặp được chư Phật Thế Tôn thì mọi chúng sinh liền dứt hết bao thứ che phủ, ngăn ngại.

Đức Phật thuyết giảng như thế, các vị Bồ-tát nghe kinh thấy đều vui mừng lãnh hội.

\* \*  
\*

## Kinh 23: Đức Phật Thuyết Giảng về Thích Tử Sở Hân

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, Sở Hân, con cháu dòng họ Thích (Sở Hân Thích tử) nhiều lần lui tới đây, ra vào không giờ giấc, dựa vào chỗ là đến với họ hàng, nên việc đến, đi của ông thật không thể tính kể, khi thì sáng sớm, lúc thì tối trời, hoặc sớm đến, tối đi. Lúc ấy, các Hiền giả A-nan, Ưu-đà, Bạc-câu-lô... hội họp lại một nơi, gọi ông Thích tử Sở Hân đến bảo:

-Này Hiền giả, sao ông hay đi lại không giờ giấc gì cả thế? Sao ông đến đây, vào ra không theo đúng giờ giấc, đáng ra thì ông phải biết tự điều tiết số lượng đi lại ấy chứ?

Ông Thích tử Sở Hân liền tuông ra những lời thô tục, mắng chửi các vị Hiền giả:

-Các ông là những kẻ vô trí, chỉ biết vọng động quấy rối, không thể tự an, hô hoán ác khẩu. Các ông là hạng lười nhác, chẳng làm gì cho chúng Tăng được hưng thịnh. Ta nay ra vào, thường vì chúng Tăng nghiêm túc bàn luận về những việc phải, các ông không cho đó là công lao ư? Cái chính là vì chúng Tăng có chỗ cần biện luận, chớ nên gọi ta là kẻ hay lý sự. Các Hiền giả nhiều chuyện, tỏ ra quá đáng đối với cá nhân ta, Thích tử Sở Hân này. Và lại, các ông có chỗ muốn cùng biện luận, thế các ông có biết ta đã biện luận về việc của chúng Tăng ra sao không?

Khi ấy, các vị Tỳ-kheo cùng suy nghĩ: “Ba vị kia thì lời nói dịu dàng, mềm mỏng, uy đức hơn người, dựa vào gốc của phước đức mà thực hiện, nên chỗ đạt đến được rất nhiều, vượt hẳn người kia. Còn Thích tử Sở Hân chỉ là một gã nam tử ngu độn, liều mạng, ngớ ngẩn tự đề cao mình, chỗ mong cầu có vẻ quá đáng nhưng không được như ý muốn.”

Vào một ngày khác, Thích tử Sở Hân đến nhà một ông Trưởng giả, được cúng dường một bữa trưa hết sức thịnh soạn. Hiền giả A-nan đến nơi ấy sau nên đã tới nhà ông Trưởng giả khác, dùng lời nói dịu dàng để nêu bày về sự bền chắc của công đức vun trồng từ kiếp trước, lại vì họ mà thuyết giảng kinh pháp, khiến cho mọi người trong gia đình ấy hết sức hoan hỷ. Từ đấy, đi khất thực đến đó, Hiền giả A-nan luôn được cúng

dường nhiều, họ tự nguyện bố thí không chút phô trương hay mong cầu gì.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo đem đầu đuôi câu chuyện này thưa rõ với Đức Phật. Đức Phật nói với các vị ấy:

-Đối với bốn người ấy, chẳng phải chỉ đời này mới xảy ra chuyện tranh nhau trong việc khát thực, ở đây, chỉ có một người được cúng dường ít, còn những người còn lại thì được cúng dường nhiều hơn. Tỳ-kheo A-nan luôn được mọi người khuyến trợ nên thầy đều được yên ổn.

Đức Phật kể:

-Về thời xa xưa đã lâu lắm, ở vùng đất lạ kia, có bốn người rất thân thiết, cùng nhau chung sống một chỗ. Khi ấy, có người thợ săn, bắt được một con nai, muốn đem vào thành để bán. Bốn người này thấy sự việc ấy, liền bàn với nhau: “Chúng ta nên tìm cách đi theo người thợ săn kia để mong có được thịt nai! Thử xem ai sẽ kiếm được nhiều nhất!”

Bàn xong thì bốn người cùng xuất phát ra đi. Lời hỏi xin của người thứ nhất thật thô lỗ mà còn cao ngạo:

-Ê! Người đàn ông kia, hãy cho ta thịt nai ấy đi, ta muốn ăn đấy.

Người thứ hai nói:

-Thưa anh, cho xin một ít thịt, em muốn thưởng thức món thịt đó.

Người thứ ba thưa:

-Vị nhân đức đáng kính, có thể cho bớt tôi một ít thịt ấy, tôi vốn rất thích.

Người thứ tư nói:

-Thưa vị thân thiết, nhân hậu, có thể bỏ bớt đi một ít thịt! Xin thông cảm mà bố thí cho, tôi muốn được ăn lắm vì cả bọn tôi đều đói khát!

Lúc ấy, người thợ săn xét lời nói của bốn người, rồi tùy theo lời của từng người mà dùng kệ đáp lại. Kệ đáp người thứ nhất như sau:

Lời người rất thô lỗ  
Thịt nào lại cho người  
Nói xin như ra lệnh  
Cho người cái sừng thôi.

Ông lại dùng kệ đáp người thứ hai:

Người này thì hay lắm  
Gọi ta là huynh đài  
Lời kia như thủ túc  
Sẵn ta cho một đùi.

Ông cũng dùng bài kệ đáp người thứ ba:

Đem ái kính cho ta  
Lòng từ bi bao la  
Lời nói như tâm phúc  
Lấy tim gan làm quà.

Ông lại dùng kệ đáp người thứ tư:

Lấy ta làm thân thích  
Thân kia được hòa đồng  
Lời ấy hợp ý lắm  
Lấy hết thịt cho ông.

Thế rồi người thợ săn, tùy theo ngôn từ của từng người, hoặc thò vung, hoặc tế nhị mà cho họ các phần thịt. Khi ấy, có vị trời khen ngợi:

Ngôn từ của nam tử  
Dịu ngọt quy về thân  
Chớ nói lời thô lỗ  
Lợi hại chẳng rời thân.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

-Người thứ nhất với ngôn từ thô lỗ ấy nay là ông Thích tử Sở Hân, người thứ hai nay là ông Bạt-đà-hòa-lê, người thứ ba nay là ông Hắc-uru-đà, người thứ tư chính là ông A-nan, còn vị trời nói bài kệ đó chính là bản thân Ta. Ngày trước đã gặp nhau, đến nay cũng như thế.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không vui mừng lãnh hội.

\* \*  
\*



## **Kinh 24: Đức Phật Thuyết Giảng Chuyện Vị Quốc Vương Và Năm Người Con**

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo tôn trưởng, mỗi người đều tự bày tỏ những ý nghĩ từ lòng mình. Hiền giả Xá-lợi-phất, Hiền giả A-na-luật, Hiền giả A-nan, Hiền giả Du Luân và chúng đệ tử năm trăm người đã cùng một lúc lìa bỏ gia đình để học đạo, dứt mọi nẻo tham muôn, chí quyết không màng sự giàu sang ở đời, thấy đều làm Sa-môn.

Lúc ấy, Hiền giả Xá-lợi-phất tán thán:

-Trí tuệ được xem là bậc nhất hơn hết, nhờ đó dứt trừ mọi hồ nghi, hòa giải mọi sự tranh giành, xâu xé, phân biệt rõ được đạo nghĩa, không có chỗ nào là không thông đạt, cũng như trong chỗ tối tăm có được cây đuốc sáng soi tỏ khắp chốn.

Hiền giả A-na-luật tán thán:

-Tay nghề khéo léo chính là người thợ giỏi đối với mọi người, nhờ đó đã đem lại sự thành tựu ở nhiều lãnh vực, thể hiện được biết bao là kỹ thuật tinh xảo, khiến mọi người đều thích thú, cho nên công xảo là hơn hết.

Đến lượt Hiền giả A-nan tán thán về cái dáng vẻ đoan chánh bậc nhất:

-Dung nhan tươi đẹp hơn hết khiến ai thấy cũng đều hân hoan, được mọi người quý trọng, tất cả đều tôn kính như là Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt.

Còn đây là ý kiến của Hiền giả Du Luân:

-Luôn chuyên cần tu tập, chưa từng biếng trễ, đức tinh tấn ấy thật đáng ca ngợi, trong thế gian không ai sánh kịp. Nhờ đó lại có thể đi vào trong biển cả, thành tựu được rất nhiều việc lớn. Như Đức Như Lai Thế Tôn, đã thị hiện sinh vào dòng họ Thích, rồi bỏ đất nước, ngai vàng dốc chí tu tập, thành tựu đạo quả Phật, đoan nghiêm không gì sánh, hình tướng, sắc diện là bậc nhất như mặt trăng trong đám tinh tú, tươi sáng còn

hơn cả mặt trời, thân cao một trượng sáu, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, tiếng nói vang tỏa khắp tám bộ chúng, nói ra hàng vạn ức âm thanh để giảng thuyết kinh pháp cho các loài trời, rồng, quỷ, thần, người, vật... đều được khai thị, thông tỏ, đều đạt được sở nguyện của mình. Những anh em con chú bác của Đức Phật, tuy mỗi người có tiếng tăm uy tín riêng, nhưng đều quy mạng Đức Phật, xin làm đệ tử của Ngài, công đức của Đức Phật thật không thể nêu bày, xưng tụng hết được. Từ vô số trăm ngàn vạn ức kiếp, Ngài đã tích lũy công đức, tự tu tập để chứng được quả Phật, rồi vì tất cả mọi người, mà chỉ ra con đường chân chánh.

Tất cả các vị trong chúng hội cùng nhau đến thẳng chỗ Đức Phật, hỏi rõ về nguồn gốc việc này:

-Bạch Thế Tôn, ai là người được xem là bậc nhất. Chúng con đã tụ hội lại và mỗi người đã tự nói lên cái sở trường của mình, mong Ngài minh xét.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Những người ấy chẳng phải chỉ mới đời này tự xưng tán về cái danh dự bậc nhất vô song của bản thân mình, mà đời trước cũng thế. Chỗ quy về của các đời nơi họ thấy đều thuận phục nơi Ta, hết lòng tôn quý Ta. Vì sao như vậy? về thời quá khứ xa xưa, có một vị quốc vương tên là Đại Thuyền, cõi nước rộng lớn, đất đai màu mỡ, dân chúng no đủ, các vị đại thần cũng như bá quan đều hết lòng giúp nước. Nhà vua có năm người con: Người thứ nhất có trí tuệ, người thứ hai có tài khéo léo, người thứ ba rất đoan chánh, người thứ tư rất tinh tấn, còn người thứ năm thì đầy đủ phước đức.

Mỗi người con đều tự ca ngợi về chỗ sở trường của mình. Người con có trí tuệ, ca ngợi cái trí tuệ bậc nhất trong thiên hạ ấy bằng bài kệ:

Trí tuệ là hàng đầu  
 Hồ nghi giải quyết, mau  
 Phân rõ được nghĩa khó  
 Giải mọi oán kết lâu.  
 Hãy dùng quyền phương tiện  
 Giúp người hiểu được nhau  
 Mọi người đều hoan hỷ  
 Cùng ca ngợi ân sâu.

Người con thứ hai ca ngợi tài khéo của mình bằng bài kệ:

Kỹ thuật từ khéo tay  
Nhiều việc thành tựu ngay  
Mấy móc làm người gỗ  
Như người thật không sai.  
Cử động co duỗi được  
Người xem thấy khen hay  
Được thưởng ngàn ấy báu  
Tài đó chính nhờ đây.

Người con thứ ba ca ngợi về sự đoan chánh của mình bằng bài kệ:

Đoan chánh bậc nhất rồi  
Sắc hình cũng hơn thôi  
Mọi người xem diện mạo  
Người gần, kẻ xa xôi.  
Đều biết đến tôn kính  
Ân cần việc mọi người  
Họ thờ như thờ Phật  
Vắng mây, rạng mặt trời.

Người con thứ tư ca ngợi sự tinh tấn của mình bằng bài kệ:

Tinh tấn lấy làm đầu  
Tinh tấn vào biển sâu  
Hay vượt các hoạn nạn  
Của báu được rất nhiều.  
Lắm tài và dũng mãnh  
Do đó, ngại gì đâu  
Nghiep nhà đều nên cả  
Bà con mừng kính yêu.

Người con thứ năm ca ngợi về phước đức của mình bằng bài kệ:

Phước đức là tối cao  
An nhiên tự tại vào  
Giàu sang không bờ vực  
Đời đời phước đức gieo.  
Phước được làm Đê Thích  
Luân vương, Phạm thiên cao  
Nếu được thành Phật đạo  
Làm Pháp vương đạo mầu.

Mỗi người đã tự nói lên cái sở trường của mình, ai cũng tự cho tài của mình là số một, không có thể quyết đoán được vì không ai chịu phục ai, rồi quay ra nói với nhau:

-Chúng ta mỗi người phải tự thi thố tài đức của mình, thể hiện rõ tướng thật của kẻ trượng phu bằng cách viễn du đến các nước, tới những nước khác ấy thì mới biết được cái thù thắng đặc biệt của ai là hạng nhất.

Bấy giờ, người con có trí tuệ vào được đất nước khác rồi, ông tìm hỏi về dân chúng nước đó lành dữ thế nào, lương thực nhiều ít, sang hèn, giàu có hay nghèo cùng. Ông lại nghe trong nước ấy có hai ông trưởng giả giàu có không ai bì kịp, trước thì rất thân thiết nhau, sau lại bất hòa, bị mọi người đâm thọc xúi bậy, họ lại càng chống đối nhau, trở thành oán thù chôn chứa nhiều năm, không thể hòa giải được. Người con có trí tuệ kia liền bày ra một phương sách khéo léo, mang hàng trăm thức ăn ngon lành đến thẳng nhà ông trưởng giả, yêu cầu gặp mặt để dâng tặng. Ông trưởng giả liền ra gặp, người con có trí tuệ bèn dâng hết thức ăn ngon lành đã mang theo cho ông trưởng giả, rồi đem chuyện đã nghe được về ông trưởng giả ấy, từ tốn hỏi han:

-Việc trước kia hai bên mất lòng nhau là do không kịp suy nghĩ, bị kẻ khác đâm thọc nên kết thành oán thù lâu năm, không được gặp gỡ, nói chuyện với nhau, nghĩ rằng đối mặt hầu chuyện là rất khó khăn, cho nên chủ tôi sai tôi mang mấy món ăn uống đến để biếu tặng, xin đại nhân nhận cho, chớ nên quở trách, đây cũng không phải là oán thù truyền đời của cha mẹ, nên chủ tôi sai tôi đến để tỏ rõ ý nhau.

Vị trưởng giả này nghe xong tỏ ra hân hoan, vồn vã:

-Tôi rất muốn hòa giải từ lâu rồi, chỉ tại không có người thân cả hai bên để bày tỏ ý nhau, nay lại tin tôi, khiêm tôn giải bày, thành ý này thật ngoài chỗ mong ước. Tôi xin đón nhận ý nhân hậu ấy và xin thuận theo điều đã nêu bày, chẳng dám trái mạng.

Người con có trí tuệ đã giải hết mọi nghi ngờ của ông trưởng giả, xong thì từ tạ ra về.

Tìm đến nhà ông trưởng giả thứ hai, cũng lại như vậy, người con có trí tuệ ấy giải bày mọi ý nghĩ như đã nêu rõ với ông trưởng giả trước. Xong rồi, hẹn thời gian và nơi chốn để cả hai gặp gỡ. Lúc ấy, dân chúng tụ họp đông đảo để tham dự việc hòa giải oán cừu, cùng lúc tổ chức nào yến tiệc, nào ca hát tung bừng, cùng nhau vui vẻ, hai bên hỏi nhau gốc ngọn về ý kiến hòa giải này, mới hay là do người kia khéo bày đặt ra để hòa giải oán thù cũ, kết thân họ lại như xưa. Mỗi người tự nghĩ: “Ta làm

mất lòng nhau đã lâu, người trong một nước mà không hòa giải nổi, nay người này từ xa đến đã làm được công việc khó khăn ấy, ân đức này khó mà lường hết, không có lời nào diễn tả trọn vẹn được!” Rồi mỗi người xuất ra trăm ngàn lượng vàng để dâng tặng cho người đã làm công việc hòa giải. Anh ta liền mang của báu ấy về cho anh em, dùng lời kệ khen:

Có đầy đủ ngôn từ  
Biện giải thành kinh điển  
Bậc Chánh sĩ biết rộng  
Rất ráo được an ổn.  
Xem ta dùng trí tuệ  
Đạt được báu dường này  
Ăn mặc tự đầy đủ  
Bồ thí rồi còn dư.

Lúc đó, người con thứ hai có tài khéo léo đi đến nước khác, gặp khi quốc vương xứ ấy ham thích các kỹ thuật, anh ta liền lấy gỗ tốt chế tạo một người máy bằng gỗ, hình dạng đoan chánh không khác gì người sống, y phục, dung mạo, trí tuệ không gì so sánh được, có thể làm các việc ca múa, cử động như con người thật. Anh ta có lời ca rằng: “Con trai ta sống đã gần ấy năm, trong nước thầy cung kính, nhiều nơi đều mang quà tặng cho”.

Quốc vương nghe được, ra lệnh cho anh ta biểu diễn tài nghệ của mình. Nhà vua cùng phu nhân lên lầu cao ngồi xem cuộc biểu diễn ấy. Người con thứ hai này đã cho người gỗ do mình tạo ra diễn đủ các mục, gần ấy động tác còn hơn cả người sống, vua và phu nhân hoan hỷ vô cùng. Nhân đấy anh chàng người gỗ máy bèn nháy mắt nhìn nhan sắc của phu nhân, nhà vua từ xa trông thấy, lòng rất phẫn nộ, liền ra lệnh cho người hầu:

-Chém đầu hấn mang lại cho ta. Tại sao hấn dám nháy mắt nhìn phu nhân của ta, rõ ràng là có ý xấu, không còn nghi ngờ gì nữa!

Người cha của hấn khóc kể, nước mắt chảy ròng ròng, quỳ dài cầu xin:

-Con chỉ có một đứa con trai, nên rất thương yêu quý mến nó, ngồi đứng, tới lui nhờ nó mà khuây khỏa buồn lo, vì đại đột chẳng kịp nghĩ nên có thất thố với nhà vua, nếu đại vương giết nó thì xin cho con cùng chết, xin hãy thương xót, con biết đây là tội đáng chết.

Gặp nhà vua rất giận nên chẳng chịu nghe. Anh ta lại thưa với vua:

-Như đại vương chẳng chịu tha cho thì con xin tự tay mình giết nó khỏi phải sai người khác.

Nhà vua liền đồng ý. Anh ta liền chém sả một bên vai, máu móc bung ra rơi rớt lung tung xuống đất. Nhà vua mới kinh ngạc nói:

-Sao bản thân ta lại đi giận dữ với cây gỗ? Người này thật là xảo diệu, thiên hạ vô song, chế tạo được người với những ba trăm sáu mươi chi tiết, hơn cả người sống thật!

Thế là nhà vua liền ban thưởng hàng ức vạn lượng vàng. Người con thứ hai mang vàng về cho anh em để tiêu dùng, làm bài kệ khen:

Xem nghề khéo của ta  
 Thành tựu nhiều lắm đa!  
 Làm người sống bằng gỗ  
 Người sống chẳng vượt qua.  
 Người lớn rất hoan hỷ  
 Ngắm nó đàn, múa ca  
 Được thưởng nhiều châu báu  
 Ai bậc nhất bằng ta?

Người con thứ ba là người đoan chánh đi đến nước khác. Dân chúng nghe có người đoan chánh từ xa lại, sắc diện hình tướng vào hạng bậc nhất, thế gian ít có, nên họ cùng nhau kéo tới để nghinh đón, dâng tặng bao thứ của ngon vật lạ cùng ngọc ngà châu báu. Anh này bèn trở tài khiến mọi người càng thêm vui thích, càng chiêm ngưỡng cái nhan sắc như vàng trắng trong muôn sao. Những người con gái của các gia đình quý phái giàu sang, vàng bạc châu báu đầy kho đã mang đến tặng biếu cho anh vô số ức các vật báu châu ngọc kỳ lạ. Được của báu rồi, anh ta đem về cho anh em mình và dùng lời kệ khen:

Đẹp thay sắc như hoa!  
 Tướng đoan chánh dễ ưa  
 Nữ nhân đều kính trọng  
 Yên ổn mãi bên ta.  
 Mọi người đều chiêm ngưỡng  
 Như vàng trắng trong sao  
 Nay được bao của báu  
 Bỏ thí và tiêu pha.

Người con thứ tư là người có chí tinh tấn đi dần đến nước khác, tới gần bờ một dòng sông, trông thấy một cây chiên-đàn theo dòng nước trôi đi, anh ta liền cởi áo lao xuống nước, bơi theo chặn lại, vớt lấy. Người

nhà của quốc vương lúc ấy đang gấp tìm kiếm cây chiên- đàn, ông liền mang lên dâng cho vua, được thưởng hàng trăm vạn lượng vàng, cùng các thứ châu báu nhiều không thể tính kể được, bèn đem về cho anh em và dùng lời kệ khen:

Tinh tấn thật tuyệt vời  
 Dững mãnh vào biển khơi  
 Được nhiều của quý giá  
 Cung cấp cho gia tộc.  
 Nhờ nổi trên sông nước  
 Vớt cây chiên-đàn trôi  
 Được vàng hàng ngàn lượng  
 Ăn tiêu và cho người.

Người con thứ năm là người nhiều phước đức, cũng đi đến một nước lớn, gặp lúc trời nóng bức, anh ta nằm nghỉ dưới bóng cây, khi mặt trời đã nghiêng xế, các bóng cây khác đều dời chỗ, nhưng chỗ người ấy nằm thì bóng cây không dời..Người ấy rõ là thân cao lồng lộng, đoan chánh, tươi đẹp như mặt trời, mặt trăng. Vua nước đó mắt, không có thái tử nối ngôi, mọi người bàn:

-Phải cầu người hiền để làm chủ nước, phải cho người đi khắp nơi trong cõi để tuyển chọn người có thể lập lên làm vua.

Sứ giả đi tìm, thấy nơi gốc cây có một người như thế, cho là ở đời thật hiếm có: nằm dưới gốc cây mà bóng cây không dời chỗ, lòng họ tự nghĩ: “Đây quả là một người khác thường, đáng làm vị Quốc chủ.” Những người đi tìm kiếm người hiền bèn trở về thưa với các quan đại thần, nói rõ đầu đuôi. Bấy giờ, quần thần liền chỉnh đốn oai nghi, mang theo xe ngựa, ấn tín, mũ khăn xa giá, y phục đến để nghinh đón. Tắm rửa, xông hương, mặc áo, đội mũ, phục sức cho người ấy xong xuôi, tất cả mọi người đều bái yết xưng thần. Vị vua mới lên xe vào cung, hướng mặt về phương Nam tuyên chiếu lên ngôi vua, từ đó đất nước liền được thái bình, mưa gió thuận hòa. Nhà vua tức thời ban chỉ ra ngoài triệu bốn người: một là người có trí tuệ, hai là người có tay nghề tài khéo, ba là người đoan chánh, bốn là người tinh tấn, tất cả bốn người ấy đều được mời vào trong cung, phong giữ chức thị vệ. Vị vua Phước Đức bèn làm bài kệ:

Người có phước đức nhiều  
 Làm Đế Thích cao siêu  
 Làm vua, Chuyển luân vương  
 Trời Phạm cũng ngự triều.  
 Người trí và kẻ khéo

Tinh tấn và mỹ miều  
Đều đến cửa phước đức  
Làm thị vệ đứng hầu.

Lúc ấy, vua Phước Đức liền dựa vào ngôi cao của mình phong cho anh em mỗi người ai cũng được địa vị tốt.

Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo:

-Người trí tuệ thời ấy, bây giờ là ông Xá-lợi-phất, người công xảo là ông A-na-luật, người đoan chính là ông A-nan, người tinh tấn là ông Du Luân, còn vị vua Phước Đức là bản thân Ta đấy! Các ông ấy, thời đó mỗi người đều tự xưng tụng cái sở trường của mình cho là bậc nhất, đến hôm nay thì cũng như thế. Các ông ấy thời bấy giờ đều chẳng bằng Ta, mỗi người chỉ tự ca tụng tài nghệ của mình, còn Ta thì dốc tu tập, nay đã thành Phật đạo, là bậc Tôn quý trong ba cõi, nay tất cả họ đều quy ngưỡng nơi Ta, làm đệ tử, nhờ Phật mà được giải thoát.

Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*

\*



## Kinh 25: Đức Phật Thuyết Giảng về Con Cáo Độc Và Con Quạ Đen

Nghe như vậy:

Một thuở Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Ông Điều-đạt là người hung hăng, nguy hiểm, hay khen ngợi những điều ngược ngạo chẳng hợp lý. Tỳ-kheo Câu-ca-lợi khen ngợi ông Điều-đạt, ông Điều-đạt cũng lại ca ngợi ông Câu-ca-lợi, hai ông này ngang ngược ca ngợi nhau, không có nghĩa lý gì cả.

Các vị Tỳ-kheo nghe xong, liền thưa với Đức Thế Tôn: -Kính thưa Bậc Đại Thánh, xem ra như ông Tỳ-kheo Câu-ca-lợi do nương tựa vào giáo pháp kinh điển và giới luật để tin tưởng xuất gia làm Sa-môn, lại làm chuyện ngược đời, đi ca ngợi ông Điều-đạt, lấy trái làm phải, chẳng có nghĩa lý gì cả. Rồi ông Điều-đạt thì lại khen ngợi ông Tỳ-kheo Câu-ca-lợi, lấy trái làm phải, lấy phải làm trái.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Những hạng người ngu si ấy, chẳng phải chỉ mới đời này ngang ngược ca ngợi nhau, lấy trái làm phải, lấy phải làm trái đâu, mà từ đời trước chúng cũng đã như vậy.

Đức Phật kể:

-Thuở quá khứ xa xưa, có người từng giữ một chức quan nhỏ, khi chết được bà con đem bỏ trong rừng cây tạp. Khi ấy, có con cáo độc và con quạ đen cùng đến ăn thịt xác chết ấy, rồi cùng nhau ca ngợi. Đậu trên cành cây, con quạ vì con cáo mà nói kệ:

Thân giống như sư tử  
Đầu như vị Tiên nhân  
Chân như chân nai chúa  
Tinh hoa đẹp tuyệt trần.

Con cáo độc liền đến bên gốc cây đọc bài kệ khen:

Trên cây, vị nào đấy?  
Trí tuệ thật tuyệt vời

Ánh sáng mười phương chiếu  
Sắc tía như vàng tươi.

Con quạ đáp:

Chính là sư tử lớn  
Muốn đến đây gặp thôi,  
Chân ấy, chân nai chúa  
Được lợi nghĩa, hay thay

Con cáo độc lại ca ngợi:

Biết nhau thật thành tín  
Khen nhau rất thật lòng,  
Cùng tía như vàng bột  
Ăn mặc đây phải không?

Bấy giờ, cách đó không xa, có một vị Đại tiên sống từ lâu nơi chốn vắng vẻ, tịch tĩnh, dốc tu tập hành đạo, nghe con cáo độc và con quạ đen tán tụng nhau, lòng thầm nghĩ: “Bọn này ngang ngược, bày đặt chuyện khen ngợi nhau toàn là những lời rỗng tuếch, không một chút thành thật”, nên dùng kệ nói:

Ta thường thấy nơi đây  
Miệng lưỡi của chúng mày  
Giấu mình trong cây cối  
Ăn xác chết mỗi ngày.

Con quạ giận dữ, làm kệ đáp vị Tiên nhân:

Sư tử và Khổng tước  
Cũng lấy thịt làm mồi  
Bọn chúng đầu trọc hết  
Muốn sống phải thế thôi.

Vị Tiên dùng kệ đáp lại:

Rừng tạp thôi vô ngần  
Chim sợ đều lánh thân  
Chỗ bọn nai nương tựa  
Lìa xa xác huỳnh môn.  
Bọn bây là hạ tiện  
Tụ về đây kiếm phần  
Cùng ăn xác thối rữa

Mà xưng là thượng nhân.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Con cáo độc ngày ấy bây giờ là ông Điều-đạt, con quạ là ông Câu-ca-lợi, còn vị Tiên nhân ấy chính là Bồ-tát. Thời ấy, bọn chúng đã khen ngợi nhau, lấy trái làm phải, lấy phải làm trái, nay thì cũng vậy.

\* \*

\*

## Kinh 26: Đức Phật Thuyết Giảng về Việc Thầy Tỳ-kheo Bị Bệnh

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Khi ấy, có một vị Tỳ-kheo bị bệnh nặng mà chỉ một thân một mình, không có ai chăm nom hoặc lo giúp về thuốc men, quần áo, ăn uống. Ông không thể ngồi dậy được, mọi sự bài tiết hầu như tự xuất, nằm dài trên giường, quay nhìn bốn bên, chẳng thấy một ai đến gần, liền tự than thở:

-Hiện giờ thân ta quả là không có ai đến cứu giúp cả!

Tôn giả A-nan nghe được, liền đến bạch với Đức Phật:

-Thưa Đức Đại Thánh, được như thân con hôm nay là chưa từng có. Thưa Đức Như Lai đại từ đại bi, hiện có một vị Tỳ-kheo bị bệnh nặng, đang mong được sự cứu giúp, sẵn sóc.

Đức Phật nói:

-Nhiều đời kiếp về trước kia, Ta đã từng cứu giúp cái khổ về bệnh tật của vị Tỳ-kheo này rồi, đến hôm nay cũng vậy. Về thời quá khứ xa xưa, ở chốn thanh vắng, tịch tĩnh, có nhiều vị thần tiên đạt được năm thứ thần thông, cùng nhau tu học. Nơi chốn riêng lẻ ấy, mỗi mỗi người đều tự khuyến khích hỗ trợ lẫn nhau, ai ai cũng đem các thứ trái cây mình kiếm được để cùng cung cấp đủ cả, lại còn trù tính khi bị bệnh tật thì chăm sóc, chữa trị cho nhau. Bây giờ, có một Phạm chí trẻ tuổi cầu học, dù có ai bị bệnh hoạn nguy cấp, cũng không thềm ngó qua. Khi người Phạm chí này có việc nguy ngập thì không có ai cứu giúp, chỉ trước sau một thân một mình, không có bè bạn. Một hôm khác, ông bị bệnh, không có người sẵn sóc, chạy chữa, cũng không ai cho trái cây để ăn. Lúc ấy có một vị Tiên nhân đạt năm thứ thần thông, là bậc tôn trưởng ở đấy, thấy như vậy, tự nghĩ: “Người này thật cô độc, không ai giúp đỡ cả”.

Cảm thấy thương xót, ngài liền đến chỗ người bị bệnh, hỏi:

-Này ông Phạm chí tuổi trẻ, lúc ông khỏe mạnh, nghe ai có chuyện gì hầu như chẳng thềm thăm hỏi, vậy ông có bạn bè thân thích gì chẳng?

Người ấy liền đáp:

-Dạ không, thưa bậc Tôn trưởng, con không có bạn bè thân thích gì cả, mà cha mẹ thân thuộc bà con thì ở cách đây xa lắm!

Lại hỏi:

-Các ông Phạm chí cùng chung sống ở đây, không lấy tình thân hữu kết làm tri thức với nhau sao?

Đáp:

-Thưa không!

Vị Tôn trưởng nói:

-Không tạo tình thân hữu, không có một người bạn tri thức nào cả, thế là thế nào? Ông xem những người khác, ai ai cũng đều kính trọng, ai ai cũng lo việc giúp lẫn nhau, chỉ riêng ông là lẻ loi, cô độc, không một ai cứu giúp.

Rồi vị Tiên nhân đỡ người trẻ tuổi này ngồi dậy đem về chỗ ở của mình, khuyên giải ông ấy hãy yên tâm, lại nhờ những người quen biết lo liệu việc chữa trị. Vị Tiên làm bài kệ:

Bỏ gia đình, vợ con  
Xuất gia, dục không còn  
Bậc tôn túc là cha  
Anh em là đồng môn.  
Ở chung cùng Phạm chí  
Chẳng cùng nhau kết thân  
Khi bệnh tật nguy khôn  
Cô độc, ai đỡ đần.  
Xét kỹ người thấy đó  
Phạm hạnh là bạn gần  
Đến đâu cũng được kính  
Cùng nhau thường hỏi han.

Khi đó, Đức Thế Tôn đến thẳng chỗ vị Tỳ-kheo bị bệnh nặng hỏi:

-Nay ông bị bệnh thế đã có ai săn sóc về thuốc men, giường chiếu gì chẳng? Tỳ-kheo bị bệnh thưa:

-Con thật cô độc, không một ai săn sóc, cũng không có thuốc men gì cả. Gia đình con ở rất xa, mà con đã lìa bỏ cha mẹ, lại không có anh em, không bạn bè, không người láng giềng nên chẳng một ai gần gũi.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

-Lúc còn khỏe mạnh, ông có hay săn sóc, thăm hỏi các người bị bệnh không?

Thưa:

-Dạ không!

Đức Thế Tôn bảo:

-Lúc khỏe mạnh, ông cũng chẳng chăm sóc, thăm hỏi những người bị bệnh, nên nay ông bị bệnh thì không một ai săn sóc lại cho ông cả! Thiện ác đối đãi nhau, tội phước luôn báo ứng, sống nên tạo ân qua lại, tình nghĩa dứt thì mọi cái đều lạt lẽo. Nhưng Phật vì cứu khổ cho tất cả chúng sinh trong ba cõi, độ thoát họ ra khỏi năm đường mà lại bỏ không cứu ông sao? Đòi trước, Ta đã cứu ông, bây giờ thì cũng vậy!

Rồi Đức Phật đỡ vị Tỳ-kheo ngồi dậy, tính dùng nước để rửa ráy. Lúc ấy, chỉ trong khoảnh khắc, vị Đế Thích hốt nhiên hiện xuống, muốn thay Đức Phật để rửa ráy cho vị Tỳ-kheo kia. Đức Phật nói với Đế Thích:

-Ông ở trên cõi trời, trong chốn sạch sẽ, tinh khiết, đâu có thể làm cái việc rửa ráy giúp nơi chỗ hôi thối ô uế được?

Trời Đế Thích đáp:

-Nghe Đức Thế Tôn nói là vị Tỳ-kheo này vốn không hề biết chăm sóc, giúp đỡ người bệnh tật, nên nay bị bệnh thì chịu cảnh cô độc, không ai cứu giúp. Đức Phật đã dốc cứu khổ cho tất cả chúng sinh trong mười phương, công đức đầy đủ, không chỗ thiếu thốn, mà Ngài còn chăm sóc cho vị Tỳ-kheo ấy, huống gì tôi chưa thoát khỏi vòng tội phước, mà lại không dốc làm phước sao?

Rồi Phật dùng tay rửa ráy cho vị Tỳ-kheo, Đế Thích xối nước, đưa vị ấy nằm lại chỗ cũ, cho uống thuốc, bệnh giảm bớt dần, lại vì ông ấy mà giảng kinh pháp, khiến ông liền đắc đạo. Đức Thế Tôn dùng bài kệ khen:

Thấy bệnh phải đến thăm  
Hỏi han việc nguy nan  
Thiện ác có báo ứng  
Muốn quả phải trồng nhân.  
Thế Tôn là từ phụ  
Kinh pháp là mẹ hiền

Đồng học là huynh đệ  
Nhân đó được độ liên.

Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không vui mừng lãnh hội.

\* \*

\*

## Kinh 27: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Ông Thảm Lỗ Hình

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bây giờ, có một vị quốc vương cùng với một người nữ Phạm chí sinh được một đứa con trai, đặt tên là Chí Thành, người này theo học một phái ngoại đạo là phái lỗ hình, lấy đó làm tên, gọi là Lỗ Hình Tử. Ông ấy trí tuệ thông minh, có sự hiểu biết khác lạ hơn người, ở những nơi chốn thuyết giảng luôn hàng phục được nhiều đối tượng, đối với các thứ kinh điển không chỗ nào là không thông tỏ, tiếng tăm được bàn tán khắp trong ngoài triều, thấu đến tai Đức Thế Tôn.

Người theo phái lỗ hình kia có bốn chị em do Phạm chí sinh, đều theo học các phái ngoại đạo: Một tên là Thao Than, hai là Hưng Tham, ba là Kim Thành, bốn là Thành Tuyết. Lỗ Hình Tử sai bốn người này đến chỗ Đức Phật, muốn dò xét Đức Thế Tôn nên hấn buộc họ phải tiếp nhận các phép tắc, cùng học kinh điển để sau này về nói lại cho hắn. Lúc ấy, bốn chị em bàn với nhau:

-Chúng ta đến chỗ ông Sa-môn Cù-đàm để dò xét về những hành động, cách thức sinh hoạt tu học, cố nắm lấy chỗ sở trường, sở đoản của ông ấy.

Bàn xong, họ liền đến chỗ Đức Phật, lìa bỏ gia đình, thầy đều xin làm Sa-môn, thọ giới pháp đầy đủ. Bây giờ, Đức Thế Tôn thường lấy các việc đời trước để dẫn dụ nhằm khai thị giáo hóa họ, chỉ rõ cội nguồn, chỗ các căn phải theo cùng gốc của mọi công đức, nhờ đó họ dứt bỏ hết mọi thái độ cao ngạo, kiêu mạn, chúng được quả A-la-hán. Khi ông Lỗ Hình Tử hỏi các chị em về công việc dò xét ra sao thì những người con gái ấy đã dùng không biết bao nhiêu lời hay tốt để tán thán Đức Thế Tôn, ca ngợi sự nhiệm mầu không gì hơn của kinh điển và giới luật do Phật dạy. Lỗ Hình Tử chẳng chịu nghe lời tán thán của họ. Hắn nói:

-Nhiệm vụ của các người đến đó là để dò xét và làm rối loạn đạo pháp, nay thì ngược lại, các người đã bị ông Thế Tôn thu phục làm cho mê hoặc, bị lừa dối rồi! Ví như có người vào trong nước nhằm để rửa bỏ mọi thứ dơ bẩn, làm cho thân thể được sạch sẽ, nhưng trái lại thì bị chết chìm trong ấy. Các người là như vậy đó! Muốn đến dò xét để hủy hoại ý đạo, xem xét mọi hành động, cách sinh hoạt để nắm lấy cái sở trường, sở



đoàn của họ, ngược lại, các người đã bị ông Cù-đàm mê hoặc, tự đâm chìm để chết trong ấy, không thể cứu được nữa rồi! Ví như có người đi vào rừng cây trái, muốn hái được nhiều quả ngon, nhưng lại bị các loài thú dữ như cọp, sói ăn thịt mất xác chẳng còn trở về. Các người cũng thế! Các người đến đó là nhằm dò xét ông Sa-môn Cù-đàm, nắm lấy phép tắc, mọi sinh hoạt, cái hay cái kém để về nói lại với ta, nhưng trái lại thì bị chìm ngập trong ấy, bị ông Cù-đàm mê hoặc. Ví như đối với loài rắn hổ mang, trùng độc hoặc người hung hãn hỷ còn có thể gần gũi, tin tưởng, vui thích, có thể có được các phép tốt lành, yên ổn, chứ còn đối với ông Thế Tôn Cù-đàm thì mong cầu có được công đức ấy tức ý nghĩa của sự yên ổn thì chắc chắn là không thể được!

Các người con gái đáp:

-Đạo đức của Đấng Thế Tôn trừ khử được cho con người các độc hại của loài rắn dữ, các thú dữ, ô uế, khiến cho mọi người đạt được yên ổn, tịch tĩnh. Hư không còn có thể có tỳ vết, chứ Đức Như Lai Thế Tôn thì chưa từng có chút thiếu sót, sai lầm. Nam nữ, ai được nhìn thấy Ngài không ai là không được yên vui. Ngài đã vì chúng tôi mà thuyết giảng những ý nghĩa mâu nhiệm, tuyên dương đạo pháp khiến chúng tôi rất vui mừng, nên cung kính đảnh lễ xin quy y.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo Tăng thừa bày đầy đủ với Đức Phật:

-Thưa Đức Thế Tôn, chúng con thấy ông ngoại đạo Lỗa Hình Tử dùng những lời không tốt để bài báng đạo giáo của Đức Phật, lại quở trách những người con gái kia: Nào là tại sao các người lại quy mạng ông Thế Tôn, nào là các người phải quan sát mọi sinh hoạt ở đây, phải nắm lấy chỗ mạnh, chỗ yếu của Phật để báo lại cho ta biết, nào là các người trái lại đã bị mê hoặc, đã bị chết chìm trong ấy không thể tự cứu được.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Lỗa Hình Tử sai bốn người có gái ấy đến là nhằm dò xét Ta, muốn nắm lấy chỗ hơn kém của Ta. Nhưng Ta không chút tỳ vết thì tìm đâu ra khuyết điểm. Ta nhân đây liền khai thị giáo hóa cho, khiến cả bốn người đều được độ, chúng được đạo quả Vô trước.

Đức Phật kể:

-Về đời xa xưa, có một vị quốc vương tên là Ca-lân cùng một vị quốc vương khác kết oán thù với nhau. Muốn phá hoại vị quốc vương kia nên vua Ca-lân sai bốn người con gái trẻ trung, diễm lệ, nhan sắc tuyệt vời đến thăm dò để nắm lấy chỗ mạnh, chỗ yếu của nhà vua ấy, ngầm làm

giặc bên trong. Đám nữ đó đến chỗ vua A-chi và được vua chấp thuận. Vua A-chi có bà Thái hậu đáng kính, đoan chánh, đẹp đẽ, ai cũng tôn quý, uy thần lòng lộng, phước đức thù thắng vô lượng, không có chút tỳ vết, nhớ ứ, nhu hòa hiền hậu, tiếng lành vang xa. Các con gái của vua Ca-lân ca ngợi:

-Công đức của vua A-chi thật trên đời hiếm có, danh tiếng đồn xa, tám phương, trên dưới đâu đâu cũng vang dậy. Phụ vương chúng tôi húy là Ca-lân, cùng sai chúng tôi đến để hầu hạ, phụng sự đại vương. Phụ vương chúng tôi dặn: “Đức độ của vua A-chi thù thắng, vi diệu, khó nghĩ kịp, không có vết nhớ, hiền hậu, không hung bạo, nhẫn nhục, trong lành, đặc biệt có tài biện luận với mọi người, nghe đến tên vua thì ai cũng bái phục”, nhưng cha chúng tôi chẳng chịu nghe lời.

Có nước kia thuộc dưới quyền của vua A-chi, là một nước lớn, tên nước là Hư không, nước này có một vị đại thần tên là Tế- na, trí tuệ thông minh, thông đạt không ai bì kịp, ứng đối nhanh nhẹn, làm phụ thần cho vua. Khi đó, vua Ca-lân không nghe theo lời các con gái, bỏ đến thẳng biên giới nước lớn của đại thần Tế- na, cùng với cả đoàn người vây chung quanh. Nhà vua hỏi kẻ bề tôi bên cạnh:

-Ta tự mở cửa ra đi đến cửa của kẻ khác, vậy thì phải làm sao đây?

Kẻ bề tôi bên cạnh thưa:

-Không nên sợ hãi, Thiên tử cứ yên tâm! Ví như sư tử trong rừng chẳng hề sợ cây cối, nay ta ở đây cũng lại như vậy. Thành quách yên ổn, được bảo vệ kỹ, khỏi phải lo lắng gì cả.

Rồi làm bài kệ:

Tự mở cửa nước nhà  
 Vào đất nước người ta  
 Dựa A-lan nước lớn  
 Như sư tử rừng già.  
 Muốn giúp mà được giúp  
 Tự nhiên không sợ gì  
 Hân Dũng, quốc vương ấy  
 Được yên ổn dài lâu.

Mọi người tha hồ bàn luận, lời nói lan đi khắp nơi. Vua A-chi nghe vua Ca-lân vì của cải và tiếng tăm mà khởi ý đến đó, nên than:

Việc này rất tốt

Mầu nhiệm khó lường  
 Danh đức lưu khắp  
 Không còn tai ương.  
 An trụ nơi pháp  
 Không nên phô trương  
 Tất có điều gian!

Lại tự hỏi:

-Nay đây các vị Tiên nhân, các vị Thần của Thiên đế đều du hành đến cõi nước của vua Ca-lân. Các vị ấy uy thần lớn lao, nên biết được đức hạnh của ta, nhất định phải cho ta thắng lợi, còn vua Ca-lân kia thì bị phá bỏ, phải tự hàng phục.

Lúc ấy, vua A-chi tự nghĩ: “Các vị Tiên nhân kia trước sau chẳng hề nói dối. Chư Tiên nhân nói rằng ta sẽ đạt được thắng lợi, công đức ấy thật là vô lượng, chắc chắn là như thế đấy.”

Các bề tôi đáp:

-Thưa vâng, đại vương! Tiên nhân là người chí thành nhất định khôn? nói dối.

Và đọc bài kệ:

Đám Ca-lân đắc thắng  
 Hàng phục dựa vào đây  
 Vua A-chi thất thế  
 Tiên lại nói thế này.  
 A-chi thắng, không mất  
 Lời chân thực, hay thay  
 Tại sao nói được vậy  
 Tự nhiên lời nêu bày.  
 Vua Trời phải biết đó  
 Lời chí thành đến đây  
 Hành động không phóng túng  
 Thắng lợi phải được thôi.  
 Lại nói vua A-chi  
 Thắng lợi phải đến tay  
 Chí thành thế do đâu  
 Lại vì ta giải ngay.

Các đại thần đáp:

-Chưa từng được nghe hay sao, các vị Tiên nhân mất Thánh đức, rất là cứng cõi khó cảm hóa, tay cầm kiếm bén, đáng dấp thật đáng sợ. Bạc nam tử trượng phu, chính vì dân chúng nương theo gốc nơi đức độ của nhà vua mà quyết làm cho đối phương hàng phục, không dùng nhiều lời mà chúng tự quay về nẻo chánh. Vua A-chi ấy là một vị đại trượng phu, mọi phương tiện kế hoạch trừ liệu cũng lại như vậy. Hơn nữa, quyền thuộc của nhà vua luôn hòa thuận, vâng lời chỉ dạy, không có khác lòng, không có tâm chia rẽ, những việc làm đều cao cả, uy đức lồng lộng. Giá như vua A-chi không được thắng lợi, thì nay xin vua trời hãy tận mắt nhìn thấy nhà vua dũng mãnh, kế sách phương tiện quyền biến hơn người, nhất định không thể bị phá hoại được. Ví thử không tin, thì khi đã tận mắt thấy rõ sẽ không còn nghi ngờ gì.

Bèn đọc bài kệ khen:

Kế sách rất cao thâm  
 Biết thì tinh tấn thêm  
 A-chi vang đức nhân  
 Hóa giải các giận hờn  
 Vua A-chi được hết  
 Ca-lân làm sao bằng.

Bấy giờ, vua Ca-lân chẳng hề tuyên chiến, tự dấy khởi binh tướng kéo thẳng đến nước vua A-chi, thì binh sĩ của Hân Dũng, là vị đại thần phụ tá, vốn thông minh trí tuệ, dũng mãnh tinh tấn, lòng dạ cao cả, hòa hợp không hề chia rẽ. Hơn nữa, bản thân vua A-chi cũng dũng mãnh hơn người, đó là sức mạnh thần thánh, nên nhất định phải thắng vua Ca-lân. Vua Ca-lân chịu phục, tự quy mạng bái yết, thả hết những người đã bắt sống được. Khi ấy, trời Đế Thích đọc kệ khen:

Nhẫn nhục Thánh hiền khen  
 Hóa giải mọi giận hờn  
 Vua Ca-lân quy phục  
 A-chi thắng hoàn toàn.

Đức Phật bảo với các vị Tỳ-kheo:

-Nên biết vua Ca-lân lúc ấy nay là ông Thâm Lỗa Hình Tử, vua A-chi là bản thân Ta, đại thần Hân Dũng nay là Tôn giả Xá-lợi- phát, Đế Thích là Tôn giả A-nan. Thời ấy theo nhau kết làm bạn bè, giáo hóa đạo lý cho nhau, đến hôm nay cũng vậy.

Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

## Kinh 28: Đức Phật Thuyết Giảng về Sứ Giả Của Cái Bụng

Nghe như vậy:

Một thuở Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, lúa gạo của nước này giá cả tăng vọt, dân chúng đói khát, các vị Tỳ-kheo của Đức Phật muốn phân tán ra đi du hóa đến các nước khác để an cư. Hiền giả A-nan là bậc nghe rộng biết nhiều, đối với giáo pháp luôn tận lực lãnh hội, có biện tài vô ngại. Khi Đức Phật thuyết giảng kinh, Hiền giả A-nan đã giúp rất nhiều người thọ nhận ý nghĩa của kinh điển, tinh tấn không ai bì kịp. Khi ấy Hiền giả A-nan tự nghĩ: “Giá như Đức Thế Tôn đến một nước nào đó để có cuộc sống an ổn thì ở khu vực khác sẽ có vô số người mất đi chỗ nương tựa của đạo đức, mặc dù các vật dụng sinh hoạt thì không hề thiếu thốn. Còn nếu Đức Như Lai lại dừng ở nước Xá-vệ này an cư trong năm, thì nhiều chỗ được an ổn, tạo nên cái gốc cho đạo đức.”

Lúc ấy Đức Thế Tôn vì thương xót muôn dân, muốn cứu giúp họ, nên Ngài quyết định ở lại thành Xá-vệ với vua Ba-tư-nặc, quần thần và dân chúng. Hiền giả A-nan đến chỗ quốc vương trình bày đầu đuôi sự việc ấy. Vua Ba-tư-nặc nghe lời của Hiền giả A-nan, nên thỉnh Phật và đại chúng Tỳ-kheo ở lại đây ba tháng, bao nhiêu món ăn thức uống nhà vua đều lo đầy đủ, bệnh hoạn thì cung cấp thuốc men, tùy theo nhu cầu tất cả mọi thứ, mọi chỗ đều an lành. Đức Phật và các vị Tỳ-kheo an cư tại thành Xá-vệ trong ba tháng như thế không hề thiếu thốn. Các vị Tỳ-kheo trong lòng tự nghĩ: “Công đức của Hiền giả A-nan khó ai bì kịp, làm được việc chưa từng có, hành động quyền biến, biết được thời cơ, hiểu rõ lý luận, khuyến hóa được vua Ba-tư-nặc cúng dường Đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo trong mùa an cư ba tháng được yên ổn, khiến trong chín mươi ngày ấy, đại chúng Tỳ-kheo không có gì phải suy nghĩ, tất cả đều được bảo vệ và cung cấp đầy đủ, nhờ đó các Tỳ-kheo ai cũng được yên tâm tu học, không phải du hóa tới các nước khác.”

Đức Phật biết rõ là các Tỳ-kheo đang bàn luận về việc này, nên đi đến chỗ các vị Tỳ-kheo và hỏi:

-Các ông đang hướng về ai mà bàn bạc như vậy?

Đại chúng Tỳ-kheo liền đem đầy đủ sự việc trình bày với Đức Như Lai. Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo:

-Hiền giả A-nan không phải chỉ mỗi đời này mới hành động quyền biến, nắm lấy thời cơ, mà đời trước cũng đã từng làm như thế. Đức Phật kể:

-Vào đời quá khứ xa xưa, ở nước Ba-la-nại có vị vua tên là Phạm Đạt, là bậc có phước đức lớn, tiếng tốt đồn xa. Bấy giờ trong nước gặp lúc đói kém, giá lúa gạo đắt đỏ, dân chúng đói khát, kẻ ăn xin rất nhiều, không lấy gì để cung cấp cho đủ. Nhà vua vui lòng làm công việc bố thí, tức thì mười phương, bốn hướng tụ lại để xin đông nhiều như mây nổi, nhà vua cứ theo mức độ tiêu dùng mà cung cấp. Bố thí như vậy liên tục không hề dừng nghỉ. Lúa gạo dần dà trở nên quý hiếm, trời lại chuyển sang nắng hạn dữ dội, không một giọt mưa rơi, mùa màng mất trắng, dân chúng đói khát khốn cùng, kẻ ăn xin ngày càng nhiều thêm. Họ kéo nhau đến trước cung vua, ở đây kho lẫm cũng sạch trơn. Lúc ấy, các quan lại đều bàn với nhau:

-Nay theo ý của quốc vương, thì kẻ ăn xin nào đến là phải bố thí cho họ, không để họ phải nản lòng. Nhưng trời hạn hán chẳng mưa, kẻ ăn xin thì quá nhiều, lúa gạo thì khan hiếm mà kho lẫm thì lại trống rỗng, đất nước sắp đến lúc bại hoại chẳng!

Thế rồi, các đại thần vì muốn bảo vệ đất nước, nên cùng đến chỗ nhà vua tâu trình đầy đủ lời mình vừa bàn trên:

-Việc bố thí của vua bây giờ xin hãy ngừng lại, dựa vào một số biện pháp để giữ trật tự, đợi sau này được mùa, lúc ấy mới bố thí tiếp.

Nhà vua bảo:

-Việc bố thí của ta không thể dừng lại được. Ta đã có chí nguyện bố thí, sao lại làm trái với bản tâm của ta được. Hơn nữa, họ đến đây để xin ăn, sao nỡ khiến họ thất vọng? Nếu như không có người đến xin thì ta bố thí cho ai?

Các đại thần cùng bàn với nhau:

-Chúng ta phải cùng nhau tìm ra kế sách, làm cho các người nghèo không còn đến xin nữa, thì mới chấm dứt được tình trạng này. Trong khi đó thì nhà vua vẫn tiếp tục bố thí, chưa từng chậm trễ, trong lòng tự nguyện: “Mong sao cho các kho chứa lúa gạo không bị hao hụt.” Cùng lúc, các quan pháp minh yết cáo, thông báo cho các nơi xa gần biết là không được đến chỗ nhà vua xin ăn, kẻ nào dám đến xin thì đều bị tội chết, thấy đem bêu giữa chợ.

Hành khất các nơi xa đến nước này, nghe được thông báo như thế nên chẳng dám đi xin ăn nữa. Không được gặp nhà vua, họ càng ưu sầu, buồn thảm, hỏi các vị đại thần xem đúng là có lệnh này không. Lại hỏi cha mẹ, thật có lệnh cấp bách không được đi xin ăn chẳng?

Đáp rằng:

-Có đấy! Chẳng được đi xin ăn.

Những người đi xin lại nói:

-Nếu có lệnh đến những phương xa, thì phải có các quan sứ. Hiện khắp nơi, khắp chốn các kho lúa, lương thực đều đủ cả. Nay các quan trong triều này như muốn chỉ để riêng mình tiêu dùng, nên ban ra lệnh ác bảo các nơi xa, những người đi xin ăn nghèo cùng không được đến cửa vua để xin ăn, nếu ai liều đi xin thì phải tội chết. Tuy vậy, các người sứ từ phương xa đến đều thấy các kho lẫm đều còn đầy.

Lời nói lằng lự truyền nhau nên mọi người đều biết đây là lệnh của các quan trong triều đề ra chứ không phải là nhà vua.

Có một vị Phạm chí đói khổ đã lâu, muốn đi xin ăn để cứu mạng sống mình. Ông đi khắp nơi xin ăn để còn chu cấp cho vợ con, giá như vào lúc giá gạo rẻ, xin ăn dễ, được nhiều, còn khi lúa gạo khan hiếm, xin ăn khó được, phải chạy ngược xuôi khắp nơi, không chỗ nào là không tìm đến mà cũng chỉ vừa đủ nuôi mạng sống, lòng ông lo lắng chẳng nói nên lời. Vợ ông lúc đó nói với ông:

-Ông thật khổ nhọc, đi xin ăn gặp lúc gay go, không chỗ nào là không đến xin vậy mà chẳng được gì. Sao không tới chỗ vua mà xin ăn, nghe nói quốc vương ta mong muốn có người đến xin, không hề trái ý người xin bao giờ.

Vị Phạm chí đáp lời vợ:

-Bà chẳng nghe hay sao? Quốc vương đã có lệnh không cho người đến cửa vua xin ăn nữa. Tuy các người sứ ở phương xa đến đều được thấy rõ là lúa gạo trong kho còn đủ để cấp thí, những ai đi xin thì liền bị chém đầu.

Vị Phạm chí nói tiếp:

-Thân tôi hôm nay muốn được bình an chứ không muốn bị nguy hại. Còn nếu muốn mong chờ nơi nhà vua thì có thể lại bị hủy nhục đấy!

Vợ ông đáp:

-Như các quan lại trong triều thông báo cho các nơi xa được biết, vậy chỉ có những người ở xa mới được tới trước, còn các người khác thì không cho. Sao ông không tự nói rằng mình từ phương xa đến, muốn được gặp vua để tâu trình, có thể được miếng ăn đây.

Bấy giờ, vị Phạm chí nghe theo lời vợ, cầm gậy, đội mũ của quan phụng sứ, đến thẳng cửa cung vua. Quan giữ cửa hỏi:

-Ông ở đâu đến đây?

Đáp:

-Tôi là phụng sứ từ xa đến.

Quan phụng sứ vào tâu với vua rõ đầu đuôi về người ấy, tức thì trở ra hỏi rất rõ:

-Ông từ chôn nào đến, hiện nay cả mười sáu nước lúa gạo đều khan hiếm, nước nào cũng lo giữ biên giới của mình làm sao mà đến, từ nước nào mà đến được?

Quan giữ cửa đã hỏi đầy đủ như thế. Người Phạm chí đáp:

-Được nghe và khâm phục đức hạnh của nhà vua, nên mặc kiêu phụng sứ mà đến.

Quan giữ cửa lại hỏi:

-Ở biên giới nước này có thể nghe được nước kia sao?

Đáp:

-Làng xóm thành ấp thì có thể biết được đầy đủ. Giả sử chỉ vì mình thôi thì xin nguyện vua Trời, một mình cầu xin kiếm ăn là đủ rồi. Tôi muốn gặp được vua nên đến đây để cầu kiến.

Quan giữ cửa hỏi nữa, ông cũng đáp như vậy. Nhà vua cho gặp, vị Phạm chí liền vào. Vua hỏi ông:

-Vì ai mà phụng sứ đến đây?

Vị Phạm chí thưa: -Cầu xin không sợ hãi, như ngài chịu hứa nghe thì mới dám tâu vua chỗ sai đến.



Nhà vua bảo:

-Hãy nói rõ nguồn cơn, đừng sợ hãi.

Nhà vua lại hỏi:

-Ai là người sai ông đến đây?

Vị Phạm chí tâu:

-Đại vương muốn biết chẳng? Chính bụng dạ tôi sai đến.

Khi ấy, vị Phạm chí liền nói kệ:

Mọi người cầu tài lợi  
 Gặp giặc giữ, oán hờn  
 Ta bị bụng sai đến  
 Xin vua tha cho thân.  
 Ai thế lực lớn nhất  
 Ai kia cao cả hơn  
 Tôi thật là phúc sứ (*Sứ giả của cái bụng*)  
 Vua chớ trách tội thân.  
 Chư Phật và Duyên giác  
 Các đệ tử Thánh nhân  
 Rời bỏ nơi tịch tĩnh  
 Vào thành thị xin ăn.  
 Cùng khốn không chỗ dựa  
 Thân sống gặp khổ nạn  
 Nay tôi làm phúc sứ  
 Xin tha, hỡi tôn nhân!

Vua nghe rất thương xót ông, dùng kệ đáp:

Phạm chí, ta cho ngươi  
 Trâu cái năm trăm đôi  
 Cùng ghé con đầy đủ  
 Đâu thế không cho ngươi.  
 Ta vì các sứ giả  
 Cấp cho chỗ nghèo thôi  
 Vì sứ giả, làm sứ  
 Cho thêm không sợ gì.

Đức Phật bảo cho các Tỳ-kheo biết:

-Ông Phạm chí lúc đó nay là Hiền giả A-nan, vua Phạm Đạt nay là vua Ba-tư-nặc. Thời ấy Hiền giả A-nan đã khai thị giáo hóa khiến nhà vua rất vui mừng, kính ngưỡng vô cùng. Đến bây giờ đây, tại nước này, Hiền giả A-nan lại nêu bày chỉ dẫn cho vua Ba-tư-nặc, mặc dù lúa gạo khan hiếm, mà nhà vua vẫn cúng dường cho Đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo trong ba tháng, không có chỗ nào thiếu thốn. Vậy cho nên các vị Tỳ-kheo phải học hỏi thực hiện các lời nói hiền lành, dịu dàng, hòa ái, phải lựa lời khéo léo làm câu phương tiện giáo hóa. Đó là lời dạy của chư Phật.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*

\*

\* \*  
\*

**Kinh 29: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Người Đệ Tử Qua Đời**

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Lúc ấy, một vị Tỳ-kheo có một người đệ tử tánh tình hiền hậu, công đức thù thắng, ý chí hành động luôn đứng nẻo nhân từ đức độ, tâm dốc cầu sự an tịnh, bản thân thường theo hầu hạ vị Hòa thượng, trong các lúc hành hóa hay nghỉ ngơi, luôn cung kính thuận hợp, tinh tấn không ai bì kịp, thuận theo giáo pháp, chẳng hề dám trái mạng thầy. Do vì mạng ngắn, bởi vì đời trước đã gieo thiếu nhân lành nên thọ mạng mỏng ít, còn tuổi ấu thơ mà đã qua đời, liền được sinh lên cõi trời Đao-lợi. Vừa sinh lên cõi Trời, ông đã quan sát nhận thấy ở cõi này cũng không có gì là bền vững lâu dài, chỉ thấy lửa đang cháy to, nên ông thầm nghĩ: “Ta vốn có sở nguyện nhưng không được như ý, chẳng đạt được cứu cánh, cùng với thầy lành bạn tốt không thể giữ nhau được, nay lại phải bỏ đi để theo bạn xấu. Như thế là đã xa rời các bậc Hòa thượng chí tôn, bậc A-di-lê và các bạn lành khác, như những người tu phạm hạnh, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, bốn chúng đệ tử của Phật. Đức Phật Thế Tôn trí tuệ vô biên, hiểu biết tất cả, hiệu là Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay đã xa rời bậc Đại Thánh Thế Tôn ấy, các bậc Hòa thượng, thầy, bạn và các đồng học mà từ vô số kiếp rất khó gặp, khó thấy, cho dù cùng sinh ra ở thế gian này cũng chẳng thể gặp được. Cũng không thể được nghe thuyết giảng các kinh điển thâm diệu, sâu xa vô lượng mà ta chưa từng nghĩ đến. Miệng Ngài không phát ra lời mà làm cho mọi người được yên ổn, để cùng được dẫn dắt, giáo hóa, dùng trí tuệ phân biệt để thuyết giảng các pháp duyên khởi, mỗi mỗi đều giải rõ. Ta từ vô số kiếp, vốn đã gieo nhân nên những chỗ chưa được nghe, thấy, rốt cuộc đều được giải rõ. Ta may mắn được gặp vị Hòa thượng nên đã lãnh hội được kinh điển giới luật ấy, bỏ nhà xuất gia làm Sa-môn, chẳng đến được chỗ siêu việt khác thường, như vậy những điều ta phải tạo dựng chẳng đến nơi đến chốn. Nay ta há lại phải buông thả các hành động của mình sao? Nay ta nên trước đến chỗ Đức Thế Tôn trọn lòng học hỏi nghĩa lý kinh điển thì sẽ tự hiểu được cái nợ kiếp trước mà cảm thương cho thân phận của mình.”

Rồi ngay đêm ấy, bằng oai thần chói lọi, sáng chiếu rất xa, ông đến chỗ Đức Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ rồi đứng sang một bên. Đức Phật biết được lòng ông chân chánh thuần thực, vui thích đạo pháp, nên Ngài thuyết giảng về Tứ diệu đế: Khổ, Tập, Tận, Đạo. Ông liền ngộ được diệu

nghĩa của bốn chân lý. Lúc ấy, Đức Thế Tôn dựa vào căn gốc để phân tích cho ông hiểu. Ông chứng được đạo quá, vui mừng hớn hở, thọ trì giới luật, cúi đầu đánh lễ, đi quanh Đức Phật ba vòng, rồi bỗng nhiên biến mất.

Trong khi đó, lòng vị Hòa thượng nghĩ đến tánh hạnh, công đức của người đệ tử mà thương cảm, kết thành ưu sầu, rơi nước mắt như mưa, không thể tự giải tỏa được. Tất cả những lời khuyên giải chung quanh đều không thể làm nguôi được mối ưu tư ấy. Khi đó, các vị Tỳ-kheo bèn đến trình bày với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo:

-Này ông Tỳ-kheo, lại Ta hỏi đây! Vì sao ông sầu não, không thể tự giải tỏa được?

Vị Tỳ-kheo ấy thưa:

-Thưa Đức Thế Tôn, người đệ tử của con rất là lương thiện, đàng hoàng, hiền lành, nhân đức, ôn hòa, danh tiếng đạo đức khó lường, chưa đạt được cứu cánh, nửa chừng mạng yếu, do đó con buồn lo, cứ mãi chất chứa.

Đức Phật bảo vị Tỳ-kheo:

-Chớ nên mãi buồn lo! Vì sao như vậy? Vì người đệ tử của ông đã đạt đến cứu cánh rồi! Ông ấy được sinh lên cõi trời, nửa đêm hôm nay đã đến chỗ Phật, uy thần lồng lộng, hào quang chiếu sáng rất xa, cúi đầu làm lễ và đứng sang một bên. Ta đã vì vị Thiên tử ấy mà thuyết giảng kinh pháp, phân tích đầy đủ, rộng rãi về Tứ diệu đế, bảy giờ, vị Thiên tử ngay nơi tòa ngồi đã thành tựu được pháp Thánh cao tột. Đức Phật vì vị Tỳ-kheo ấy nói rõ đầu đuôi, khiến ông tức thời hoan hỷ, dứt hết mọi nỗi buồn lo, chẳng còn rơi lệ.

Khi Đức Thế Tôn giảng dạy cho vị Tỳ-kheo kia dứt trừ bao mối lo lắng sầu não, thì các vị Tỳ-kheo khác tâm niệm:

-Chúng ta đã được chứng kiến một việc chưa từng có, Đức Đại Thánh Thế Tôn đã dùng pháp dược vô thượng để trị lành hẳn bệnh sầu não của vị Tỳ-kheo ấy. Do người đệ tử của ông ta bị bệnh qua đời, ông đau buồn sầu não không thể giải được, gặp Đức Phật Thế Tôn thì các khổ hoạn kia đều tiêu trừ hết. Quả là Bạc Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên dù đến hàng vạn kiếp ca ngợi công đức của Phật cũng không thể hết được!

Đức Phật từ xa biết các vị Tỳ-kheo đang bàn luận như thế, liền đi đến hỏi:

-Các ông tụ hội bàn bạc chuyện gì vậy?

Các vị Tỳ-kheo thưa với Đức Phật:

-Thưa Thế Tôn, chúng con hội họp lại đây để ca ngợi công đức của Đức Phật là bậc Thánh tôn quý thật không lường, Phật đã hóa độ cho những người chưa được độ, cứu giúp những ai chưa giải thoát, diệt trừ những gì chưa được dứt trừ, trị liệu tất cả những bệnh tham dâm, giận dữ, si mê, là vị thầy thuốc vô thượng, dùng các pháp được đề trị các thứ tâm bệnh, như vừa trị tuyệt được nỗi âu lo buồn khổ của vị Tỳ-kheo, khiến vị ấy vui mừng hơn hở, không thể tự kiềm chế được.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

-Các vị có biết vì sao ngày nay vị Tỳ-kheo ấy thấy đệ tử mình qua đời mà cảm động, kết thành ưu sầu, chẳng thể tự giải không? Chỉ riêng có Phật Thế Tôn mới biết được túc mạng đời trước của hai người này, cũng lại như vậy.

Đức Phật kể:

-Về quá khứ xa xưa, ở một nơi chôn vẳng vẻ nọ, có một con voi mẹ sinh con, voi con ra đời chưa bao lâu thì voi mẹ chết. Cách chỗ ấy không xa là chỗ ở của một Tiên nhân, là bậc đầy đủ oai thần, công đức, luôn có tâm đại bi thương xót muôn loài, xa thấy voi con mất mẹ, vừa cử động chân bước chập chững đây đó, không thể tự sống được. Ông liền tìm cách cứu giúp, đi đến chỗ voi con, lấy nước cho uống, hái quả cho nó ăn. Khi ấy, voi con dần dà trở nên nhân hòa, hiền lành, công đức thù thắng, vui cùng nghĩa lý, muốn được an ổn, không có âu lo, dứt hết các phiền não. Bây giờ, vị Tiên nhân cùng chung sống với voi, thân hình nó phát triển lớn dần, lông lá mượt mà thì biết đem nước ngọt, trái cây ngon cúng dường vị Tiên nhân trước, rồi mới ăn sau, tới lui ân cần, hầu hạ, phụng sự không hề trễ nãi, khiến vị Tiên nhân rất thương xót voi con, thấy đức hạnh nó như vậy nên ông thương yêu nó như con, ngắm nhìn nó không chán, yêu quý vô hạn.

Lúc đó, trời Đế Thích có ý nghĩ: “Vị Tiên nhân này tâm ý đều đặt ở con voi con, luôn nghĩ đến nó không hề chán, nay ta có thể làm mất voi con đi khiến ông ấy phải buồn rầu khổ não.” Thế là trời Đế Thích thị hiện thi hành việc đó, hóa phép khiến con voi con đột nhiên lăn ra chết, máu loang đầy đất. Vị Tiên nhân thấy con voi con chết thì ưu sầu không nói

năng, rơi lệ ngắn dài không thể khuây giải được. Các vị Tiên nhân khác biết việc đều tới khuyên can, nhưng không thể dứt được mối ưu sầu của vị Tiên nhân ấy, ông lại chẳng chịu ăn uống gì cả. Khi ấy, trời Đế Thích đang ở giữa hư không, liền vì vị Tiên nhân mà nói kệ:

Hiền giả đã bỏ nhà  
Đến đây không quyến thuộc  
Các Tiên giữ pháp luật  
Buồn chết không tốt đâu.  
Giả sử buồn âu sầu  
Khiến chết sống lại được  
Thì hạp lại thương khóc  
Nhưng khóc không tái sinh.  
Quen rồi đều lặng thinh  
Đề cùng voi con trọn  
Chút ân cần lân mẫn  
Không thể không buồn rầu.  
Còn khóc đến chết theo  
Kìa có người khóc đó  
Người trí biết tự chế  
Sao Tiên lại khóc thương

Trời Đế Thích làm cho vị Tiên nhân kia sầu não rồi, liền khiến voi con sống lại như cũ. Khi ấy, vị Tiên nhân thấy voi con sống lại, nên vô cùng hớn hởi, vui mừng hết mực, không còn ưu sầu nữa. Trời Đế Thích liền vì vị Tiên nhân nói bài tụng:

Đánh tan sầu cho ông  
Sầu thương chắt đầy lòng  
Nay Hiền giả hết nạn  
Buồn thương con trừ xong.  
Nay đã lìa sầu não  
Và thân thuộc đủ đông  
Ông hôm nay vui vẻ  
Nhìn voi sống thông dong.

Trời Đế Thích lại nói kệ tiếp:

Ta cảm thương cho ông  
Muốn trừ nỗi đau lòng  
Nên bày nhân duyên ấy  
Thêm lợi cõi bụi hồng.  
Người sáng hiểu rõ đây  
Ân ái sinh khổ lòng

Trong ngoài quan sát kỹ  
Muốn được biến hóa thông

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Vị Tiên nhân thời ấy nay là vị Hòa thượng đó, con voi con là người đệ tử, còn trời Đế Thích chính là thân Ta, ngày đó gặp nhau, bây giờ cũng thế.

Đức Phật nêu giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*

\*



## PHẬT NÓI KINH SINH

**Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ**

**Việt dịch: Linh-Son Pháp Bảo Đại Tạng Kinh**

卍

### QUYỂN IV

#### **Kinh 30: Đức Phật Thuyết Giải về Chuyện Con Trâu Chứa**

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, Phật nói với các Tỳ-kheo:

-Về đời quá khứ xa xưa, ở chốn vắng vẻ, khoáng dãng nọ, lúc ấy có một con trâu chứa sống nơi đây, hay đi đó đây để ăn cỏ và uống nước suối. Khi trâu chứa và đám quyền thuộc họp nhau lại một chỗ, trâu chứa thường đứng trước, dáng vẻ đẹp đẽ, uy thần lồng lộng, đức độ khác lạ hơn chúng, lại luôn nhẫn nhục hòa nhã, mọi nẻo đi đứng đều luôn thể hiện sự an lành. Có một con khỉ cái đứng ở ven đường, nhìn thấy trâu chứa cùng quyền thuộc tụ hội đông đủ, lòng sinh giận dữ, ganh ghét, liền lấy gạch đá, tung cát bụi ném vào đám trâu kia. Bị khinh khi, làm nhục, nhưng trâu vẫn im lặng nhận chịu chứ không chống trả lại. Lát sau, một bộ phận khác của trâu chứa nối nhau tìm đến, con khỉ cái trông thấy cũng lại la mắng, rồi lấy gạch đá, tung cát bụi quăng ném xối xả về phía đàn trâu. Bộ phận đi sau này thấy vua trâu đi trước im lặng không hề chống trả, nên cũng bắt chước nhin nhục, lòng vui vẻ, ôn hòa, an lành, khoan thai bước đi, chấp nhận sự hủy nhục ấy không lấy đó làm giận. Tất cả đám quyền thuộc của trâu chứa đi qua chưa bao lâu thì lại có một chú trâu ghé theo đàn đi tới, đuổi theo bầy. Lúc đó, con khỉ cái lại mắng chửi, nhục mạ khinh dể nó. Con trâu ghé này lòng giận lắm, chẳng vui, nhưng thấy cả bầy đi trước đã tỏ ra nhẫn nhục, không sân hận, nên cũng học theo cách ấy mà thể hiện sự nhẫn nhục, nhu hòa. Cách con đường đó không xa, nơi rừng cây lớn có vị thần cây sống quanh quẩn trong đó. Khi trông thấy các con trâu bị hủy nhục mà vẫn nhẫn nhin, không sân hận, bèn hỏi trâu chứa:

-Vì sao các người thấy con khỉ cái ấy thốt ra lời mắng chửi, ném gạch đá, tung cát bụi mà vẫn nhẫn nhục, im tiếng, không chút phản ứng gì cả, thế là ý nghĩa gì, ý của các người thế nào? Ông lại làm bài kệ để hỏi:

Các người vì có gì  
 Nhịn khí cái phóng dật  
 Quá độ hung ác thật  
 Các người xem khổ vui.  
 Hòa ái cho ngày mai  
 An lành trong hành động  
 Nhẫn nhục phải coi trọng.  
 Trong quá khứ chúng bây.  
 Mặc gây đập sừng này  
 Tạo nên bao đầy ải  
 Lại bày nghĩa sợ hãi  
 Mặc nhiên không đáp lại.

Con trâu chúa đáp lại:

Khi dễ, hủy nhục ta  
 Đối người khác tăng gia  
 Kia chịu nhiều báo ứng  
 Bệnh hoạn càng thêm ra.

Đàn trâu đi qua chưa lâu, thì có đông đảo các vị Phạm chí cùng với một đoàn Tiên nhân thuận đường cùng tới, con khí cái ấy cũng lại buông lời mắng chửi, nhục mạ, khi dễ, rồi lấy đá gạch cát bụi tung ném về phía họ.

Các Phạm chí tức thời đuổi bắt, lấy chân đạp giết con khí đó. Do vậy, thần cây lại làm bài kệ:

Tội ác chẳng tiêu mất  
 Gặp họa khi đã mùi  
 Tội ác đã đầy đủ  
 Tai ương phải đến thôi.

Đức Phật bảo cho các vị Tỳ-kheo biết, trâu chúa lúc ấy là bản thân Ngài. Lúc còn là Bồ-tát, có tội nên bị đọa làm trâu, là vua trong loài trâu, Ngài thường thực hành nhẫn nhục, tu tập bốn tâm vô lượng là: Từ, Bi, Hỷ, Hộ, tự chứng đến quả Phật. Các con trâu khác và đám quyến thuộc của trâu chúa nay chính là các Tỳ-kheo. Còn con trâu ghé là các vị Phạm chí, Tiên nhân và các tín đồ tại gia của Đức Phật. Con khí cái kia là đại diện của đám dị giáo Ni-kiền sư. Đầu đuôi là như thế, đầy đủ rõ ràng, mọi nẻo hành động đều có thu đạt, thiện ác không hề bị tiêu mất mà luôn như bóng theo hình, như vang ứng với tiếng.

\*

### **Kinh 31: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Con Thỏ Chứa**

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

-Ngày xưa, có con thỏ chứa sống cùng với đàn ở trong núi, đói thì ăn trái cây, khát thì uống nước suối, luôn thực hành bốn tâm vô lượng: Từ, Bi, Hỷ, Hộ, dạy dỗ đám quỳn thuộc phải nên nhân ái hòa thuận, chớ làm điều xấu ác, thì khi thoát khỏi thân này sẽ được làm thân người, có thể thọ nhận được đạo pháp. Các quỳn thuộc đều vui mừng nghe theo lời chỉ giáo, chẳng dám trái mạng. Khi ấy, có một vị Tiên nhân sống trong rừng cây, ăn hoa quả, uống nước suối trong núi, một mình tu tập theo đạo pháp, chưa từng buông thả tâm ý, dốc tạo theo bốn phạm hạnh: Từ, Bi, Hỷ, Hộ, tụng kinh, luôn nhớ nghĩ đến pháp, âm thanh vang tỏa khắp nghe rất hòa nhã khiến ai cũng vui thích. Khi thỏ chứa đến gần nơi đó, được nghe tụng kinh, lòng vô cùng hớn hở, nên nghe không biết chán, bèn cùng với đám quỳn thuộc mang trái cây đến cúng dường cho vị đạo nhân. Cứ như thế, ngày qua tháng lại suốt năm, khi mùa đông lạnh lẽo đến, vị Tiên nhân muôn trở về nơi xã hội thế tục, thỏ chứa thấy ông mặc áo, mang bát và cái túi da hươu đựng y phục, nên buồn rầu chẳng vui, lòng đầy lưu luyến, chẳng muốn ông bỏ đi. Thỏ chứa liền đến trước ông, rơi nước mắt, hỏi:

-Ngài đi về đâu vậy? Ở đây ngày ngày được trông thấy ngài, tôi lấy làm vui vẻ, quên cả đói khát, y như đối với cha mẹ, nguyện xin ngài ở lại nơi đây, chớ nên bỏ đi.

Vị Tiên nhân đáp:

-Ta có thân tứ đại, phải giữ gìn nó, nay mùa đông rét mướt đã đến, trái cây đều hết, nước suối trong núi này sẽ đóng băng, lại không có hang kín để có thể ở được, nên mới tính bỏ đi dựa vào xã hội đông đảo dưới kia làm kẻ khất sĩ xin ăn, nghỉ tạm ở tinh xá chờ qua mùa đông lạnh lẽo thì ta sẽ tới đây gặp lại nhau, vậy chớ nên lo lắng ưu sầu.

Thỏ chứa nói:

-Đám quyền thuộc của chúng con sẽ đi khắp nơi, lục lọi khắp chỗ để tìm kiếm trái cây nhằm cung cấp đủ cho nhau, chúng con nguyện một lòng một dạ, xin ngài thương xót tế độ cho. Giả sử ngài bỏ đi, nỗi luyến thương càng tăng thêm buồn bã, sầu khổ, hoặc chẳng tự bảo toàn được. Còn như hôm nay, không có đủ phẩm vật để cúng dường, thì xin lấy thân con để dâng lên đạo nhân.

Vị đạo nhân thấy vậy, thương cảm hết mực, thấu được lòng dạ chí thành của thỏ chúa, phân vân chưa biết phải thế nào. Vị Tiên nhân này thờ lửa, trước mặt có đồng than đang cháy rực. Thỏ chúa nghĩ là vị đạo nhân này đã bằng lòng nên mới im lặng, thế là nó bèn gieo mình vào đồng lửa. Lửa đang bùng bùng cháy đỏ, thỏ chúa vừa rơi vào trong ấy, vị Đạo nhân muốn cứu, nhưng nó đã chết. Sau khi chết, thỏ chúa được sinh lên cõi trời Đâu-suất, làm thân Bồ-tát, công đức đặc biệt tôn quý, uy thần lòng rộng. Vị Tiên nhân thấy thỏ chúa đã vì đạo đức mà không tiếc thân mạng mình, nên thương xót lắm và cũng nghiêm khắc tự trách bản thân, rồi tuyệt cốc, chẳng ăn uống gì, thần hồn về nơi cõi trời Đâu-suất.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Con thỏ chúa ngày ấy là bản thân Ta, các quyền thuộc của thỏ nay là các vị Tỳ-kheo đây, còn vị Tỳ-kheo kia nay là Đức Phật Định Quang. Ta làm Bồ-tát chuyên cần khổ hạnh như thế, luôn tinh tấn chẳng chút biếng trễ, vì kinh điển, đạo pháp nên chẳng hề tiếc thân mạng, tích lũy công đức từ vô số kiếp mới chứng đắc Phật đạo. Vậy các vị phải nên tinh tấn, siêng năng, không được phóng dật, không được lười nhác, nỗ lực đoạn trừ sáu tình như cứu lửa cháy đầu, tâm không tham vướng, luôn tự tại như chim bay lượn giữa hư không.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*

\*

### **Kinh 32: Đức Phật Thuyết Giảng về Việc Không Sợ**

Ngày xưa có một người tánh tình vốn hiền lành, nhân đức, phụng thờ kinh pháp, giữ giới luật, dốc sức tu tập tinh tấn, vun bồi đức hạnh. Mỗi ngày đều tự nghiêm khắc trách mình, việc làm không vướng tội lỗi xấu ác, bản thân luôn tuân hành theo lẽ lối sống trong thiên hạ, đi lại với bốn chúng, dứt hết những ý tưởng cấu uế, hành động chân chánh không bị mê hoặc, tu tập sáu pháp của hàng Bồ-tát là: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm và Trí tuệ, dứt mọi nẻo mong cầu, dùng đạo pháp để tự bảo vệ, đến với bạn đồng học không hề có tâm tính toán sai khác. Như ở đâu có pháp hội, ông liền đến đó để nghe kinh, không nhằm chán mệt mỏi, luôn nhớ nghĩ đến công đức của Phật, tán thán Phật là Bạc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, là Phật Thế Tôn, ân đức của Đức Phật ấy đã ban bố lưu truyền rộng khắp. Ông cũng ca ngợi diệu nghĩa của đạo pháp, ý chí chỉ đặt ở nẻo vô vi giải thoát là gốc của đạo pháp, luôn thâm đượm dịu ngọt hương của giáo pháp lan tỏa rộng khắp, mười phương thấy đều hay biết, bỏ ác tích thiện, còn ở nhà là ô nhiễm, xuất gia mới là vô vi, giải thoát, ý chí thường suy tư về giáo pháp, lấy giáo pháp làm nhiệm vụ, chuyên cần tụng kinh pháp như uống nước cam lộ, giáo pháp là thuốc đạo trị liệu nhiều bệnh, giáo pháp là cây cầu nối thông các nẻo qua lại, giáo pháp là chiếc thuyền đưa những người chưa giác ngộ tới được bến giác, giáo pháp là mặt trời, mặt trăng chiếu sáng ngày đêm, trừ khử tố tằm, làm tiêu tan bóng tối che phủ, thấy được nơi vô hình. Ông lại tin tưởng ở Thánh chúng, các vị tu học trong chúng cũng như các dòng nước chảy dồn về biển lớn. Những vị trong Thánh chúng, hoặc đã đắc quả Đạo tích, hoặc đắc quả Vãng lai, hoặc đắc quả Bất hoàn, hoặc thành tựu đạo quả Vô trước, quả Duyên giác, hoặc hành Bồ-tát hạnh, cho đến bậc Bất thoái chuyển, Nhất sinh bổ xứ và chúng được đạo quả Vô thượng Chánh chân, cũng do từ đây mà sinh ra, giáo pháp ấy là vô tận, không bờ bến giới hạn, nói chung biển đạo pháp là hết sức sâu xa vi diệu. Nẻo phụng sự hành hóa của Bồ-tát luôn qua lại cùng khắp để độ thoát tất cả muôn loài, không gì là không dốc sức tế độ. Nhờ vào trí tuệ giác ngộ cao diệu, nên không còn bị một nơi chốn nào ngăn ngại. Người ấy mỗi khi hành động, ra vào nơi bốn chúng, thường ca ngợi Tam bảo, bản thân thì tự quy y, từ đó giáo hóa tất cả, thường tôn trọng ba việc: Một là dậy khởi, tạo lập công đức như tu sửa chùa Phật. Hai là tụng kinh niệm đạo, tuyên dương kinh điển, giáo pháp. Ba là tâm ý luôn định tĩnh, dứt mọi phóng dật, phụng trì, thể hiện bốn tâm vô thượng là: Từ, Bi, Hỷ, Hộ, thực hành các phép không, vô tướng, vô nguyện, hiểu rõ nẻo quyền biến khéo léo, tùy thời mà hóa độ người, khiến họ phát đạo tâm.

Khi người ấy tuổi đã lớn, thọ mạng sắp hết, thì những người trong bốn chúng cùng học, những người bà con gần gũi trong vùng và các nơi khác đều đến thăm hỏi: “Sắp ra đi không gì phải lo sợ, luôn an tâm, chớ sợ!” Người kia liền làm bài kệ đáp:

Các ác ta lánh xa  
Làm công đức tối đa  
Nay thân này đã hết  
Sợ hãi sạch lòng ta.  
Giống như cây cầu nổi  
Trụ cứng cầu vững đà  
Như người đi thuyền chắc  
Bờ giác ngộ ắt qua.

Mọi người nghe kệ thấy đều vui mừng hơn hở. Người kia mạng chung, sau khi chết được sinh lên cõi trời Đâu-suất cung kính đánh lễ Phật Di-lặc, chứng được quả Bất thoái chuyển, cùng với các vị Bồ-tát giảng kinh, luận pháp, khai thị giáo hóa những chúng sinh chưa được giác ngộ.

\*\*

\*

### **Kinh 33: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Năm Trăm Đứa Trẻ Nhỏ**

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại nước Ba-la-nại cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị và các vị Bồ-tát.

Bấy giờ có năm trăm đứa trẻ thường chơi đùa với nhau, tâm đầu ý hợp, cùng kết làm bạn bè, ngày ngày cùng đi chơi với nhau, coi nhau như một, không chút phân biệt, một ngày không gặp mặt xem dài bằng trăm ngày, rất kính trọng nhau. Một ngày kia, chúng đi chơi gần sông nước, lầy cát đắp làm tháp, miếu, đứa nào cũng nói: “Tháp của tao là đẹp nhất, mày nên bắt chước làm đi.” Năm trăm đứa trẻ kia, tuy có tâm lành, nhưng phước đức của đời trước mỏng manh. Khi ấy, ở trong núi, trời đổ mưa lớn, nước lũ tuôn về làm nước sông dâng lênh láng tràn ra khắp nơi cuốn trôi mất năm trăm đứa trẻ đang chơi, khiến chúng bị chết chìm trong nước, cuốn theo dòng chảy. Mọi người nhìn thấy không ai là không than thở thương tiếc, đều nghĩ: “Thật đáng thương, thật đáng thương thay!”

Cha mẹ chúng thương khóc thảm thiết, không thể tự kiềm chế được, không biết tìm kiếm tử thi con ở đâu, càng thêm sầu buồn thâm thẳm. Khi ấy, mọi người đều quay trở lại, các Tỳ-kheo trình bày đầy đủ việc này và hỏi ý Đức Phật. Đức Phật bảo với mọi người:

-Ta đã sớm biết thọ mạng đời trước của chúng, không thể xin cầu được.

Ngài gọi cha mẹ chúng, bảo là chớ có buồn khổ, năm trăm đứa trẻ ấy đời này tức mạng đã ứng như vậy. Nay tuy thọ mạng chúng hết, nhưng đã được sinh lên cõi trời Đâu-thuật, đều cùng phát tâm tu tập hạnh Bồ-tát. Đức Phật bèn phóng hào quang sáng tỏ để cho cha mẹ chúng thấy các con tại đây. Khi Đức Phật từ xa gọi: “Năm trăm đồng tử hãy đến!”, thì các đồng tử đều đến đứng giữa hư không, tung rải hoa cúng dường Đức Phật, rồi hiện xuống cúi đầu đánh lễ, xin quy y Đức Phật. Các đồng tử nói:

-Nhờ ân Đức Thế Tôn, tuy thân mạng mất, nhưng chúng con được sinh lên cõi trời, gặp Đức Phật Di-lặc, xin Ngài rủ lòng Từ bi ân đức, hóa độ cho những người chưa được giác ngộ.

Đức Phật:



-Lành thay! Các con có sự tính toán rất hay, hiểu biết về đạo pháp chí chân giác ngộ, tạo lập chùa tháp, do nhân lành ấy mà được sinh lên cõi trời, được gặp Phật Di-lặc, thọ nhận lời dạy về đạo pháp.

Đức Phật còn vì họ mà thuyết pháp, khiến họ thấy đều vui mừng, an trụ nơi pháp Bất thoái chuyển, mỗi người đều thừa với cha mẹ:

-Xin cha mẹ chớ có buồn rầu, mỗi người sống đều có mạng, không thể cản lại được, vì thế phải nỗ lực tinh tấn, lấy đạo pháp để tự tu tập. Người sống trong ba cõi như bị giam hãm trong tù, chỉ có đấng đạo, vượt khỏi cuộc đời sinh tử thì mới hoàn toàn tự tại. Vậy nên quy y Tam bảo, thoát khỏi sự chi phối của ba dòng, phát tâm Bồ-đề mới mong được lâu bền, du hóa khắp nơi, độ thoát tất cả.

Cha mẹ thấy đều nghe theo những lời chỉ dẫn của con, nên đều phát khởi đạo tâm, Khi ấy, các người con trên trời kia cúi lạy nơi chân Đức Phật, đi nhiễu quanh ba vòng, làm lễ xong lui ra bỗng nhiên biến mất, trở về cõi trời Đâu-thuật.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*

\*

### **Kinh 34: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Cây cỏ Độc**

Ngày xưa, ở một nước kia có rừng cây lớn, cây cối um tùm cao ngất trời, không ai chặt phá. Trong khu rừng ấy có vị thần cây, thông đạt nghĩa lý, vào ra hành động luôn thích hợp, không giống với những kẻ khác, thường hay đi đến khắp bốn phương, trải qua nhiều khu rừng lạ. Bấy giờ, thần cây rất vui vẻ nên để mặc cho những người vào rừng hái quả, kiếm củi, cắt cỏ, chẳng chút hờn giận. Nước suối có bóng mát phủ che, uống vào luôn an lành. Khi ấy, có con chim từ phương xa bay tới, miệng ngậm cây cỏ hết sức xấu độc, lượn qua khu rừng đó, ném cây cỏ độc xuống. Cây cỏ độc vừa rơi chạm vào cành thì độc tố đã thâm nhập vào cây, làm cây bị khô quá phân nửa. Thần rừng cây thấy thế, lòng nghĩ: “Chất độc này quá hung ác, vừa rơi vào cây chỉ trong giây lát đã làm khô nửa cây, chưa hết nửa ngày, chưa hết đêm tối mà đã khô héo như thế, thì chưa tới mười ngày, cây cối trong khu rừng này sẽ khô héo hết!”

Đang chưa biết làm thế nào để trừ khử độc tố tai hại kia, thì giữa hư không có vị Thiên thần nói:

-Này vị thần cây, chẳng bao lâu có bậc cao minh trên đường du hóa sẽ đi ngang qua khu rừng cây này, ông hãy chuẩn bị giấu vàng trong rừng, để thuê ông ấy trừ độc này, trừ sạch từng gốc cây một, khiến không còn một chút chất độc nào cả nơi cây thì các người mới được yên ổn lâu dài, nếu không như vậy thì ngày chưa tới, cái cây bị độc ấy sẽ khô hết, rồi tiếp đến là cả rừng cây.

-Vị thần cây nghe theo lời bảo, hóa làm người đứng bên đường chờ đợi. Khi người đó đến, ông liền nói:

-Tôi có kho vàng sẽ xin biếu ông, xin ông ra sức diệt trừ tận gốc thứ độc tố" trong cây bị nhiễm độc này.

Người kia nghe nói sẽ được cả kho vàng lớn, liền mau mắn nhận lời. Ông liền trừ tuyệt tận gốc thứ độc tố phá hại cây đó. Thần cây vui mừng, liền dâng cho người ấy kho vàng, người ấy nhận lấy vàng rồi cáo lui, nhà cửa nhờ đấy trở nên giàu có. Thần cây thì vui mừng vì tránh được cái nạn nhiễm độc, cây cối yên ổn lâu dài, hoa trái sum suê, chẳng còn lo bị độc hại nữa, các tội tiêu tan hết.

Đức Phật nói:

-Rừng cây ấy là ví cho ba cõi, ông thần cây là ví cho vị Bồ-tát phát tâm cứu độ chúng sinh, con chim từ phương xa mang độc hại đến là ví

cho các tướng về ma chướng có từ vô minh, thần trên hư không chính là Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác.

Đức Phật mượn chuyện này nhằm dẫn dắt cho những người tu học đạo pháp, đừng theo nẻo ma, phải thuận theo bạn lành là các bậc Bồ-tát Đại sĩ và những người đồng chí cùng tu học, mới mong diệt trừ được ba thứ cấu nhiễm và các tai ách nhọc nhằn. Việc giải trừ độc tố cho cây tận gốc rễ là ví cho việc tiêu diệt cái tối tăm của dâm, nộ, ngu si. Nếu không trừ dứt được chúng thì luôn bị chìm đắm trong bã cõi, tội lỗi cứ chồng chất, phủ che thì không có cái uy thế gì có thể cứu độ được chúng sinh thoát khỏi khổ não của sinh tử. Việc tặng cho kho báu là ví cho kho báu đạo pháp. Các vị Bồ-tát Đại sĩ lần lượt giúp nhau để hoàn thành sứ mạng độ sinh, cũng như muốn dòng sông đều chảy về biển lớn. Thần cây vui mừng, không còn hoạn nạn sâu khổ, tiếp tục ở lại rừng cây ấy là các vị Bồ-tát đã chứng được pháp nhẫn Vô sở tùng sinh đại bi, nhân đầy mà luôn qua lại nơi ba cõi để hóa độ khắp tất cả chúng sinh. Việc được của báu vui mừng, gia đình trở nên giàu có ấy là chỉ cho việc đạt được pháp Tổng trì sáu Độ vô cực, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, tu bốn tâm vô lượng, bốn ân, mười lục, hòa hợp khéo léo với bốn vô sở úy, các căn tịch định, ấy chính là của quý báu vô hạn, đạo pháp giàu có vô lượng. Việc trở về nhà ấy chính là sự giải thoát trở về với cái gốc thanh tịnh chân thật của cõi đạo. Từ đó, thị hiện thân Phật để hoằng dương đạo pháp, khai thị hóa độ khắp mười phương, không ai lá không chịu ân.

\* \*

\*

### Kinh 35: Đức Phật Thuyết Dụ về Con Ba Ba

Thuở xưa có một con ba ba chúa, sống đi đây đi đó trong biển cả, qua lại khắp nơi lấy làm vui sướng. Khi ấy, ba ba chúa ra đến bờ biển, lên sát mép nước mà nằm. Thân nó vừa dài vừa rộng, mỗi bên đến sáu mươi dặm, nằm phơi mình ở đấy trải qua nhiều ngày, nên cứ ngủ say trên mặt đất, không động đậy gì cả.

Bấy giờ, có một đoàn lái buôn từ phương xa tới đi ngang qua đó, thấy chỗ này tưởng là bờ biển cao ráo liền với đất, có thể đi được. Năm trăm khách buôn, xe ngựa, gia súc, số đông lên đến hàng ngàn đều dừng lại ở trên lưng con ba ba. Người ta còn chẻ củi, nhóm lửa, nấu đồ ăn thức uống và chần thả súc vật như trâu, ngựa, lừa, la, lạc đà... đi lại, đứng nằm trên lưng con vật khổng lồ ấy. Lúc ấy, con ba ba chúa thân bị đốt nóng quá khiến nó cựa mình, tức thì chuyển thân bò nhanh vào biển lớn, bơi chạy khắp đó đây nhưng lửa hại trên lưng vẫn không dứt. Các người khách buôn thấy vậy cho là động đất, nước biển dâng tràn, nên họ kêu gào thảm thiết:

-Hôm nay nhất định bị chết, phải làm sao đây?

Thân con ba ba bị đau nhức không thể chịu đựng được, nên nó liền lặn sâu hút vào lòng biển, chìm chết mọi người cùng với trâu ngựa, gia súc cũng đều thiệt mạng.

Khi đó, vị Bồ-tát nói với các đệ tử:

-Cái thí dụ nêu trên là để giảng giải ý như sau: Đoàn khách buôn từ xa đến là chỉ cho con người trong ba cõi. Năm trăm khách buôn là chỉ cho năm ấm, sáu trần và cái nạn của các nhập. Thân con ba ba rộng dài mỗi chiều sáu mươi dặm là chỉ cho hai lớp giao tiếp của sáu thứ dẫn dắt của mười hai nhân duyên, khiến chúng sinh luân chuyển mãi trong cõi sinh tử không bến bờ, đi khắp năm nẻo không biết bao giờ mới chấm dứt. Đốt lửa nấu ăn là chỉ cho ba độc lây lan dữ dội, dục tình dấy khởi mạnh. Con ba ba chạy vào trong biển rộng là chỉ cho kẻ phạm mười điều ác, chết bị đọa trong ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chịu biết bao là thống khổ không thể nói hết. Cho nên Đức Như Lai hiện rõ Thánh đức, trí tuệ giác ngộ lớn lao không cùng, qua lại cõi sinh tử để cứu độ các chúng sinh bị những ách nạn hiểm nguy, tội lỗi che lấp, mờ tối không tỏ, làm hiển bày cái vẻ rực rỡ của đạo pháp, khiến cho tâm ý của chúng sinh được mở mang, cùng phát khởi đạo tâm Vô thượng chánh chân.

\* \* \*

### **Kinh 36: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Vị Bồ-tát Đã Từng Làm Con Ba Ba Chúa**

Thuở xưa, có vị Bồ-tát đã từng làm con ba ba chúa, sinh ra lớn lên trong biển rộng, giáo hóa đồng loại như đám con cái, dân chúng đều phải tu nhân tích đức. Chính bản thân ba ba chúa cũng phụng trì chánh pháp, thực hành bốn tâm vô lượng là Từ, Bi, Hỷ, Hộ, thương xót chúng sinh như người mẹ thương yêu đùm bọc nuôi nấng con mình. Ba ba chúa du hành trong biển giáo hóa tất cả đồng loại chưa được giác ngộ, đều nhằm đem an lành đến cho mọi vật, cùng cuộc sống sung túc, chẳng còn đói rét. Biển này rất sâu rộng, bờ vực vô hạn mà nó đã đi tới khắp cả, không chỗ nào là không trải qua, để cứu độ các trường hợp nguy ách, khiến các tội lỗi được tiêu trừ.

Lúc ấy, con ba ba chúa ra khỏi biển đến tận bờ nằm nghỉ, trải qua nhiều ngày tháng, thân nó vững chắc như chỗ đất cao liền với mặt đất. Khách buôn từ xa tới thấy chỗ này cao ráo thì dừng lại trên đó, chẻ củi nhóm lửa nấu ăn. Họ còn buộc, nhốt ở đấy nào là trâu, ngựa, chất đầy các thứ hành trang chở theo và cả xe cộ nữa. Con ba ba chúa thấy cảnh tượng ấy, lại bị lửa thiêu đốt cháy trên lưng mình, mà người, xe cộ đều ở trên đó cả, khôn nổi nó không thể nói được, muốn lặn sâu trong nước thì lại sợ làm hại mọi người, là điều bất nhẫn trái với tâm đạo, nên nó cố gắng chịu đựng, nhưng nỗi đau đớn không thể tả xiết. Ba ba chúa bèn nghĩ ra một kế sách quyền biến, là sẽ vào chỗ biển cạn để ngâm thân mình, dập tắt được lửa dữ mà chẳng làm nguy hại tánh mạng đám khách buôn, quả là nhất cử lưỡng tiện, không gì là sai trái. Đúng như suy nghĩ, nó liền thực hiện phương kế ấy, đám khách buôn rất sợ hãi, cho là nước biển dâng tràn đến, nên kêu gào thảm thiết:

-Chúng con phen này nhất định chết mất! Chúng con xin quy mạng chư vị Đế Thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương, thần ánh sáng mặt trời, mặt trăng, xin các ngài dùng oai thần cứu vớt chúng con.

Con ba ba chúa thấy vậy, càng thêm thương xót, nhân đó, nó báo cho đám khách buôn biết:

-Thận trọng, chớ có sợ hãi! Ta bị lửa thiêu đốt nên mới rời chỗ nằm chạy vào nước để dứt trừ sự đau đớn, nay đã yên rồi, không còn gì nguy hiểm nữa đâu!

Đám khách buôn nghe được, lấy làm mừng rỡ, biết có hy vọng sống sót, liền cùng nhau kêu to lên:

-Nam-mô Phật.

Con ba ba đẩy khởi lòng Từ bi lớn lao, dần dần mang hết đám khách buôn cùng vật dụng chuyển tới sát bờ biển, mọi người được thoát chết, ai cũng vui mừng, đứng từ xa bái lạy con ba ba chúa, ca ngợi đức độ của nó, tôn xưng nó là chiếc cầu đưa họ đi qua an toàn, việc làm ấy chính là chiếc thuyền chở họ vượt qua ba cõi, thành tựu được Phật đạo, sẽ trở lại cứu độ mọi người thoát khỏi khổ nạn của sinh tử.

Con ba ba chúa đáp lại:

-Lành thay! Lành thay! Đúng như lời của Đức Như Lai. Các người hãy tự rời khỏi đi!

Đức Phật nói:

-Con ba ba chúa thời đó là thân Ta, năm trăm khách buôn là năm trăm người đệ tử như Hiền giả Xá-lợi-phất...

Tìm biết về thọ mạng từ đời trước, vì đệ tử mà thuyết giảng, là Đức Phật muốn khiến họ phải quyết chí tu đức.

\* \*

\*

### Kinh 37: Đức Phật Thuyết Dụ về Sự Độc Hại

Thuở xưa, có một gia đình, cả nhà thích làm việc độc hại. Hễ một hành động độc hại được làm xong thì trong nhà được giàu có thêm. Thọ mạng đời trước, tội phước quả báo bọn họ đều mặc kệ. Cả nước đều ghét, chẳng ai dám qua lại làm việc với họ, sợ gặp họ như gặp điều nguy hại. Cả nước đều lánh xa, nên họ muốn cưới vợ cho con cái thì không ai dám gả, ai cũng nói cho nhau biết đó là gia đình chuyên làm việc độc hại, là việc làm ác độc nhất trên đời, chẳng hợp với nghĩa lý, chỉ muốn hại mạng người. Như muốn kết sui gia với họ, thì khi hết nơi nào bỏ độc, họ sẽ quay lại bỏ độc cho mình, vì vậy mà mọi người đều xa lánh họ như xa lánh giặc dữ. Giặc cùng với người giao đấu, tay sử dụng võ đánh đấm nhau, hãy còn phân biệt được kẻ mạnh người yếu, chứ như gia đình dùng độc hại, âm thầm hại người thì khi người bị chúng hại rồi, mạng sống không thể cứu được nữa. Mọi người đều biết như thế nên ai cũng xa lánh, không cùng họ cộng tác trong mọi công việc. Người này gặp cảnh khốn đốn vô cùng trong việc đi tìm vợ cho con khắp nơi mà không nơi nào chịu gả cả. Nhân đó, hấn mới đi xa hơn ngàn dặm sang nước khác để tìm vợ cho con. Gia đình hấn thì giàu có sang trọng, còn nhà cửa bên người con gái lại nghèo khó, eo hẹp. Gia đình này thấy hấn giàu có nên tham mà gả con gái cho, không bị hấn bỏ độc hại, lại còn thu thêm được của cải. Hấn đưa người con gái về nhà làm lễ thành hôn rất uy nghi, đầy đủ. Ra vào lễ lượt, làm cho gia đình ấy hao tốn nhiều của cải nên phải bỏ độc hại người thì mới giàu có như cũ. Cha mẹ chồng bảo nàng dâu đi bỏ độc giết người này và nói:

-Cái nghề gốc của gia đình ta là tự mình phải làm như thế! Nàng dâu nghe bảo thế thì buồn rầu, thưa với cha mẹ chồng:

-Cha mẹ con làm lành, chưa hề làm hại ai, nên con không nhận việc bỏ độc hại người, có chết thà chết chứ không vi phạm, cha mẹ có mắng chửi, con cũng không thể nghe theo lời được.

Nhân đó, vợ chồng người này thưa với thần độc hại:

-Hôm nay chúng con sai nàng dâu này đi bỏ thuốc độc hại người mà nó chẳng chịu nghe lời, phải làm sao đây?

Thần độc hại đáp:

-Ta phải cải hóa nó, để nó chẳng còn trái lời dạy bảo nữa. Thần liền hóa làm con rắn độc bò đến chỗ nàng dâu, nàng này sợ hãi không biết phải tránh con rắn độc ở đâu. Con rắn hoặc hiện ở trên đầu, khi ăn thì

hiện trước mặt, khi uống thì hiện trong đồ dùng, khi ngủ thì hiện trên giường, khi bước đi thì nó theo sau. Nàng dâu kia sợ hãi quá, không biết phải chui vào đâu, trở nên gầy ốm trơ xương, không thể ăn uống được. Thần độc hại mới ra lệnh cho nàng dâu đi bỏ thuốc độc hại người. Khốn cùng, không còn cách nào khác, nàng dâu đành theo lời dạy bảo của thần độc-hại. Lúc ấy, có người nhà của nàng dâu đến thăm, thấy thân hình người con gái gầy ốm, chẳng an lành, thì lấy làm ngạc nhiên, hỏi lý do vì sao như vậy. Người con gái nói hết đầu đuôi câu chuyện, rồi dặn:

-Về đến nhà ta, phải thưa với cha mẹ ta mau chóng tới đón ta về, còn không thì nhất định ta phải bị chết.

Người quen trở về thuật lại đầy đủ cho cha mẹ nàng nghe chuyện đó. Ông bà buồn khổ, bồn chồn, người cha bèn chuẩn bị xe ngựa, nhanh chóng đi đón con gái về. Đến nơi, ông nói với cha mẹ chồng người con gái:

-Mẹ con gái tôi thương nhớ khóc lóc suốt đêm, quá nhớ con gái nên khiến tôi đến đón nó về để mẹ con được gặp nhau, ít lâu sau sẽ cho trở lại nhà chồng.

Cha mẹ chồng bằng lòng cho đi. Người cha đưa con gái về nhà, sau đó ông nói với cha mẹ chồng người con gái:

-Gia đình ông chuyên bỏ thuốc độc hại người, ta đoạt nàng dâu của ông, không trả lại đâu.

“Hai bên xảy ra cuộc tranh cãi, nếu như có pháp quan thì sẽ cho bên nào được?” Đây là nỗi lo âu về sự tuyệt diệt cho cả nhà, nên cha người con gái nhất định không nghe theo. Nếu bên gia đình chồng bỏ việc hạ độc hại người ta thì ông mới cho con gái về làm dâu. Hai vợ chồng cha mẹ nàng dâu bàn với nhau:

-Người con gái này thật đoan chánh, trên đời ít có, không thể bỏ được, thà bỏ cái nghề làm chuyện độc của gia đình. Hơn nữa, nếu quan hay được thì càng nguy hại!

Liên ngưng ngay cái nghề độc hại ấy cùng với người cha cô gái lập lời thề ước không dám phạm nữa. Ông sai người đem bỏ thần độc hại, từ đó trong gia đạo trở nên an lành.

Thần độc hại kia là ví cho bốn thứ ma, làm việc hại độc cầu được giàu có là ví cho các thiên ma và đám quỷ thần xấu ác. Ngày ngày chọn dâu, người trong nước không ai chịu gả, là ví cho những người không



theo giáo pháp của ma. Người đi tìm nàng dâu, phải đến phương khác tìm kiếm được nàng dâu là ví cho pháp cầu nhiễm. Dạy khiến hại độ nhưng không nghe theo ấy là ví cho việc biết rõ là ma, không bị rơi vào năm ám. Sai người về báo với cha mẹ ấy là cho việc theo giáo pháp Bát-nhã với phương tiện quyền xảo. Báo cho người cha đến đem con về là ví cho việc theo về với gốc Không. Khiến người con gái có chồng kia ngưng độ hại trở về cùng với mẹ ấy là ví cho trừ khử ba độ, các vọng tưởng, cầu ứng hợp với bốn tâm vô lượng. Nhờ sáu pháp Độ vô cực và các phương tiện khéo léo thích hợp để hóa độ tất cả chúng sinh trong ba cõi, đạt đến trí tuệ chánh chân vô bờ.

\* \*

\*

### Kinh 38: Đức Phật Thuyết Giảng về Việc Dạy Bảo Con

Thuở xưa, có một người, cha mất sớm, sống cô cút một mình với mẹ, chưa được răn dạy đầy đủ, ra vào không biết hạn chế, không theo đúng lễ giáo, vi phạm lời dạy trong điển tịch của các Thánh nhân đời trước, chẳng chịu học hỏi lãnh hội kinh pháp, bị bạn ngu mê hoặc, kết bè với chúng để vui chơi rượu chè, cờ bạc, phô trương hình sắc, ham chuộng võ bên ngoài, dục tình buông thả, lêu lổng đó đây. Hấn chẳng chịu lấy việc hiếu thuận, tu sửa tâm đức để lập thân, lại phạm nhiều tội ác, miệng nói lời thô tục, lòng nghĩ những điều độc hại, chẳng nhớ tới lời dạy dỗ, dẫn dắt của thân sinh, chỉ lấy điều phi pháp cùng hành động bừa bãi làm sự nghiệp. Người mẹ rất khổ vì đứa con như thế. Nhân muốn răn dạy đến nơi đến chốn những phép tắc oai nghi, để cải đổi tâm tánh, hành động của nó, khiến nó biết dè dặt nơi tâm ý, giữ gìn mồm miệng, phụng trì điển tịch của Thánh nhân đời trước, sửa đổi thân tâm theo phép tắc của tổ phụ, cung kính thọ trì đạo pháp vô bờ của Đấng Thế Tôn, người mẹ đem tấm lòng thành của mình nói ra lời răn dạy thâm diệu, bảo cho đứa con trai:

Con luôn hành nhu hòa  
 Kết bạn lành gần xa  
 Thường tuyên dương, khuyên giúp  
 Tu lâu đắc pháp tòa.

Người con hỏi mẹ:

Nếu luôn hành nhu hòa  
 Thì sẽ được những gì  
 Như kết giao bạn tốt  
 Thêm được lợi ích chi?  
 Luôn nên khen khuyên giúp  
 Làm sao tu nghĩa này?  
 Tu lâu được chánh pháp,  
 Có thêm hơn gì đây?

Người mẹ bảo con:

Nếu hành vi nhu hòa  
 Được mọi người kính yêu  
 Nếu kết giao bạn tốt  
 Kiên định không ngã xiêu,  
 Nếu luôn được khuyên giúp  
 Thu hoạch của cải nhiều  
 Tu lâu đắc chánh pháp

Khi chết sinh cõi trời.

Người con thưa với mẹ:

-Lành thay! Lời dạy của mẫu thân! Lời răn này thật là vô thượng, pháp dạy này thật là vô hạn, lòng rộng khó lường, không thể nêu bày hết được. Con lâu nay ngu tối, quay lưng với ân cao, chạy theo tà ngụy, không biết nẻo chí chân, mê theo bóng sắc, lầm lẫn dòng giống tộc họ, tự cho là tài trí, chẳng sáng mà tự cho là sáng, chẳng đạt mà tự cho là đạt, chẳng biết phân biệt cao thấp trên dưới, nhất là lời dạy sáng suốt của mẫu thân, xem thường việc thiện, quý trọng việc ác, chẳng giữ đúng nẻo hiếu dưỡng để báo đáp ân đức của mẹ hiền, bỏ nhân hậu theo bạc ác, kết với bọn ngu làm bạn, khiến cho sự ngu si mê lầm ngày càng chồng chất thêm. Nhờ chịu sự giáo hóa của mẫu thân hiển bày rõ ràng nhân từ, thể hiện lòng thương lai láng, là cội nguồn của sự nuôi dưỡng làm chuyển đổi, khiến trở nên tốt đẹp hơn, thông đến mười phương, con xin thọ lãnh phụng hành, không dám sai sót hoặc quên lãng.

Người con cung kính lạy tạ mẫu thân, quyết tu hành theo sự chỉ dạy của người mẹ, trước sau chẳng hề sai trái. Người con theo đúng pháp mà tiến tu, thường thực hành điều nhu hòa, được cả nước yêu mến. Chọn người lành làm bạn, không hay lấn lướt khinh dễ, luôn làm việc khuyến giúp, khiến các trường hợp chia lìa được gặp gỡ, tranh giành được hòa hợp, như vậy mà được dâng tặng rất nhiều của cải, vật báu vô lượng. Người con cung kính cúi lạy quy y Phật, thọ trì năm giới, tu hành mười điều thiện, được chư Thiên hộ trì, bảo vệ. Quốc vương nghe được, triệu vào cho làm đại thần. Nhà vua bảo:

-Trẫm nghe đức hạnh của khanh làm cho cả nước vui mừng, nên ra lệnh gọi vào giúp việc. Nước không có bề tôi giỏi, mà chỉ có bề tôi giỏi giúp việc thì mới khiến cho đất nước được thanh bình, an ninh, các nước bốn phương mới chịu quy phục uy đức, khanh như vậy là được hiển vinh.

Người kia từ tôn thưa:

-Thần chẳng dám trái Thánh ý, nhưng chỉ sợ đức mỏng, chẳng xứng với công việc được giao thì xấu hổ lắm! Không làm tròn trách nhiệm vua giao, khiến muôn dân oán trách, thần thấy việc này quá khó khăn, xin chẳng dám thuận mạng.

Nhà vua nói:

-Ta thấy nhân đức của khanh thể hiện trong lời nói, hành vi, cử động, tới lui, quả có thể làm được việc ấy, nên mới triệu đến đây!

Người kia lặng thinh, được lập làm đại thần. Nhà vua lại bảo:

-Có vị quốc vương nọ, đã có lúc cùng ta giao hảo, thắm thiết như ruột thịt, nhưng rồi vì lời gièm pha đồn đãi khiến hai bên kinh chống, mất lòng nhau, lâu ngày chầy tháng, mỗi nghi ngại hiềm khích kia cứ lớn thêm, khó mà hòa giải được. Ta muốn nhờ khanh làm sứ giả đến hòa giải việc này. Nếu thực hiện được, ta sẽ trọng thưởng cho khanh tiền của và địa vị lớn. Người kia tâu:

-Xin vâng.

Rồi ông dùng tài sản của mình, chuẩn bị đủ các thứ đồ ăn ngon lành và các vật báu mang sang nước kia, vái lạy trình bày với vua nước đó:

-Thần tôi tắm nhưng chịu ân nhuần nên vì vua của thần làm sứ giả. Thần được sai mang đồ ăn uống và vàng bạc châu báu này đến công nạp cho đại vương. Trước đây, vua của thần sai lầm, hành động chẳng phải, làm trái thánh ý. Cách biệt từ đó đến nay trải nhiều năm tháng, vua của thần lấy làm xấu hổ, áy náy không yên nên sai hạ thần sang công nạp, xin đại vương tha thứ những va chạm xích mích cũ, nguồn gốc của các lỗi lầm ấy.

Nhà vua này nghe thế trong lòng hả hê, cũng lại tự trách mình: -Ta từ lâu đã có ý muốn hòa giải, nhưng chưa làm được thì sứ giả ấy đã đến từ tạ trước rồi. Quả là ta chẳng theo kịp ông ấy trong việc này.

Rồi chính tay nhà vua viết thư báo cho vị vua kia biết:

-Tuy cách biệt đã lâu, không được đối diện nhau để nói chuyện, nhưng luôn nghĩ đến mối giao hảo trước đây, không ngày nào là không nhớ. Trong thời gian cách biệt, không kịp đến chỗ đại vương, xao lãng không gặp gỡ. Nay đại nhân lại sai hiền thần đem vật ngon, của báu đến tặng biếu, tôi nhớ mãi cái hậu ý tốt này, không bao giờ quên, xin được một lần hội ngộ để xóa bỏ những điều vướng mắc trước đây. Nay tôi xin gửi đến đại vương những vật báu quý giá thay mặt, tỏ chút lòng quý trọng của bản thân tôi!

Nhà vua kia được thư mừng rỡ khôn xiết, hẹn ngày gặp gỡ, cùng nhau vui sướng. Họ xét lại nguồn gốc của sự mất lòng trước đây là do bị kẻ khác xuyên tạc và hiểu lầm nhau nên dẫn đến cái tai họa ấy. Nếu hai nước sánh nhau, kết thân thâm hậu, gặp việc hoãn, cấp đều cứu giúp nhau

thì lại càng thích hợp. Nhà vua liền tặng phong thêm cho quan đại thần tước vị và của báu nhiều vô kể.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

-Lời dạy chí thành của bà mẹ chẳng phải là lớn lao lắm sao!

Đức Phật nói:

-Thật rất lớn lao!

Tôn giả A-nan lại hỏi Đức Phật:

-Về đời sau này, mọi người đều nên thực hành lời dạy ấy?

Đức Phật nói:

-Có người theo, có kẻ không theo lời dạy ấy! Vì sao như vậy? Là vì về đời sau này dân chúng đa phần nghịch loạn, quý trọng điều ác, khinh khi điều lành, tình ý phóng túng, bề tôi muốn hại vua, con giết cha mẹ, đệ tử hại thầy, chẳng nhớ tưởng tới công đức cao dày, chẳng nghĩ đến công ân dưỡng dục, muốn hại tất cả, chỉ biết lo cho mình, ganh ghét thầy mình, chẳng khác nào oan gia, tội lỗi như thế chẳng lớn lắm sao? Vì sao? Bởi vì đệ tử đời sau, trước mặt tỏ ra khiêm cung, sau lưng lại muốn chống đối, lòng dạ không trung thực. Tôn sư ra đời là nhằm tuyên dương, truyền bá đạo pháp, giáo hóa, độ thoát tất cả chung sinh, nên phản bội, ganh ghét, độc ác đối với tôn sư là những tội đầu trong các tội, không thể lấy cái gì mà nêu bày cho hết được. Còn người đức hạnh ở đời sau thường thường cũng có, giống như cây cối trong thiên hạ tuy nhiều nhưng cây thơm, cỏ thơm thì hiếm lắm. Đất núi càng ít có vàng báu. Người tốt làm phước đức cũng lại như vậy. Khi người xấu làm ác thì bề đảng hòa theo rất đông. Người hiểu biết điều chân chánh rất ít. Thời Phật Di-lặc ra đời, người nhân đức mới nhiều, biết quý trọng điều thiện, khinh chê điều ác, không có bợn a dua, đạo đức hưng thịnh, phát triển khắp chốn không thể nói hết được. Mọi người chuyên tu theo đạo đức vô thượng, không làm điều tội ác xấu xa, luôn hiếu thuận với song thân, tôn kính bề trên, vâng lời sư trưởng, quy y Tam bảo, do đó ba thừa được hưng khởi, phát huy, ba độc bị tiêu diệt, người được hóa độ vô lượng, tất cả đều đạt đến đạo quả.

Tôn giả A-nan nghe lời này rồi, buồn vui lẫn lộn nghĩ rằng, nếu như ở đời vị lai mặt pháp mà có những hoạn nạn ấy thì đâu bằng những dân chúng ở vùng núi rừng hẻo lánh, tuy ngu dốt mà có thể biết rõ nẻo đi đến tới lui một cách thích hợp. Nghĩ ngợi như vậy rồi Tôn giả A-nan cung kính đảnh lễ Phật và lui ra.



### **Kinh 39: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Người Trả Nợ Làm Thân Trâu (Bò)**

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị và hội đủ các vị Bồ-tát.

Vào lúc sáng sớm, Đức Phật mặc y, tay ôm bình bát đi vào thành khất thực. Cùng lúc, có người dân phương xa đem theo một con trâu lớn, mạnh mẽ, béo tốt bán cho người ở trong thành này. Người mua dắt trâu ra về, tính là sẽ làm thịt. Tại cửa thành ấy, con trâu và Đức Phật gặp nhau. Người chủ thấy con trâu vừa to vừa khỏe, sợ nó vùng vẫy nên mời hơn mười người cùng giúp sức dẫn đi. Con trâu từ xa nhìn thấy Đức Phật, trong lòng buồn vui lẫn lộn, bèn bứt đứt dây buộc, sổng chạy rất nhanh, mười người theo bắt mà không thể không chế được trâu. Nó hướng về chỗ Đức Như Lai mà chạy tới. Đức Phật biết là trâu đang nhớ về thọ mạng đời trước của nó. Tôn giả A-nan thấy vậy nên đã đi lên trước nhằm đánh đuổi nó tránh sang một bên, sợ nó xúc phạm đến Đức Như Lai. Tất cả mọi người ai cũng sợ hãi, sợ nó làm tổn thương tới Đức Phật.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Hãy đi lại đây, chớ nên ruồng đuổi nó.

Con trâu liền đi thẳng đến chỗ Đức Phật, quỳ hai chân trước, kêu lớn tiếng bên chân Ngài, nước mắt rùng rùng, từ miệng nó phát ra lời thưa:

-Kính xin Đức Thế Tôn mở rộng lòng thương xót, cứu độ nguy ách khiến con thoát khỏi nạn ấy. Ở vào đời này, Bạc Đại Thánh rất khó gặp, hằng trăm ngàn ức đời Đức Thế Tôn mới xuất hiện nơi thế gian, là vì để hóa độ muôn loài. Vậy kính xin Ngài rủ lòng đại Từ để con một lần thấy được sự tế độ.

Đức Phật dạy:

-Lành thay! Thật đáng thương xót! Do tâm ý của người mê lầm mới gặp phải hoạn nạn.

Tôn giả A-nan, với các chúng Trời, Rồng, Quỷ, Thần ai cũng ngạc nhiên, lấy làm kỳ quái, vì sao loài súc sinh lại biết quy y với Đấng Thiên Tôn. Tôn giả A-nan bèn bước lên trước, quỳ mọp, hỏi Đức Phật:

-Con trâu này vừa gặp Đức Phật, vì sao nó tự quy y Ngài? Chắc là có gốc ngọn thế nào chăng?

Đức Phật nói:

-Về thời quá khứ xa xưa, có một vị Chuyển luân vương làm chủ bốn cõi thiên hạ, có ngàn người con và bảy thứ báu, trị nước theo-pháp chân chánh, không bức bách muôn dân, thiên hạ thái bình, dân chúng được an lành, năm thứ lúa thóc luôn dồi dào. Nhà vua lại có đủ bốn đức, coi dân như con, dân phụng sự vua như cha, các hàng Sa-môn, Phạm chí, Trưởng giả cho tới chúng dân ai cũng tỏ bày tình thân hữu. Bản thân nhà vua chưa từng bệnh hoạn, luôn được Khang kiện, an lạc. Người trong bốn cõi thường ca ngợi công đức của nhà vua, lan truyền đến khắp mười phương. Bảy giờ, vị Chuyển luân vương đi du hành xem xét khắp bốn phương xong xuôi, sửa soạn quay về cung, thì trông thấy một người, hình như quen ở đâu đã từ lâu lắm, đang bị người chủ nợ bắt trói nơi gốc cây, không thể đi được. Khi ấy, vị Chuyển luân vương và bảy thứ báu cùng đi theo, đều dừng lại không tiến lên phía trước, lấy làm lạ về sự việc, từ xa trông thấy người quen biết xưa cũ ấy bị người bắt trói là do nợ năm mươi lượng vàng phải trả, nên chủ nợ bắt giữ lại chẳng cho đi. Thánh vương bảo người chủ nợ:

-Mở ra cho nó đi! Ta sẽ trả gấp bội cho khanh là một trăm lượng vàng.

Người chủ nợ thưa:

-Tôi lại chuyên trả cho ông Mỗ một trăm lượng vàng nên phải lấy số vàng này để bù vào, do đó mà không thể coi thường được.

Đức Thánh vương liền ra lệnh cho kẻ bề tôi trở về cung lấy trao cho người chủ nợ ấy một trăm lượng vàng. Kẻ bề tôi vâng lời. Người chủ nợ liền mở trói và người mắc nợ được trở về nhà yên ổn. Chủ nợ nhận vàng của nhà vua nhưng không trả cho ông Mỗ nợ, khiến ông này nhiều lần đi tới cửa vua cầu tìm vàng nhưng chẳng được, tìm người chủ nợ kia thì ông ta đã trốn đâu mất. Trong vòng sinh tử, quanh đi quẩn lại vô số kiếp, chẳng bồi thường số nợ cần trả, cho đến đời này phải bị đọa vào trong loài trâu ấy, chỗ nợ và chỗ bán để trả nợ đã lên đến mấy ngàn lượng vàng, vì vậy trâu mới tới quy y Phật. Duyên từ đời trước đã dắt dẫn buộc lấy thì sao mà thoát được.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:



-Vua Chuyển luân thời ấy là thân Ta, người chủ nợ lường gạt đó là con trâu này đây. Đức Phật là vị Thánh vương đã bảo lãnh để giúp trả nợ, nhưng y đã không trả nợ, nên nay phải quy ngưỡng Đức Phật để cầu trả nợ giúp.

Đức Phật nói với người chủ trâu:

-Phật sẽ vì ông mà đi khát thực để bù vào đủ số vàng mà ông đã bỏ ra mua trâu.

Người chủ trâu không chịu, muốn đòi lấy lại trâu, Đức Phật lại bảo:

-Dem cân con trâu này nặng bao nhiêu, ta sẽ bằng lòng trả từng ấy cân vàng cho ông.

Vậy mà người ấy vẫn không chịu. Khi đó, các vị trời Đế Thích, Phạm thiên vương đều hiện ra, chấp tay bạch Đức Phật:

-Đức Phật chớ đi khát thực, Ngài muốn có được muôn ngàn ức lượng vàng, chúng tôi xin sẵn sàng đem đến trải đầy lên hai bên da trâu.

Trời Đế Thích, Phạm thiên, Tứ đại Thiên vương đem vàng đến chất đông rồi trải đầy lên hai bên da trâu, người kia mới chịu không đòi trâu nữa. Đức Phật đem trâu về nơi tinh xá Kỳ hoàn. Vào đấy, trâu xem thấy thân tướng Đức Phật, hình ảnh các vị Thánh chúng và đức hạnh của các vị Bồ-tát thật là lòng lộng không lường, đường đường sáng chói, như mặt trăng trong chòm sao, uy thần tỏa chiếu khắp chốn, không thể nêu bày hết được. Trong thời gian này trâu suy ngẫm, niệm Phật, niệm Pháp và niệm Thánh chúng, qua bảy ngày thì mạng chung, liền được sinh lên cõi trời, tự nhớ và biết được công đức của Đức Thế Tôn đối với đời trước của mình, nên trâu đã trở lại nhân gian tung rải hoa cúng dường Đức Phật, nhằm báo đáp ân đức kia, rồi cung kính đánh lễ nơi chân Phật. Đức Phật vì nó thuyết giảng kinh pháp, trâu liền phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh chân, tức thì được an trụ nơi địa Bất thoái chuyển, chúng được pháp Nhẫn vô sinh và trở lại cõi trời.

\* \*

\*

## Kinh 40: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Ông Phạm Chí Quang Hoa

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị và hội đủ vô số các vị Bồ-tát.

Bấy giờ, số người đông đảo, có tới hàng mấy ngàn đang tụ tập tại chỗ Đức Phật, tất cả đều được cạo bỏ râu tóc, làm Sa-môn. Họ tự hợp lại làm thành từng nhóm năm trăm người, nỗ lực tu trì đạo đức, tinh tấn không chút biếng trễ, thành tựu được thần thông, đoạn dứt được gốc của sinh tử, thấy đều chứng đạt đạo quả, rồi đi khắp mười phương để tế độ chúng sinh.

Tôn giả A-nan thưa với Đức Phật:

-Tất cả những người học đạo này, kiếp trước đã có những hạnh nguyện, những sự tu tập về đức ra sao nên hôm nay đạt được vinh dự như thế? Trí tuệ, thần thông của họ rõ ràng là bậc nhất.

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

-Thuở quá khứ xa xưa, trải qua đến chín mươi một kiếp, vào thời Đức Phật Duy Vệ, có một vị quốc vương tên là Chiên-đầu, kinh thành của vua hiệu là Chiên-đầu-ma-đề. Lúc ấy, có một Phạm chí tên là Quang Hoa, học rộng các kinh, tuyên dương truyền bá rộng rãi các pháp diệu, không có một nghĩa lý thâm diệu nào mà không thông đạt. Ông Phạm chí này có năm trăm người theo hầu học hỏi, thường hay đến chỗ Đức Như Lai Duy Vệ để nghe giảng và thọ trì kinh điển, khuyến dụ giáo hóa muôn dân, mở mang chỗ còn ngu tối của họ, khuyên bày nẻo chân chánh để thành Sa-môn, lấy việc tu đức làm sự nghiệp. Lúc ấy trong nước đó có tới năm trăm doanh quân, mỗi doanh đem năm trăm người và đại thần, bá quan cũng đều làm Sa-môn. Có vị trưởng giả giáo hóa chúng dân cũng đều bỏ nhà theo làm Sa-môn, tinh tấn phụng hành giáo pháp, không phạm giới cấm, sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời, thọ mạng ở đây hết thì lại sinh về nhân gian, lên xuống như thế, lần lượt trước sau, có đến chín mươi một kiếp. Nơi đời Phật này, họ cũng đều làm Sa-môn, thấy tụ hội ở chỗ Phật, đánh lễ Phật xong rồi lui ra ngồi sang một bên. Các chúng Trời, Rồng, Thần, Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, người và không phải người, ai ai cũng đến chỗ Đức Thế Tôn, cúi đầu

làm lễ nơi chân Phật rồi lui ra đứng sang một bên. Khi ấy, Đức Phật liền mỉm cười. Tôn giả A-nan thưa:

-Do nhân duyên gì mà Đức Phật cười? Thế Tôn Chí Chân không bao giờ vui cười vô cớ, xin nói rõ về ý nghĩa ấy.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Ông có thấy các chúng Trời, Rồng, Quỷ, Thần đều tụ hội ở đây không?

Tôn giả A-nan đáp:

-Thưa, đã thấy.

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

-Thời Đức Phật Duy Vệ, có một nước lớn tên là Chiên-đầu- ma-đề, vua tên là Chiên-đầu, đều phụng trì giáo pháp, quy mạng Tam bảo. Lúc đó, có vị Phạm chí tên là Quang Hoa, trí tuệ gồm thấu ba đạt, tóm hết các kinh điển, không một nghĩa lý sâu xa nào mà không thấu tỏ, gặp Đức Phật Duy Vệ đang hóa độ khắp mười phương, trên trời dưới đất ai ai cũng đều quy ngưỡng, ông liền khuyến dụ năm trăm người đến chỗ Đức Phật xin làm Sa-môn, thọ trì kinh điển, giới luật. Bấy giờ, quốc vương ấy đã từ bỏ ngai vàng, đất nước, cùng với năm trăm người cũng làm Sa-môn. Có vị đại trưởng giả cũng giáo hóa đám tùy tùng năm trăm người đi làm Sa-môn, đều thọ trì đạo pháp, tinh tấn tu tập đạt được thần thông, luôn thể hiện bốn tâm vô lượng là Từ, Bi, Hỷ, Hộ, chín mươi một kiếp không rơi vào đường ác, chỉ sinh về cõi trời hoặc cõi người, nay họ được làm thân người đều tụ hội về đây, cũng cùng xuất gia làm Sa-môn, lãnh hội thọ trì kinh điển, giới luật, đều chứng đắc đạo quả. Nên biết vị Phạm chí thời đó, không phải là ai khác mà chính là thân Ta, quốc vương, thần dân và chúng của vị đại trưởng giả, nói chung là những người cùng tu học ở thời Đức Duy Vệ Như Lai Chí Chân, trước đã gieo giống thì nay thu hoạch, công đức không hề mất đi mà đều tự đạt được.

Lúc nghe Đức Phật thuyết giảng có vô số người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chí chân, ngay lúc đó được an trụ ở địa Bất thoái chuyển, thành bậc Nhất sinh bất tử, số lượng ấy không thể kể xiết, những người đắc quả A-la-hán cũng đông đảo như vậy.

Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

## Kinh 41 Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Biến Hôi Dụ

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, có một vị cư sĩ chán cuộc đời đau khổ, vạn vật vô thường, mọi tài sản hiện có của bản thân chỉ như ảo ảnh, sống gởi nơi cõi trời đất như khách qua đường, không một chút đáng để ham muốn, chỉ có giáo pháp chân chánh mới là vĩnh viễn trường tồn. Nhân đây bèn xuất gia làm Sa-môn, tinh tấn không biếng trễ. Gốc của chí nguyện chưa đạt, nên ông liền đi vào trong núi, ở đây ông ngày đêm tu hành không chút bê trễ, chẳng tiếc thân mạng, tu tập sáu pháp là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm và trí tuệ, giữ gìn tâm ý không vọng động, nhưng rốt cuộc chẳng đạt được đạo quả, lòng ông biến đổi, hối hận về việc đã làm, muốn trở về với cuộc sống thế tục.

Ông trước đây đã theo học đạo lâu năm, siêng năng chẳng hề dừng nghỉ, mà tâm vẫn mờ tối, không biết đâu là mục đích. Vốn lúc ở thế gian thường ưa bàn luận, miệng lưỡi lưu loát, nay ở trong núi không học hỏi thêm được gì, tiến lui chưa biết phải làm sao, không rõ nẻo về đâu, chỉ bằng cởi áo tu trở về với nghề nghiệp cũ, do dự chưa quyết định. Lúc ấy, thần núi, thần cây biết được, tiếc cho công phu tu tập của ông, nên muốn giúp ông thành tựu được sự nghiệp đã chọn, vì nếu để ông trở về nhà thì tâm ý tất bị nhiễm bao lỗi lầm cấu uế, cứ mãi dằn vặt về cuộc đời không sao nêu tả hết. Nhân đó, một vị thần hóa thân làm vị Tỳ-kheo-ni, mong muốn hóa giải các ý loạn động của ông ta, làm phát khởi đạo tâm và ý chí kiên định của con người đó. Vị Tỳ-kheo-ni này thân mang nhiều đồ châu báu, sắc mặt tươi sáng, hiem có trên đời. Một vị thần nữa lại hóa làm một người con gái, dáng vẻ đoan chánh, sắc đẹp bậc nhất, phong độ rạng rỡ, không ai hơn được. Hai người nói với nhau:

-Nàng là Tỳ-kheo-ni, sao thân lại đeo chuỗi anh lạc quý giá, môi miệng tươi đẹp như ngọc châu đỏ thắm?

Vị Tỳ-kheo-ni nói:

-Các thứ của báu như đồ huyễn hóa, môi miệng tươi đẹp chẳng qua như tranh vẽ rực rỡ, vẻ đoan chánh rõ ràng chỉ là chất mỡ bóng dáng bên ngoài, có gì đâu mà ham muốn. Như nàng đây, hôm nay thân sắc tuy tươi đẹp, như vẻ rực rỡ của hoa mùa xuân, nhưng thân người như quả sắp

rụng, không ở mãi trên cây được, bốn đại hợp rồi tan, không có cái gì gọi là chủ đứng nghĩa, chỉ có cái tâm là gốc, ở trong ba cõi một mình qua lại không có gì đi theo. Họa phước đuổi theo thân như bóng với hình, ba cõi đều không, chẳng có gì để nương cậy. Do tội lỗi phủ che, với năm ấm, sáu thứ trùm lấp khiến tâm ý bế tắc, không thấu rõ các pháp thiền định, tam-muội.

Vị Tỳ-kheo tu trong núi nghe những lời luận bàn ấy, tâm liền giác ngộ, biết rõ đúng như lời nói trên là: thân bốn đại vốn do nhân duyên hòa hợp, thân tham là tự hại, phân tích rành rẽ thì nó vốn là không, giống như sóng gởi. Xem mọi người trong mười phương không còn phân biệt thân sơ thì tâm ý đều cởi mở thông tỏ, các lậu được dứt sạch, gốc sinh tử đã dứt, tất không còn dấy sự phân biệt, ra vào tự tại không còn đắm nhiễm trần cấu.

Vị Tỳ-kheo đã đạt đến sự hiểu biết thì núi rừng bỗng hiện ra như một đám mây nổi. Thân cây quỳ lay, tự trần tình về nổi cay đắng bị cuốn hút theo nẻo luân hồi trong ba cõi, bị năm ấm ngăn che, mười hai nhân duyên dẫn dắt nối tiếp không dứt. Xin vị Tỳ-kheo kia rủ lòng thương xót cứu giúp thoát khỏi sự phủ che ấy. Vị Tỳ-kheo liền vì vị thần cây đó mà thuyết giảng kinh khiến tâm vị thần mở rõ, phụng thọ năm giới, tu hành mười điều thiện, lánh xa ba đường ác, chút ít đạo tâm trước đây nay phát triển đến vô cùng, vào được nẻo chánh chân của Phật đạo.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo:

-Các ông đã rõ gốc ngọn rồi đấy, phải giữ lòng kiên định, việc phải đã quyết định không được hối hận.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*  
\*

## Kinh 42: Đức Phật Thuyết Dụ về Chuyện Con Ngựa

Ngày xưa, có một ông Trưởng giả nuôi một con ngựa tốt. Lúc đầu mới được ngựa, nó hay hung hăng không thể chế ngự nổi. Vừa đóng yên cương là nó cật hai vó trước chạy càn tứ tung không theo đường lối, vào nơi suối khe, rừng cây hoặc tường vách. Ông Trưởng giả chủ giận lắm, trở về nhà lấy roi đánh ngựa rất tàn nhẫn, chẳng cho ăn cỏ, uống nước gì cả, khiến ngựa cùng khôn đói khát, lòng buồn tự trách, chưa nghĩ ra kế, chưa biết làm thế nào thì trên không trung có tiếng bảo cho nó biết:

-Hãy thuận theo chủ thì không có hoạ nạn.

Khi đó, lòng ngựa hiểu rõ. Rạng ngày, ông Trưởng giả sắp cỡi ngựa, lấy yên cương mang vào thì con ngựa chịu ngay, chẳng còn nhảy nhót nữa, ông cỡi lên yên vững vàng, điều khiển dễ dàng, đi đây đi đó theo lệnh chủ chẳng dám trái, về nhà, nó được cho ăn uống đầy đủ. Theo thời gian, nó trở nên béo tốt, khí lực sung mãn, về sau càng trở nên điều độ, nhu hòa. Rồi nó sinh được hai con, ngựa con đến tuổi trưởng thành, ông Trưởng giả cỡi, nó cũng lại nhảy nhót, chạy lung tung làm đứt dây cương, lại bị đánh đập, không thể sửa đổi, phải chịu đói khát. Nó nghĩ tới cái tai ương của mình đang gặp: ăn thì ăn cỏ ôi, uống thì uống nước suối bẩn, tự làm phải chịu, oán ai bây giờ! Đêm đến, ngựa con đi tìm gặp mẹ, quỳ xuống hỏi:

-Hôm nay đại gia độc ác chưa từng thấy, đã chẳng cho ăn uống, lại còn đánh đập tàn nhẫn, mẹ một mình ở trên cao chẳng nghĩ đến thân thích, lúc nào đi lại cũng hờn hờ, vui vẻ một mình, trông cao thấy xa như chim hồng, chim học, chẳng lo cho con cháu đang một mình gặp cảnh khôn khổ này.

Ngựa mẹ đáp:

-Đó là cái lỗi của bản thân con, oán trách ai đây? Nếu ông Trưởng giả thẳng yên cương thì con phải chịu để người ta cỡi, thuận theo ý người ta điều khiển đi đây đi đó thì được thương yêu ngay, việc làm này rất dễ, vì con làm ngược lại nên mới bị cái họa ấy.

Ngựa con nghe theo mẹ dạy. Sáng ngày liền làm theo lời mẹ. Ông Trưởng giả đi ngựa, nó an nhiên thuận theo lời người cỡi, bảo đi nó đi, bảo đứng nó liền đứng lại. Ông Trưởng giả rất mừng, con ngựa đã thuần nên cho ăn uống đúng lúc, cùng với ngựa mẹ không khác.

Giả mượn câu chuyện trên là để nêu dụ, ông Trưởng giả là chỉ cho Đức Phật, con ngựa là chỉ cho những người theo học chẳng thọ Phật pháp, tâm ý phóng túng, chẳng theo nẻo giáo hóa của đạo pháp, cho nên phải thuyết giảng kinh giới để họ biết cách đi đứng, tới lui. Nhảy nhót, chạy đi không thể kiềm chế nên phải dùng gậy đánh là diễn dụ cho năm giới, mười thiện, nếu giữ thì được sinh lên ở các cõi trời, người, còn nếu phạm tội thì phải chịu nạn lao khổ trong ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Khổ nạn trong ba cõi, luân hồi qua lại, không một phút được yên. Như chẳng vi phạm điều ác, thọ trì năm giới, mười thiện thì được khai mở chuyển hóa. Thực hành các hạnh, bốn tâm vô lượng, sáu pháp Ba-la-mật, đạt được thân thông thì cùng với mười phương chư Phật được gặp gỡ, tiêu trừ ba độc, khử bỏ các lớp che phủ vây buộc. Ngựa con kia chạy theo ngựa mẹ quý dài thừa hỏi là ý dụ cho việc trước nghe theo lời thầy làm theo phép tắc, thầy thuyết giảng các hạnh nguyện cạn, sâu đều có chủ ý. Cho nên năm giới, mười điều thiện là nhân vì hàng chúng sinh ở cõi trời, người mà nêu giảng. Còn như các pháp không, vô tướng, vô nguyện, sáu độ, bốn đẳng tâm, bốn ân là nhằm đạt đến chỗ không còn sinh tử, không trụ ở cõi diệt độ, chúng được đạo quả chánh chân, dùng thân thông đi khắp ba cõi để độ thoát tất cả chúng sinh.

\* \*

\*

### **Kinh 43: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Tỳ-kheo ni Hiện Biến**

Thuở xưa, thành Xá-vệ có tên là thành Câu-tát. Trong nước có các nhóm phóng đăng, dâm loạn, chuyên làm những việc hung ác, không theo đường ngay thẳng, cả nước lâm vào cảnh hoạn nạn, thật là tàn khốc, đau khổ. Các phe nhóm ấy như cùng đua nhau để làm điều nghịch ác. Quan nha tìm bắt, đuổi chúng đi nhưng không được. Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo-ni trong nước đều cùng đi du hóa, ở bên các gốc cây, tinh chuyên tu tập, tư duy về chánh đạo, tâm chẳng hề xao động. Trong số các Tỳ-kheo-ni ấy, người có trí tuệ hơn hết tên là Sai-ma, người có thần túc bậc nhất tên là Liên Hoa Tiên, ai ai cũng đều có đức hạnh và uy thần lồng lộng. Gặp tiết trời nóng nực muốn tắm rửa, họ cùng đến bên dòng suối. Bọn hung ác từ xa trông thấy liền sinh lòng xấu, ý dâm nổi lên muốn xúc phạm họ. Chúng chờ các vị Tỳ-kheo-ni cởi hết quần áo, vào trong nước tắm rửa thì liền đến lấy quần áo đem để nơi chỗ xa hầu để bề xúc phạm họ. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo-ni thấy bọn chúng có ý xấu xa, trong lòng bà thân nhiên, thương hại cho sự ngu muội của chúng. Nhân đó, mà móc đôi mắt mình để trong lòng bàn tay, bảo cho bọn nghịch ác biết:

-Các người yêu ta chỉ vì ham chuộng sắc diện, nay ta mù rồi thì còn gì đẹp nữa đâu?

Bà lại phơi bày cả ruột, dạ dày... ngũ tạng của thân thể, tay chân cùng các thứ khác bỏ sang một bên và bảo bọn hung ác:

-Này, đẹp ở đó đấy!

Bọn nghịch ác thấy vậy, bỗng nhiên sợ hãi, thấy đời là vô thường, sống trong ba cõi chỉ là sống gởi, thân thể kia là do kết hợp mà thành, máu xương đều chẳng sạch sẽ, không có gì đáng ham muốn. Chúng liền đem quần áo trả lại, cúi đầu ăn năn lỗi lầm vì đã làm điều không hay, trái nghịch không hợp đạo nghĩa, nguyện từ nay bỏ những việc làm gây ra tai họa kia. Chúng lại quỳ gối chấp tay xin thọ năm giới. Đến chỗ Đức Phật, chúng dập đầu sát đất, tự trách tội lỗi ấy, vì mù lòa không biết, bị mê muội lâu ngày nên làm ác nhiều quá, không hay là đời đời phải chịu nhiều tai họa, nguy khốn. Nay mong Đức Đại Thánh ban ân cứu giúp, cảm kích cái đức của vị Tỳ-kheo-ni đã dùng đôi mắt để giáo hóa, bỏ điều tội lỗi khiến tội lỗi nhẹ đi, được gần gũi với đạo giải thoát.

Đức Phật nói:

-Lành thay! Đã xa lìa đường ác, đang thành tựu dần dần, như cây hoa nở đầy cành thì quả trái cũng sum suê, hành động cũng như thế.



Mọi người đều vui sướng cùng xin làm Sa-môn. Đức Phật liền chấp thuận, chỉ dạy thêm:

-Khi đi xuất gia, lấy chánh tâm làm gốc, giữ gìn các căn, các tai ương hoàn toàn dứt trừ, năm thứ che lấp không còn tồn tại, ba độc bị tiêu diệt, làm con cháu Đức Phật, lìa bỏ sinh tử, tự nhiên được thần thông. Như thế mới biết rõ cái ân đức lớn lao của Phật.

\* \*

\*

## Kinh 44: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Cô Độc

Ngày xưa, có một người, lúc thiếu thời cô đơn, khổ cực, một thân một mình dốc sức canh tác trên một mảnh ruộng lớn đúng ra phải có nhiều trâu bò cày, nhờ vậy mà thu hoạch được rất nhiều ngũ cốc, sữa, bơ, đề hồ, vô số rau quả các loại, cung cấp cho người tiêu dùng xa gần, thỉnh thoảng còn cho những kẻ nghèo cùng. Tiếng tăm đức hạnh vang khắp mười phương. Khi ấy, ông thuyết giảng cho mọi người hiểu ý của mình là phải sống cho có bạn có nhóm, còn đơn độc một mình thì không thể có được sự hòa hợp. Mọi người hiểu ý ông nên kéo đến sống cận kề, gia cư ngày càng nhiều, rồi lập nên thôn xóm. Ông lấy vợ, sinh con, con khôn lớn, người thêm đông, người cha đã có tuổi, dạy bảo các con nên thi hành những việc tốt, giữ gìn thân khẩu ý, bố thí ân đức. Nhưng các con đều lâm lạc vì phạm, chẳng theo lời dạy của ông cho rằng cha nay đã già, sao chẳng an phận, những lời dạy đều sai dối, ai mà nghe theo. Người cha buồn bực về đám con, lòng tự nghĩ: “Ta vốn một mình làm nên sự nghiệp, bố thí khắp xa gần, không ai bì kịp, nay bị các con làm loạn thân tâm ta, không nghe lời ta dạy bảo, cảm bằng như không con.”

Đức Phật nói:

-Con người vốn là tốt. Một mình mà trong sáng thì có thể có đem ích lợi cho nhiều người. Phụng trì đức hạnh chân chánh, có sức quan sát hiểu biết tốt, nhưng chẳng hiểu được vạn vật vốn không, tự cho thân mình là có, nhân đó mới sinh ra cái mê lầm của năm ấm, sáu trần, do vì cái mê lầm ấy mà không đến được chỗ chân chánh của Phật đạo. Nếu sau biết rõ mọi vật trong ba cõi đều không thì năm ấm tiêu trừ, ba độc đều diệt, mới đến được với đạo Vô thượng Chánh chân.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*  
\*

## PHẬT NÓI KINH SINH

**Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ**

**Việt dịch: Linh-Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh**

卍

### QUYỂN V

#### **Kinh 45: Đức Phật Thuyết về Chuyện Ông Phạm Chí**

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bây giờ, trời vừa sáng, Đức Thế Tôn mặc y, mang bát đi vào thành Xá-vệ khát thực theo thứ lớp. Vừa lúc đi đến nhà ông Phạm chí thì từ xa ông đã trông thấy Đức Thế Tôn uy đức lồng lộng, các căn tịch tĩnh, an định, tâm ý an nhiên trong lặng, hàng phục các căn, không hề lộ vẻ suy yếu, như mặt trời lên khỏi sườn núi, như mặt trăng tròn đầy sáng ngời giữa các vì sao, như Đế Thích ngự ở cung Dao-lợi, như vua Phạm thiên ở giữa các Phạm chúng, như trên núi cao có tuyết phủ ngút ngàn bốn phương đều trông thấy, như hoa trên cây đang nở tốt tươi, lòng Ngài lắng đọng như nước trong lành, thân tướng hết mực trang nghiêm với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, uy thần rực rỡ không thể kể xiết, nhìn Ngài như thấy mặt trời. Ông Phạm chí liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cùng với quyến thuộc bước lên phía trước để cung kính nghinh đón, đánh lễ ngang chân Đức Phật, rồi thỉnh Ngài ngồi lên giường riêng. Đức Phật ngồi vào chỗ ngồi rồi, ông Phạm chí và vợ, lòng vô cùng mừng rỡ, dọn ra vô số đồ ăn ngon, tinh khiết, tự tay hết lòng dâng cúng. Cơm nước xong, ông nâng bát rửa tay cho Đức Phật, rồi ngồi nơi giường thấp để nghe Đức Phật giảng kinh. Khi ấy, Đức Thế Tôn vì ông Phạm chí và vợ con, đàm nô bộc, tùy tùng của gia đình đó mà thuyết giảng kinh pháp, khai mở tâm ý của họ, chỉ rõ về nghĩa lý nơi các giáo pháp của chư Phật, tùy theo căn cơ của họ mà phân biệt giảng giải về sáu pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ, ứng theo bệnh mà cho thuốc, khiến họ hiểu rõ về bốn chân lý Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khi đó, ông Phạm chí và vợ con, kẻ nô bộc, kẻ tùy tùng, ngay tại chỗ ngồi, đã kịp hiểu về bốn Thánh đế, biết nắm chỗ quan trọng trong lời dạy của Đức Phật, chứng được Thiên nhãn, quy y Phật, Pháp, Tăng, vâng giữ năm giới. Ông Phạm chí liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính đánh lễ và thưa với Thế Tôn:

-Hôm nay, nhờ ân dày của Đức Đại Thánh, làm rõ nghĩa hay nên chúng con đã lãnh hội được, độ thoát các hoạn nạn, tất cả là nhờ sự cứu giúp của Đức Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, như vàng mây lớn lan tỏa khắp hư không, như mưa rơi khắp trời đất, nhiều chỗ được thấm nhuần. Đức Thế Tôn là như vậy, thường lấy lòng đại Từ vô bờ mà rộng nói pháp lớn.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Hôm nay các vị có nghe chính từ miệng ông Phạm chí những lời tán dương hết mực không?

Các vị Tỳ-kheo đáp:

-Vâng thưa Thế Tôn, chúng con đều đã thấy, đã nghe.

Đức Phật nói:

-Hôm nay, ông Phạm chí này cùng với quyến thuộc đều đã thu được lợi ích lớn lao, đầy đủ như thế. Ta ở đời trước đây, cũng đã từng làm cho ông Phạm chí ấy đạt được nhiều lợi ích như vậy.

Đức Phật kể:

-Về thời quá khứ xa xưa, ở thành Ba-la-nại có một vị Tôn giả tên là Sở Thủ, thuộc dòng Phạm chí, trí tuệ thông minh, hiểu biết nghĩa lý, lời lẽ ngôn từ đối đáp luôn dịu dàng thông suốt làm cho vua luôn kính nể, thường được lòng vua. Nước này có nhiều rượu bò đào ngon và đồ ăn thức uống dồi dào nên nhà vua và dân chúng thường ăn uống vui thích. Một hôm nọ, ông Phạm chí bày ra một thuật khéo léo lạ lùng rất là vui vẻ khiến vua ngạc nhiên và vô cùng hoan hỷ nên ban cho ông một đặc ân là ước muốn gì cũng được. Ông Phạm chí tâu với vua:

-Tôi phải trở về nhà hỏi ý kiến vợ xem muốn cầu xin điều gì?

Nhà vua bằng lòng. Ông Phạm chí về đến nhà hỏi vợ:

-Ta làm được thuật lạ, khiến vua hoan hỷ, hứa đáp ứng sở nguyện của ta, vậy bà muốn có được những gì hãy bảo thật với ta đi, vì bà, ta sẽ đem về cho!

Người vợ hỏi:

-Còn ông thì nguyện xin cái gì?

Ông Phạm chí đáp:

-Ta nguyện xin một huyện.

Vợ đáp:

-Thì cứ xin một huyện, ấp đi! Còn tôi thì xin trăm món trang sức như chuỗi ngọc Anh lạc, vòng đeo tay bằng ngọc, y phục đủ loại và cả nô tỳ, sữa, đề hồ, đồ ăn thức uống nữa.

Ông Phạm chí lại hỏi con trai:

-Con muốn cầu xin gì?

Con trai đáp:

-Sở nguyện của con là không phải đi bộ nữa mà được đi xe ngựa, cùng với thái tử và đại thần đi du ngoạn.

Ông lại hỏi con gái:

-Chí nguyện của con muốn gì?

Con gái đáp:

-Sở nguyện của con là muốn được nhiều châu báu để trang sức, quần áo thuộc loại sang đẹp nhất để cho giữa hàng ngàn con gái khác, một mình con nổi bật hơn cả.

Ông Phạm chí lại hỏi đám nô tỳ:

-Muốn cầu xin cái gì?

Kẻ nô bộc thưa:

-Kẻ nô bộc muốn được xe cộ, trâu bò, các dụng cụ để cày ruộng.

Đám hầu hạ thưa:

-Muốn được cối xay, cối giã để giã lúa, nghiền bột là an tâm, vì nếu ông bà, cô cậu không được ăn uống thì chúng tôi chẳng vui vẻ gì.

Bấy giờ, ông Phạm chí trở lại hoàng cung thưa với nhà vua đầy đủ đầu đuôi về những điều cầu xin của đám vợ con, nô tỳ, lại dùng kệ ca ngợi:

Xin đại vương nghe đây  
Sở nguyện đều lạ thay  
Nhà tôi lòng đều khác  
Vợ đòi ngọc đầy tay.  
Trai thì xin xe ngựa  
Gái cầu trang sức hay  
Nô tỳ tôi nuôi dưỡng  
Thì xin ruộng, cối xay.

Nhà vua dùng kệ đáp:

Theo chỗ muốn của ông  
Mà cho chẳng trái lòng  
Khiến Phạm chí khi ấy  
Được vui sướng vô cùng,  
Nhà vua đều cho cả  
Mỗi mỗi theo nguyện mong  
Được đầy đủ như ý  
Lòng đầy nổi vui mừng.

Đức Phật bảo cho các vị Tỳ-kheo biết, vị quốc vương thời đó là bản thân Ngài, ông Phạm chí ngày ấy nay là ông Phạm chí hiện tại, vợ con, đám nô tỳ ngày trước của ông ta thì nay cũng vậy.

Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*

\*

## Kinh 46: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh về Vua Tôi

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại núi Linh thúu thuộc thành Vương xá cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo đều tự nghĩ: “Nhờ uy thần của chư Phật, chư Thiên cảm nhận nên đạt được những điều chưa từng có. Trong khi Đức Thế Tôn thường đem lòng Từ bi thương xót để đối xử với mọi người, thì ngược lại, ông Điều-đạt luôn có ý muốn hại Đức Như Lai. Đức Phật luôn lấy lòng đại Bi để đáp lại ông.” Hoặc có vị Tỳ-kheo nói như thế này: “Đã từng trải qua, lẽ nào Đức Thế Tôn lại không biết tâm địa của ông hung ác, độc hại mà còn cho ông ấy cạo tóc xuất gia.” Hoặc có những vị Tỳ-kheo bảo với nhau: “Đức Phật đã thừa biết tâm địa của ông Điều-đạt là hung ác, nguy hiểm, dối trá.” Hoặc có lời dị nghị rằng: “Có ai cho ông Điều-đạt cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn đâu”.

Đức Phật từ xa đã biết được các vị Tỳ-kheo cùng nhau bàn bạc việc này, nên liền đến đó, nói với các Tỳ-kheo:

-Ông Điều-đạt hung ác kể sao cho xiết, nếu dùng lời thì không có lời nào nêu bày hết. Đức Phật nói tiếp:

-Đúng như thế đây! Như các vị Tỳ-kheo đã nói, ông Điều-đạt ấy thường đem lòng độc ác mưu hại Như Lai. Nhưng Ta luôn đem lòng Từ bi để hàng phục ông ấy, từ nhiều đời quá khứ xa xưa khó kể hết được. Từ đó về sau, Phật đã biết ông Điều-đạt hung ác, tâm địa đầy gian trá, vẫn liên tục đem lòng Từ bi mà hàng phục, cho nên để cho ông ấy làm Sa-môn là muốn cho ông ta tạo dựng, thu nhiếp, lấy đức thiện để làm căn bản. Do nhân duyên ấy mà được xuất gia, được cứu giúp, che chở. Ông Điều-đạt chẳng phải chỉ mới đời nay luôn tìm các phương tiện để bày tỏ lòng độc ác mưu hại Ta và Ta vẫn luôn đem lòng Từ bi hết sức chân thành rộng lượng mà hàng phục ông ấy. Trong quá khứ xa xưa, vô số kiếp về trước, ở thành Ba-la-nại có vị quốc vương hiệu là Đại Do, dùng pháp luật trị nước, không bức bách muôn dân. Nhà vua có vị đại thần tên là Mật Thiện Tài, thông minh đa trí, không điều gì là không biết, danh tiếng đức độ thật xuất chúng, khác thường, không giống với người đời. Tánh tình ông thuần hậu một cách đặc biệt, luôn hòa nhã, an định, không chút lo lắng, thường đem lòng Từ bi thương xót đối với tất cả muôn loài, ý chí luôn mềm mỏng, dịu dàng. Vị vua kia không có lòng thương xót của người Thích tử, chí không từ bi, thường xét nét lỗi của người khác, muốn chinh phục được người, tâm địa hung ác, không một chút tốt đẹp. Khi ấy,

nhà vua cùng với đại thần Mật Thiện Tài gặp nhau, vua Đại Do nói với đại thần:

Người ta phải ăn nói như thế nào thì thu đạt được nhiều an lành, không dẫn đến nguy hại mà còn được ích lợi lâu dài? Rồi vua còn dùng kệ ca tụng:

Ta nói ít, lợi nhiều  
 Chẳng nhận được lâu dài  
 Nhận nhục nên vứt bỏ  
 Mật Thiện Tài nghĩ sao?

Đại thần Mật Thiện Tài dùng kệ đáp:

Đại vương là mầm sâu  
 Lòng thường hay giận hờn  
 Không hại, không sâu giận  
 Đó là hạnh chánh chân.

Nhà vua dùng kệ nói:

Lấy gì được ngủ yên?  
 Làm sao không lo phiền?  
 Lấy gì chỉ một pháp  
 Hạnh mật đến tài lành?  
 Sao Thánh hiền khen ngợi,  
 Đến chết chẳng lo buồn?  
 Ai gánh vác việc ấy,  
 Dứt sầu không lo toan?

Vị đại thần dùng kệ đáp:

Bỏ sâu được ngủ yên  
 Trừ giận hết ưu phiền  
 Gốc độc là giận dữ  
 Đại vương nên biết rõ.  
 Hiền thánh khen điều này  
 Duyên đó không lo lắng  
 Đáp vua dùng nghĩa thẳng  
 Hạnh nhận nhục ngợi khen.  
 Tiêu hủy hết oán hờn  
 Lấy nghĩa ấy đáp lại  
 Khuất phục nhờ phân giải  
 Được tiện không đầy xô



Hung ác đừng thêm vô  
Đứng trên đức bình đẳng.

Đức Phật bảo cho các Tỳ-kheo biết:

-Quốc vương Đại Do lúc ấy là ông Điều-đạt, còn vị đại thần Mật  
Thiện Tài là bản thân Ta. Khi Ta chứng đắc Phật đạo, đã diễn nói đầy đủ  
về gốc ngọn của sự việc này.

Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*

\*

## **Kinh 47: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh về Vua Quạ Ở Nước Câu-tát-la**

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Khi ấy vừa sáng sớm, Đức Thế Tôn khoác y mang bát vào thành khát thực. Quốc vương Ba-tư-nặc có bốn vị đại thần được bổ làm bốn tướng, hiệp với bốn thứ binh mã nhằm đi chinh phục một nước nhỏ ở phương khác. Lúc ấy, bốn vị đại thần từ xa trông thấy Đức Thế Tôn và chúng Tăng, liền đến thẳng chỗ Đức Phật, cung kính đánh lễ nơi chân Ngài rồi lui ra đứng sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi họ:

-Chư vị nhân giả, các vị muốn đi đâu đây?

Các đại thần đáp:

-Vua Ba-tư-nặc sai chúng con dẫn theo bốn binh mã để đi chinh phục một nước nhỏ ở nơi khác. Thừa Đức Thế Tôn, thân chúng con đã vì vua của nước này, góp nhiều công lao để xây dựng với biết bao khó nhọc, nguy hiểm đe dọa đến tánh mạng. Nay chúng con phải đi xa, đi chiến đấu để chinh phạt. Công việc ra đi của chúng con là như thế.

Đức Thế Tôn khen:

-Hay thay! Hay thay! Các Hiền giả thật khó ai sánh kịp, việc làm của các vị cũng thế. Đó là báo ân, thể hiện sự đền đáp, cho dù việc làm chỉ ít thôi nhưng chỗ làm ấy không hề mất. Thân của các vị nhận lấy bổng lộc của vua đương nhiên là phải làm việc. Công việc ấy là tốt đẹp, vì hình thức điều hành rất thận trọng đúng pháp, ắt trở thành kẻ sĩ chân chánh, vừa báo đáp được ân lớn của nhà vua đối với bề tôi, tức thể hiện sự đền đáp qua lại. Các Hiền giả hãy nghe cho rõ, chẳng phải chỉ đời này, các ông mới vì quốc vương mà tạo dựng, thành tựu được nhiều công trạng, khó ai bì kịp, về thời quá khứ xa xưa, ở nước Sa-kiệt, có rất nhiều bầy quạ bay đến tụ tập, dừng nghỉ, trong đó có một con quạ chúa tên là Cam Giá một mình làm chủ cả bầy quạ tám vạn con. Quạ chúa có vợ tên là Cự-lê-ni lúc ấy đang có thai muốn ăn thứ đồ ăn khó kiếm, nên nghĩ: “Muốn được ăn thứ thịt nai chúa”.

Muốn được ăn thứ thịt ấy, nên nó khẩn cầu quạ chúa:

-Nay thân tôi có điều ước nhỏ thế này, là nếu được ăn thịt mềm của nai chúa thì sống, còn không được ăn chắc là phải chết.

Lúc đó, vua nước Sa-kiệt, vì muốn ăn thịt nai chúa mềm ngon nên đã sai thợ săn đi tìm kiếm, hễ bắt được thì đem về dâng vua. Bấy giờ quạ chúa nghe lời vợ, họp bầy quạ lại bảo:

-Các người phải đi đến chỗ quốc vương Sa-kiệt, ở đấy có một con nai chúa hình dáng to lớn tên là Tu-cụ-dạ, đã bị đám thợ săn bắt được, phải lấy được thịt nai ấy đem về.

Khi ấy, bốn con quạ ứng đáp:

-Chúng tôi xin đảm nhận việc đi lấy thịt nai chúa ngon mềm cho quốc vương, chúng tôi không hề tiếc thân mạng, sẽ xin hoàn thành việc này. Đừng cho các con quạ khác đi theo sau chúng tôi.

Thế rồi bốn con quạ nhiều lần bay đến chỗ nhiều người tụ họp đông đảo. Chúng bàn với nhau:

-Dùng phương tiện gì để lấy được thịt đây?

Cùng lúc, sứ giả của quốc vương báo cho thái tử:

-Quạ luôn bay đến, phải lo giữ gìn, đề phòng và đuổi chúng đi xa.

Không được như ý muốn, các con quạ trở về điều động cả bầy quạ đến để nhanh chóng lấy thịt nai chúa đem về.

Người con của quốc vương thấy cả bầy quạ quá đông nên sợ hãi bỏ chạy về tâu với vua, thưa lại đầy đủ sự việc ấy. Quốc vương hỏi:

-Quạ từ đâu bay đến như thế?

Thái tử tâu:

-Con thấy bốn con quạ hình sắc khác lạ, thường thường bay đến vườn nai kia. Con cũng đôi lần đuổi đi, sau đấy bốn con quạ lại xuất hiện với cả bầy đông đảo. Vua Sa-kiệt ra lệnh cho người bên ngoài lo việc bắt quạ. Người thợ săn đem theo chim ưng đến để bắt quạ. Bốn con quạ thấy thế, sợ nguy đến tánh mạng nên lẩn tránh. Do vậy, người thợ săn đến bắt chim ưng về và liền thay đổi biện pháp. Ông quan sát các diễn biến nơi đó, tạo ra cách giăng lưới để bắt quạ. Ông liền bắt sống được chúng dâng lên nhà vua. Lúc ấy, quốc vương Sa-kiệt mắng hỏi bốn con quạ:

-Các người có sao lại hay đến đây xâm phạm cảnh giới của ta?

Bốn con quạ thưa:

-Tâu đại vương, chẳng phải là điều vui thú của chúng tôi, chúng tôi không mong đến nơi này, chỉ vì có một vị vua tên là An Trụ, cùng với tám vạn con quạ là quyền thuộc, vua ấy là tôn sư của chúng tôi. Người vợ của quạ chúa là Cựu-lê-ni đang mang thai nghén, khó ăn uống, đòi ăn cho được thịt nai Tu-cụ ngon mềm nên chúa quạ sai chúng tôi đến đây. Nhận lời chỉ bảo của vua, chúng tôi chẳng tiếc thân mạng, liều mình vào chỗ chết, để dốc sức phụng sự vua, chứ chẳng phải ý nguyện riêng của mình.

Quốc vương nghe được điều chưa từng có ấy, lấy làm ngạc nhiên, lạ lùng. Một đằng thì muốn ăn món ăn không thể kiếm ra được, một đằng thì tự nhận lời chỉ bảo của vua, tìm ra phương kế, chẳng tiếc thân mạng, vì đấng quân vương mà coi thường mạng sống, những việc làm đó hôm nay, thật không có gì sánh kịp, trên đời ít có. Muốn tìm người đòi có sự đền đáp như thế, nghe lời dạy bảo của vua, của cha, hãy còn không thể được, huống gì là loài cầm thú! Loài cầm thú mà biết tuân phụng lệnh vua, thật khó ai bì kịp, khó ai bì kịp, đúng là chưa từng có. Lúc đó, các con quạ vì vua mà nói kệ:

Xin nguyện đại quốc vương  
 Chúng tôi đến Sa-kiệt  
 Vì An Trụ thân thiết  
 Cùng quạ tám vạn con.  
 Lê-ni đòi ăn ngon  
 Muốn có thịt mềm tốt  
 Vườn nai ngài hơn hết  
 Đầy đủ món vua cần.  
 Vua chúng tôi lệnh ban  
 Chúng tôi phụng mạng đến  
 Nếu nhận được quân lệnh  
 Chẳng dám tự tới đây.

Quốc vương bèn nghĩ: “Việc này khó làm được, là việc chưa từng có.”

Rồi quốc vương bảo các con quạ:

-Ta tha tội lỗi của các người, từ lúc này, các người được giải thoát, không còn bị kềm chế nữa.

Đức Phật bảo các vị đại thần:

-Các ông có biết bản thân bốn con quạ thời đó là ai không? Nay là các ông, bốn vị đại thần đó. Còn vua An Trụ kia nay là vua Ba-tư-nặc. Hiện tại quốc vương, các binh sĩ, đại thần, quan lại và các ông đều được an toàn cũng như trước đây các người đem tám vạn con quạ đi và được thoát nạn không gặp nguy hại.

Đức Phật đã thuyết giảng như thế, bốn vị đại thần, binh sĩ, quan lại và các thầy Tỳ-kheo thấy đều vui mừng lãnh hội.

\* \*

\*

## Kinh 48: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Mật Cụ

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo hội đủ. Lúc bấy giờ, có ông Phạm chí bị mê hoặc do tà thuật của ngoại đạo, chẳng tin Phật pháp, muốn làm rối loạn Phật giáo. Ông đang dạo trong thành, từ xa thấy Đức Như Lai đi tới, ghét không muốn nhìn, liền tránh vào nhà khác để ông Sa-môn Cù-đàm không gặp được mình. Khi đó, Đức Đại Thánh rất thương xót ông Phạm chí nên hiện ở trước mặt ông, muốn trốn cũng không xong, muốn chạy đi cũng không sao chạy được, ông đành phải đến chỗ Đức Phật. Đức Thế Tôn vì ông thuyết giảng kinh pháp, ông vui mừng, lòng lành phát sinh, liền xin quy y Phật, Pháp, Tăng, thọ trì giới cấm, đi nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, đánh lễ rồi ra về. Về đến nhà, ông liền lấy đồ đựng đầy mật ong, hai tay bưng đến chỗ Đức Phật và dâng lễ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo đem bát mật đó phân chia đều khắp cho chúng Tăng. Chỉ có một bát mật, Phật và chúng Tăng dùng đầy đủ rồi mà bát mật ấy vẫn còn đầy như cũ. Chúng Tăng liền đem bát mật trao cho Đức Phật. Đức Phật bảo ông Phạm chí:

-Ông đem mật này đổ xuống chỗ nước lớn có nhiều dòng chảy.

Ông Phạm chí hỏi Đức Phật:

-Vì có gì?

Đức Phật nói:

-Vì trong nước có đầy đủ các thứ côn trùng, sâu bọ, sấu, giải, cá, ba ba thấy đều mong có được vị này.

Ông Phạm chí nghe lời, liền đem mật đến đổ vào trong nước, trở lại chỗ Phật, vừa sợ, vừa ngờ, buồn vui lẫn lộn, bồi hồi xúc động. Lúc ấy, Đức Thế Tôn cười vui, từ miệng Ngài đạo hào quang năm sắc phát ra, tỏa lên đến cõi Phạm thiên, chiếu khắp năm đường, soi tỏ tất cả, rồi trở lại nhiễu quanh thân Ngài ba vòng, thọ ký cho Bồ-tát thì hào quang theo đánh đầu vào, thọ ký cho Duyên giác thì hào quang theo miệng vào, thọ ký cho Thanh văn thì hào quang theo khuỷu tay vào, nói phước đức trên cõi trời thì hào quang theo xương sống vào, nói việc thọ thân người thì hào quang theo đầu gối vào, nói về địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh thì hào quang theo chân vào.

Khi đó, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục cho ngay ngắn, đầu gối bên phải chạm sát đất, chấp tay bạch với Đức Phật:

-Đức Phật không cười suông, Ngài cười hẳn là có ý gì?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Ông thấy không, ông Phạm chí đem mật dâng lên Phật, rồi mật ấy đem cho cúng Tỳ-kheo Tăng, vẫn còn thừa đem đổ xuống nước.

Tôn giả A-nan thưa:

-Vâng ạ!

Đức Phật nói tiếp:

-Nay ông Phạm chí hiện tại! về đời sau này trải qua hai mươi kiếp không bị đọa vào đường ác, qua hai mươi kiếp thì chúng được quả Duyên giác, tên là Mật Cụ.

Các Tỳ-kheo thưa:

-Thưa vâng Thế Tôn, chúng con đều thấy ông Phạm chí ấy chỉ dâng một bát mật mà đạt được nhiều lợi ích và chúng được quả Duyên giác.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Ông Phạm chí ấy không phải chỉ mới đời này dâng một bát mật đạt được nhiều lợi ích, mà ở đời trước ông cũng từng làm như vậy.

Đức Phật kể:

-Về nhiều đời trong quá khứ không thể kể xiết, có một người Bà-la-môn đi vào nơi chốn vắng vẻ, tịch mịch, gặp nhiều vị Thần tiên đem lòng kính yêu. Người Bà-la-môn đó nghe người ta nói xưa nay bậc Tiên khó gặp, phải đến mà thưa trình xin gặp, có người bảo phải đem nhiều vật dụng ăn uống, y phục đến ra mắt. Khi ấy, có một Tiên nhân chứng đắc năm thứ thần thông, biết được điều nghĩ trong lòng ông Bà-la-môn, liền từ nơi chỗ vắng vẻ bên gốc cây bay vụt lên không trung và hiện ra trước mắt người Bà-la-môn ấy. Người này thấy vậy vui mừng vô cùng, lòng lành phát sinh, liền trở về nhà lấy đầy một bát mật đem đến dâng trao cho vị Tiên. Vị Tiên nhân nhận mật xong thì bay lên không trung. Do cái duyên thực hiện công đức ấy, nên đời sau làm quốc vương, tên là Mật Cụ. Nhà vua dùng luật pháp chân chính để trị nước nên nước được an ổn lâu dài, sau khi mạng chung thì được sinh lên cõi trời.

Đức Phật bảo cho các vị Tỳ-kheo biết là vị Tiên nhân chúng đắc năm thần thông chính là bản thân Phật, ông Phạm chí lúc đó nay là ông Phạm chí này. Thời ấy, bố thí mật được phước đức làm trời, người, từ duyên ấy đời nay cũng lại bố thí mật cho Đức Phật và về sau chúng được quả Duyên giác. Bảy giờ, Hiền giả A-nan dùng kệ tán dương Đức Phật:

Đức Phật đầy lòng Từ  
Đốc sức độ mọi người.  
Vì trời và nhân thế  
Lo họ ngục không rời.  
Cho nên làm Đấng Thiên Nhân Tôn  
Nơi pháp từ bi tuôn mưa pháp  
Đem tâm hoan hỷ khuyến khích khắp  
Xuất gia vô số sinh cõi trời.  
Nay vượt dứt lợi, người đều lợi  
Nên đều vui lòng quy kính Phật  
Cung kính ân cần tạo nhiều ít  
Mạng chung đã tận gặp nơi an.

Đức Thế Tôn khen ngợi Hiền giả A-nan:

-Lành thay! Lành thay! Đúng như lời Tôn giả đã nói. Lại nữa, này Tôn giả A-nan! Ta đã tạo vô số hạnh nguyện nên mới thành tựu được đạo quả hôm nay. Phật luôn cứu độ chúng sinh như mẹ nhớ nghĩ đến con.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*  
\*



**Kinh 49: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Tạt Tán**

*(Theo một bản khác thì kinh này là kinh thứ năm mươi)*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, có người con trai của một vị Tỳ-kheo-ni xuất gia tu đạo, nhưng ưa tìm đến các nhà thế gian, cùng với đám bạch y tụ tập ăn nói xằng bậy thô tục, hành động bất nhất. Người mẹ lẩm lẩn la rầy:

-Chớ nên như vậy, phải hạn chế sự đi lại. Chỉ nên đi lại khi có các hội thuyết pháp giảng kinh! Không được học đòi theo việc thế tục.

Cha anh ta cũng từng đã la rầy, nhưng người ấy chẳng chịu nghe lời dạy bảo của cha mẹ, cứ vào nhà thế gian gây gổ với nhiều người. Anh ta cùng với bọn ác nhân, bọn chẳng ra gì truy đuổi nhau, chẳng may gặp đám quá hung dữ dùng quyền cước đánh tã toi rồi đem ném xuống nước, nằm yên trong ấy hồi lâu mới vùng vẫy kêu la xin được cứu thoát. Các vị Tỳ-kheo nghe tiếng kêu ấy đã tìm tới cứu được anh ta đem về nhà. Sau đấy, các vị Tỳ-kheo đến thưa với Đức Phật nói rõ đầu đuôi. Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

-Người ấy đâu phải chỉ mới đời này không chịu nghe theo giáo dục của gia đình, có những hành động mê lầm sai trái như thế.

Đức Phật kể:

-Về thời quá khứ xa xưa, có các tổ quạ ở gần gũi với nhà con người, nhiều lần họ đã tò mò dò xét để bắt lấy, nên quạ vợ nói với chồng:

-Không nên làm tổ gần nhà con người, chớ tin nơi họ, nếu không thì ông chỉ nhận thêm bao thứ đau khổ, độc hại thôi!

Con quạ chồng nghe lời vợ nói, muốn rời bỏ nơi này, nhưng lòng còn lưu luyến chẳng thể dứt đi được. Người ta đã nhiều lần đến xâm phạm, quấy phá tổ quạ, vì quạ không chịu bỏ đi nên bị người ta bắt được, nhổ hết lông rồi lấy dây gai cột cổ. Khi ấy, trời có mưa dầm, đường sá lầy lội khó đi mà bay thì không thể được, nên quạ từ từ cố sức lết về đến tổ. Vợ quạ dùng kệ nói:

Ai mà lông tơ trợ

Hôm nay trời mưa dầm  
Lấy dây gai làm áo  
Đứng cửa gọi âm ỉ.

Con quạ cùng kệ đáp:

Duyên số thân ta còn may mắn  
Hôm nay gặp lúc trời mưa to  
Nên mau mở cửa cho ta đẩy  
Đem gấp đồ ăn cứu mạng này.

Vợ quạ dùng kệ nói:

Ta nghĩ thế nào ra thế ấy!  
Người thù dệt đó là vì tham  
Hiểm nguy nay gặp là như vậy  
Sự thật này đây sau phải kham.  
Lời nói của ta, ta chấp nhận  
Đề hồ và sữa đã đầy mâm  
Cầm bằng khổ nhọc tiêu tan hết  
Đến chỗ vắng vẻ sống an nhàn.

Cách chỗ chúng không xa, có một vị đạo nhân Phạm chí là bậc thần tiên, thoáng nghe lời nói ấy nên dùng kệ chỉ dạy:

Không biết quả báo ác  
Là duyên gặp khổ đau  
Do đó chớ tạo tội  
Sẽ không chịu ưu sầu.

Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo:

-Có biết con quạ vợ thời ấy nay là ai không? Chính là vị Tỳ-kheo-ni kia, con quạ chồng chính là người con xuất gia làm Sa-môn, bị đánh đập, còn vị Tiên nhân lúc ấy là bản thân Ta. Ngày xưa gặp nhau, hôm nay cũng gặp lại.

Đức Phật đã thuyết giảng như thế, không ai là không vui mừng lãnh hội.

\* \*  
\*

**Kinh 50: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Lu-đà**

*(Theo Đan bản thì kinh này là bài thứ bốn mươi chín)*

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo mới tu học, là khách từ xa đến nước này, ông ta xin các vị Tỳ-kheo cho làm y trụ, các vị Tỳ-kheo không cho vì thấy ông ta đi đứng không đàng hoàng, cử động không rõ ràng, nếu giao cho ông ấy làm thì công việc sẽ hao hụt mất mát. Thế là ông ta lại đi đến chỗ khác để xin làm công việc ấy. Các Tỳ-kheo kia không chịu hỏi rõ gốc ngọn gì cả liền giao cho ông ta làm y trụ. Vị Tỳ-kheo trước hay được liền đến hỏi:

-Sao ông không hỏi rõ đầu đuôi về anh ta mà lại giao cho làm công việc đó?

Vị Tỳ-kheo này đáp:

-Tôi cho ông ấy làm y trụ vì thấy anh ta có thể tin cậy được, không gian trá, cũng là để giúp việc cho tôi trong những lúc cúng dường, có được một vị Tỳ-kheo đi đứng ung dung từ tốn, cử động không thô bạo, ra vào, tới lui đúng phép tắc, đó là người tốt chứ không phải hạng hung ác đâu?

Vị Tỳ-kheo chỉ riêng sống một mình ít đi ra ngoài. Ông tân học Tỳ-kheo bèn lấy hết y bát rồi bắt ông Tỳ-kheo chủ ấy dùng gậy đánh đập, trói bỏ dưới đất, còn bịt miệng để khỏi kêu la cho người ngoài nghe tiếng và ngay trong đêm đó, hấn ta chạy trốn mất. Trời vừa sáng, các vị Tỳ-kheo nghe tiếng kêu ú ớ, bèn chạy đến cởi trói và hỏi thăm ông. Ông kể hết đầu đuôi sự việc và nhờ các Tỳ-kheo chia nhau đi tìm bắt tên đó, đem y bát về cho ông. Các vị Tỳ-kheo trả lời:

-Chúng tôi đã nói với ông là không nên tin tưởng sai lầm, chớ cho ông ấy làm y trụ, ông không rõ, chỉ tự tin làm theo ý mình, không theo lời bọn tôi, sự việc đã rồi, nay mới thức tỉnh.

Các vị Tỳ-kheo đem việc này thưa đầy đủ với Đức Thế Tôn. Đức Phật bảo:

-Này các Tỳ-kheo, ông Tỳ-kheo ấy chẳng phải chỉ mới đời này mới bị kẻ hung ác kia chiếm đoạt của cải vì chẳng rõ gốc ngọn, vì đã tin tưởng sai lầm nơi kẻ khác, hễ đã gặp gỡ là ông liền bị xâm đoạt.

Đức Phật kể:

-Thuở quá khứ, có ông Phạm chí tên là Thảo-lư-đà dùng xe chở đồ sành sứ, xe có cửa nẻo chắc chắn, đang đi trên đường cái, từ xa trông thấy một đừa tở trai đứng ven lối đi. Tên này nhìn thấy ông Phạm chí dần dần đi tới chỗ mình, thì sinh tâm xấu muốn cướp đoạt tài sản. Vừa mới gặp nhau là ông Phạm chí tin hẳn liền. Ông nghĩ: “Người này thấy ta nên tìm đến để phụng sự, giúp đỡ, vậy là có thêm kẻ cộng tác, thêm kẻ thân thích cho ta.” Ông Phạm chí liền dùng kệ nói:

Người ở ngã tư đường  
 Dáng dấp phản phúc chẳng?  
 Người chưa biết gốc ngọn  
 Chẳng lựa chọn tỏ tường  
 Người đi đường thấy đây  
 Hạnh pháp sửa sạch trong  
 Không có điều hung ác  
 Giúp việc ta đảm đang.

Lúc ấy, các Phạm chí khác, bạn đi cùng đường đều nói:

-Chớ tin dùng người ấy, nếu không nó sẽ lừa dối ông rồi đoạt hết của cải của đồ vật đây!

Họ dùng kệ nói:

Phạm chí không nên vừa gặp người  
 Ở giao lộ chớ vội tin ngay  
 Mắt thì láo liên, mặt trơ tráo  
 Nhất định đánh đập, cướp của người.

Ông Phạm chí nghe kệ nhưng không tin lời bạn, ngược lại đi tin đừa tở giặc, chưa có được lợi gì trong chuyện giúp đỡ, cung cấp việc ăn uống, thì đến nửa đêm trời tối không ai thấy gì, tên tở kia liền chạy đến đánh đập ông Phạm chí, gây thương tích ở chân và đầu gối khiến ông hoa mắt nằm ngã lăn dưới đất, tên kia đoạt hết của cải rồi trốn đi. Mất hết của cải, lại bị thương ở đầu gối, ông Phạm chí Thảo-lư-đà nằm lăn dưới đất khóc lóc như một đừa trẻ, than oán, kêu gào. Có một vị trời tên là Tịnh Tu Phạm Hạnh dùng kệ nói:

Kìa cầu lợi cầu tài  
Mà hành động xót vay  
Tự chuyên mà thu nhận  
Sự trưởng chẳng nghe lời.  
Đều phải gặp khổ nạn  
Như Phạm chí kia thôi  
Tin người, chẳng thận trọng  
Tội Phạm chí, phải rồi!

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Ông Phạm chí Thảo-lu thời đó nay là ông Tỳ-kheo đã giao cho ông tân học Tỳ-kheo làm công việc y trụ đây. Còn ông Tỳ-kheo lòng độc ác, dựa vào việc y trụ để cướp đoạt là tên ác nô đã cướp đoạt tài sản của ông Phạm chí. Các ông Phạm chí khác khuyên can ông Phạm chí lúc đó nay là các vị Tỳ-kheo gạn hỏi ông Tỳ-kheo bị nạn, còn vị trời Tịnh Tu Phạm Hạnh nay là bản thân Ta. Ngày đó gặp nhau, ngày nay cũng gặp nhau.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\* \*

\*

## Kinh 51: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Khổng Tử

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Các vị Tỳ-kheo đều cùng nhau hội họp, khen ngợi và nhớ nghĩ về Đức Thế Tôn đã làm được việc chưa từng có. Đó là một con người xuất hiện ở đời hiệu là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, đã diệt trừ, phá bỏ tất cả các học thuyết ngoại đạo khác, khiến chúng trở nên mờ tối, không còn sáng rõ được nữa. Khi chưa có Đức Phật thì chúng được mọi người cúng dường hết sức đầy đủ về các thứ y phục, đồ ăn uống, giường nằm không hề thiếu thứ gì. Từ khi Đức Phật xuất hiện ở thế gian, thì rõ ràng là đám ngoại đạo kia lời nói chẳng đi đôi với việc làm.

Đức Phật dùng thiên nhĩ thông, từ xa nghe được lời bàn luận của các vị Tỳ-kheo, Ngài liền đến đó hỏi các vị ấy là đang bàn bạc về việc gì. Các vị Tỳ-kheo thưa đầy đủ với Đức Phật:

-Chúng con tụ hội lại bàn về việc Đức Bình Đẳng Chánh Giác vừa xuất hiện ở thế gian thì các học thuyết ngoại đạo khác liền bị chìm khuất, trở nên mờ tối hẳn, không còn trở lại vẻ sáng như trước.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

-Khi Ta chưa xuất hiện ở đời thì các học thuyết ngoại đạo thịnh hành, nổi bật, như không có mặt trời, mặt trăng thì đuốc lửa là sáng, nhưng khi mặt trời, mặt trăng vừa xuất hiện thì ánh sáng của đuốc lửa hầu như không còn sáng. Nay Phật đã có mặt ở đời, các loại học thuyết kia đều bị đẩy lùi hết, không còn uy lực để tỏa sáng nữa, chỉ còn mỗi ánh sáng giác ngộ của Phật tỏa chiếu không đâu là không soi tới. Các vị Tỳ-kheo nên biết, chẳng phải chỉ mới đời này mới có cái hạnh thù thắng xuất chúng như thế, mà đời trước cũng vậy, thật là giáo pháp chưa từng có.

Về đời qua khứ xa xưa, có một nước lớn ở vùng biên địa phương bắc, tên là Trí Huyền. Người dân nước Trí Huyền đem quạ đến nước Ba-già-lê, vì ở trong nước ấy không có loài quạ này, mà cũng không có loài chim nào lạ đẹp hơn nữa. Khi người dân nước Ba-già-lê thấy người ta đem quạ đến thì hết sức vui mừng, cảm thấy thích thú vô cùng, bèn nuôi dưỡng, chăm sóc đầy đủ, cho chim ăn uống bằng nhiều loại trái cây. Ngày tháng qua đi, tin tức này loan truyền, các con quạ ở phương xa hay được, kéo nhau đến tụ hội rất đông, không kể xiết. Cả nước đều lo nuôi dưỡng chăm sóc và trọng vọng chúng. Đến lúc có một khách buôn từ

nước khác mang đến ba con công, dân chúng trông thấy cái vẻ đẹp khác lạ, nổi bật vì điệu của loài chim này, cả lông cánh cũng đặc biệt, dáng đi thì dịu dàng, thanh nhã, thật chưa từng có, lại cùng nghe tiếng kêu của nó, nên ai cũng vui mừng hơn hờ gấp ngàn ức vạn lần trước đây. Thế là mọi người bỏ mặc lũ quạ không còn ai nuôi nấng chăm sóc. Lũ quạ ấy không còn uy lực rõ ràng, bỗng nhiên mất hết vẻ hấp dẫn, Như mặt trời mọc thì đuốc lửa bị lu mờ. Không còn ai để ý đến lũ quạ nữa, mọi người đều yêu thích, quý trọng các con công, nhìn ngắm chúng không biết chán, tất cả những vật dụng trước đây dùng để nuôi dưỡng chăm sóc lũ quạ, họ đều mang đến hết để dốc sức phục vụ cho các con công, kính trọng tự theo về với công, lũ quạ đều biến mất không biết đi đâu. Khi ấy có vị trời dùng kệ tụng rằng:

Khi mặt trời chưa hiện  
 Lửa đuốc rực sáng ngời  
 Lũ quạ được nuôi dưỡng  
 Trái cây cùng nước uống.  
 Do đây đủ tiếng tăm  
 Mặt trời mọc trên cao  
 Đồ dưng lũ quạ này  
 Tới đây không còn nữa.  
 Thù thắng nên chọn lựa  
 Thờ không phân thấp cao  
 Khi tôn trưởng hiện vào  
 Ti tiên mất thờ kính.

Lúc ấy, Hiền giả A-nan dựa vào lời dạy của Đức Thế Tôn, lòng đầy hớn hờ, làm bài kệ khen:

Như Phật không ra đời  
 Đạo sư không đến nơi  
 Thì Phạm chí ngoại đạo  
 Được cúng dường khắp thời.  
 Nay lời Phật vang dậy  
 Giảng đạo pháp sáng ngời  
 Các dị học ngoại đạo  
 Mất hẳn cúng dường rồi.

Đức Phật bảo cho các vị Tỳ-kheo biết:

-Con công thời ấy là bản thân Ngài, lũ quạ là các đám dị học ngoại đạo, vị trời dùng kệ bày tỏ nay là Tôn giả A-nan.

Đức Phật nói:

-Khi đó ở đời, tuy Ta thuyết giảng kinh pháp nhưng chưa trừ hết ba độc, sinh lão bệnh tử chưa thể dứt sạch hoàn toàn, rồi nhờ tịnh tu phạm hạnh diệt trừ hết mọi thứ phiền não cấu nhiễm, cho đến nay Như Lai thị hiện nơi thế gian, thành tựu đầy đủ Bạc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hành Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Thiên Nhân Sư, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, hiệu Phật Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp trọn vẹn rốt ráo, tịnh tu phạm hạnh, xa lìa bụi bặm cấu uế, diệt trừ tham dâm, giận dữ, si mê, sinh lão bệnh tử, một mình qua lại trong ba cõi, không còn sợ hãi, hàng phục bọn tà thuyết ngoại đạo, không ai là không quy phục, tất cả đều đội ân cứu độ.

Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, không ai là không vui mừng lãnh hội.

\* \*

\*



## Kinh 52: Đức Phật Thuyết Giảng về Kinh Bát Kiếp Tiên Nhân

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại núi Linh thú thuộc thành Vương xá cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ, ông Trưởng giả Cẩm Tận Thủ đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất đọc tụng kinh pháp. Khi trở về nhà, ông chán cảnh sống ấy nên xuống tóc xuất gia làm Sa-môn, nhưng chưa chứng được quả A-la-hán, dù mọi việc ông làm đều đầy đủ. Các vị Tỳ-kheo đến gặp Đức Thế Tôn, thưa:

-Nay chúng con xét thấy ông Cẩm Tận Thủ luôn thể hiện sự cung kính trong việc nghe thuyết giảng giáo pháp, giới luật rồi sau đây thì xuất gia làm Sa-môn, là hàng trí nhiều, biết rộng, giảng giải không biết bao nhiêu là kinh pháp, lời lời lưu loát, câu cú tế nhị nhưng tâm thiền định đầy động nên ông trở lại nhà. Thưa Thế Tôn, như vậy nên ông chưa chứng được quả A-la-hán, không căn cứ, không gắn bó với giáo pháp, nên ông chưa thành tựu được sự tu tập để thấy rõ nẻo sinh tử luân hồi, không được giải thoát, như Đức Phật đã dạy: Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác luôn đạt được mọi sự an ổn.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Việc.ấy có gì đâu là lạ! Ta đã thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh chân, là Bạc Tội Chánh Giác, còn ông Cẩm Tận Thủ thì phải nhờ Tôn giả Xá-lợi-phất chỉ dạy hóa độ cho mới vượt khỏi bốn nẻo khổ hoạn. Ta ở nơi đời khác đã từng đem thân phàm phu giảng nói kinh pháp rộng khắp, hóa độ mọi người thoát khỏi lao khổ, đó mới là điều hết sức đặc biệt.

Đức Phật kể tiếp:

-Thuở quá khứ xa xưa, có một vị Tiên nhân tên là Bát Kiếp, tu chứng được năm thứ thần thông. Bấy giờ, quốc vương đem lòng yêu kính hết mực đối với vị Tiên nhân Bát Kiếp. Tiên nhân hay dùng thần thông bay tới cung vua, được quốc vương cúng dường đầy đủ, ban cho tất cả, luôn được ngồi bên vua, ngày nào cũng vậy. Nhà vua cung phụng vị Tiên nhân này đủ điều, rải tóc bên đường cho Tiên nhân đi qua, tự tay bưng dâng rót mời hàng trăm món ăn uống, trải qua nhiều năm, việc cúng dường ấy thật là vô hạn. Lúc đó, nhà vua có một việc nhỏ phải đi xa. Nhà vua có một người con gái đoan chánh, xinh đẹp, trên đời ít có, vua thương yêu quý trọng vô cùng. Nàng chưa có chồng, nhà vua bảo con gái: “Con có thấy ta không? Ta cúng dường vị Tiên nhân, luôn phụng sự ân cần, chẳng dám trái ý”.

Người con gái thưa:

-Vâng, con đã thấy.

Nhà vua bảo con:

-Ta có việc phải đi xa, con ở hoàng cung lo chuyện cúng dường bậc ấy, cũng phải theo đúng những việc như ta đây, chớ nên làm mất lòng!

Khi đó, vị Tiên nhân từ trên không trung bay xuống đi đến cung vua, người con gái thấy vị Tiên nhân tới liền đưa tay cao lên chào và mời ngồi vào tòa ngai. Ông vừa chạm tay, cảm thấy thân thể người con gái mềm mại, liền khởi ý dục, ý ấy vừa phát khởi thì lửa ái dục bùng bùng nên bị mất thần túc, không thể bay đi được. Ông bèn tư duy, thiên định rồi kinh hành, mong muốn phục hồi thần túc nhưng không thể được. Lúc đó, vị Tiên nhân thấy con gái của quốc vương, ý tham dục dấy lên, không thể kiềm chế, ông liền đi bộ ra khỏi cung. Việc này lan truyền khắp nơi, không ai là không nghe biết, do đó vô số người tụ tập lại xem. Nhà vua thực hiện các công việc đã xong, hay được vị Tiên nhân đã không còn tâm vô dục mà rớt vào trong vòng ân ái nên mất cả thần túc, không thể bay đi được. Vào lúc đêm tối, nhà vua một mình tìm đến gặp vị Tiên nhân, cúi đầu làm lễ và đọc bài kệ tụng:

Ta nghe Đại Phạm chí  
Tham dục đều chết mau  
Làm theo ai dạy bảo  
Nhiễm sắc dục do đâu.

Tiên nhân Bát Kiếp dùng kệ đáp:

Ta thật với đại vương  
Nhu đã nghe lời Thánh  
Tà bậy nên lạc đường  
Lời ta ngài xa lánh.

Nhà vua dùng kệ hỏi:

Có tuệ lực không xét  
Và nghĩ điều dữ lành  
Giả sử lòng phát dục  
Không thể lại tịnh thanh.

Vị Bát Kiếp Tiên nhân lại dùng kệ đáp:

Ái dục mất nghĩa lợi  
Lửa dâm nung cháy lòng  
Hôm nay nghe vua nói  
Ái dục dứt cho xong.

Khi được quốc vương nêu bày chỉ dẫn, vị Tiên nhân cảm thấy xấu hổ, lòng nghiêm khắc tự trách, ngày đêm tinh tấn, dốc sức tu dưỡng, chẳng bao lâu đạt được thần thông trở lại.

Đức Phật bảo cho các Tỳ-kheo biết:

-Vị Tiên nhân Bát Kiếp lúc đó nay là Tôn giả Xá-lợi-phất. Còn vị quốc vương ấy là bản thân Ta.

Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, không ai là không vui mừng lãnh hội.

\* \*

\*

### **Kinh 53: Đức Phật Thuyết Giảng về Chuyện Cha Con Ông Thanh Tín Sĩ A-di phiến-trì**

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị

Bấy giờ, có một vị Thanh tín sĩ sinh được một người con trai thông minh, trí tuệ, giỏi biện tài, không gì là không làm được, hoặc tham bác lãnh hội, luôn có tinh thần tự lập, không hề biếng trễ, sáng suốt đặc biệt tuyệt vời. Ông còn biết phát huy sự lợi ích trong việc buôn bán của gia đình nên đã thu đạt được nhiều của cải quý giá, lại biết phụng dưỡng cha mẹ. Đức Phật dùng oai thần hộ trì, chư Thiên luôn bảo vệ, cũng như vô số người đã thương yêu kính trọng ông. Nhưng ông không thể hợp ý với cha mẹ, do đó người cha không thương tưởng tới ông, thường ghét bỏ, hễ gặp là thường xua đuổi ông ra khỏi nhà, đôi khi còn dùng cả gậy gộc nữa. Không thể chịu đựng nổi, ông bỏ sang nước khác. Ở nơi đất lạ, ông làm nghề buôn bán để sinh sống. Làm ăn phát đạt vì chẳng để mất thời cơ thuận lợi, chẳng hề bỏ bê sự nghiệp nên dành dụm được nhiều của cải quý giá. Ông Thanh tín sĩ kia, nghe con mình làm ăn khá giả bèn sai người đến gọi về, người con chẳng chịu nghe lời cha. Ông Thanh tín sĩ lại sai người đi nữa, dặn họ là nếu bảo không về thì tìm cách đem của cải về. Những người đi đã ân cần khuyên can người con nhưng người con nhất định không chịu nghe theo. Ông nói nhấn với cha mình:

-Cha đã làm khốn khổ con không thể kể hết, nay lại sai người đến khiến con trở về, con không thể nghe theo được.

Ông Thanh tín sĩ cũng khó lòng tự mình đi tới đó, nên ông đến trước chúng Tỳ-kheo tự nêu bày cái ý của mình, đại khái là người con kia có cái bệnh là không chịu thuận theo lời của cha mẹ. Các vị Tỳ-kheo thừa lại đầy đủ với Đức Phật việc này. Đức Phật bảo:

-Ông cư sĩ ấy chẳng phải chỉ đời này mới cùng với con mình luôn có sự bất hòa mà đời trước cũng vậy. Người con đó phước đức thù thắng khác thường, chỉ có làm nên sự nghiệp chứ không hề có sai trái, thất thoát, thế mà lại không vừa được lòng người cha. Các vị Tỳ-kheo hãy xem sự việc ấy, người con trai kia trí tuệ hết sức đặc biệt, đức hạnh thật không lường nhưng lại không thể thuận theo ý của người cha, không muốn nghe tiếng nói của cha mình mặc dù vẫn luôn nhớ nghĩ tới ông ta.

Đức Phật kể.

-Thuở quá khứ xa xưa, có một người tên là A-di-phiến-trì làm nghề dạy khi. Ông dạy cho khi về các cách thức cử động, đi đứng, các kỹ thuật đùa cợt để làm vui lòng cho người dân tới xem. Do kỹ thuật điều khiển khi ấy mà vô số người yêu thích, xa gần đều kéo tới xem biểu diễn, nhờ đó, người này thu được nhiều tài lợi. Ông A- di-phiến-trì kia, trước sau đều nhờ vào con khi mà được nhiều của cải, nhưng lại hay dùng roi gậy đánh nó rất dữ. Qua ngày khác, ông ta đem con khi vào trong thành, trói chặt nơi trụ cây dùng roi gậy đánh đập rất tàn nhẫn, muốn hủy nhục, không chế con vật. Nhân khi thoát được, con khi lặng lẽ chạy trốn vào trong núi, một mình ở nơi thanh vắng gần bên cạnh vị Tiên nhân, nương theo vị ấy mà trú ngụ yên ổn. Con khi hay hái trái cây dùng cúng dường vị Tiên nhân và dùng để ăn. Ông A-di-phiến-trì nghe biết con vật chạy đến ở chỗ vắng vẻ trong núi nên sai người tìm tới gọi nó về. Con khi không chịu nghe lời và nhăn vó với ông rằng:

-Tôi nay nghĩ lại sự tàn độc của ông đối với tôi trước đây, thật là thống khổ không lường. Không rõ đời trước cha ta làm gì nên tội mà nay ta phải gặp lắm khổ nhục không thể nói hết, đến nỗi phải chạy trốn vào trong núi.

Ông A-di-phiến-trì đích thân đến gọi con khi, nói:

-Hãy trở về nhà đi!

Con khi lặng thinh, không chịu theo lời. Vị Tiên nhân bảo với ông ấy:

-Nên để yên nó đó.

Ông đáp:

-Tôi xin để yên.

Vị Tiên nhân nói:

-Không nên cưỡng bắt mà phải khéo léo dụ khuyển nó rồi sau mới đem đi được. Nếu muốn cưỡng ép nó, chắc chắn là không thể được.

Người kia đáp:

-Nếu dùng hết cách mà nó chẳng chịu đi thì ta phải lập kế. Ông liền dùng kế nói:

Người, đưa con hiền lành  
Như nai dưới lá cành  
Theo nhờ bóng cỏ thụ  
Đói khát khỏi lo quanh.  
Con khi dùng kệ đáp:  
Bất nhân sinh cùng ta  
Ta tự biết tánh ý  
Từ đâu mà nghe thấy  
Con khi là nhu hiền.  
Xét nhiều mặt thấu đáo  
Chưa từng có nghĩ tới  
Nếu lòng tà đã lớn  
Trợn không thể ngăn ngừa.  
Ta nay nhớ chuyện xưa.  
Ông A-di-phiến-trì  
Đem ta vào thành thị  
Cột vào cọc đánh đau.  
Đến nay chẳng quên đau  
Roi vọt ta khổ hại  
Ta giờ được tự tại  
Không để ông hại nữa.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo biết:

-Con khi của ông A-di-phiến-trì lúc đó nay là người con trai thông tuệ của ông Thanh tín sĩ, ông A-di-phiến-trì nay là phụ thân của người con trai đó, còn vị Tiên nhân kia chính là bản thân Ta.

Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

\*\*

\*

## Kinh 54: Đức Phật Thuyết Giảng về Kinh Phu Thê

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, ông Thanh tín sĩ-với người vợ đoan chánh, xinh đẹp, đi đứng đàng hoàng, uy nghi, đức hạnh không ai sánh kịp, lại thông minh trí tuệ, ngôn ngữ biện tài, nói chung là có rất nhiều điểm xuất chúng, được mọi người kính yêu. Trong khi đó thì người chồng không quý trọng vợ mình, lại còn ghét bỏ, không vui thích, chẳng muốn gặp gỡ, trái lại, đi lấy người tớ gái làm thiếp, kính trọng thương yêu bà ấy. Người vợ thấy chồng mình thay lòng theo kẻ dưới, chẳng hòa hợp nên nói với chồng:

-Nếu như ông không còn cùng với tôi vui thích thuận hợp thì ông nên cho tôi xuất gia theo đạo làm Tỳ-kheo-ni.

Bà đã nhiều lần nêu bày như thế nên người chồng đồng ý. Bà liền xuất gia, theo đạo, làm Tỳ-kheo-ni, ngày đêm tinh tấn tu tập, không bao lâu đã chứng quả A-la-hán. Thời gian sau này, người đàn bà mà ông Thanh tín sĩ kia yêu thương đã trở về với nẻo vô thường thì ông ta tìm tới chỗ người vợ trước nay đã là Tỳ-kheo-ni, gọi bà ấy hãy trở về với ông. Vị Tỳ-kheo-ni chẳng chịu theo ý người chồng cũ, bảo:

-Tôi đã xuất gia tu hành thì đã là người khác rồi, hơn nữa, đời sống cũng đã thay đổi, tội phước không thể cùng chung.

Lúc đó, các Tỳ-kheo-ni hay được liền tới bạch với Đức Thế Tôn, nói rõ đầu đuôi sự việc. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Ông Thanh tín sĩ đó đời trước đã từng hủy nhục người có đức hạnh ấy, chẳng phải chỉ đời này mới làm thế. Lại nữa, người đàn bà ấy đời đời có đức hạnh, có cái chí thù thắng đặc biệt, còn người đàn ông đó thì lại luôn tìm cách hủy hoại, làm loạn động bà ta. Nay thì bà ấy đã bước vào được con đường lớn, lại muốn hủy hoại bà ta, thì chắc chắn là không thể theo đúng ý muốn.

Đức Phật kể cho các vị Tỳ-kheo nghe:

-Về đời xa xưa kia, có một ông Phạm chí, vợ tên là Liên Hoa, dịu dàng, đẹp đẽ, diện mạo xinh tươi như thế là vào bậc nhất, trên đời ít có,

đức hạnh như thế thật không ai bì kịp. Ông Phạm chí có một người tớ gái giúp việc, ông luôn gần gũi thuận kính người tớ gái ấy mà không yêu chuộng người vợ Liên Hoa của mình, đã không thích gặp người vợ mình mà còn nghe lời người tớ gái, đem vợ ra khỏi nhà, đi tận vào trong núi. Ở đây, ông leo lên cây Ưu-đàm-bát lựa trái chín hái ăn, còn bỏ trái xuống cho vợ. Vợ ông hỏi:

-Tại sao một mình chàng ăn những quả chín, còn quả sống thì bỏ xuống cho tôi?

Người chồng đáp:

-Muốn ăn quả chín, sao không tự leo lên cây để tự chọn lấy? Vợ đáp:

-Chàng không cho tôi quả chín thì thôi!

Rồi theo lời chồng, người vợ liền leo lên cây, người chồng thấy vợ đã leo lên cây thì ở nơi gốc cây dùng các thứ gai góc rào kín hết bốn bên để vợ không xuống được, rồi bỏ đó mà đi, muốn vợ phải bị chết. Lúc ấy, quốc vương và các đại thần cùng đi săn bắn, ngang qua gốc cây ấy, trông thấy người đàn bà kia vô cùng xinh đẹp, dung mạo thù thắng khác thường, hiếm có trên đời, vua liền đến hỏi:

-Nàng là ai? Từ đâu lại đến đây?

Người vợ kia đem cái biến cố của mình kể rõ đầu đuôi cho vua nghe. Nhà vua thấy người đàn bà này có tướng nữ hoàn hảo, không chút dấu vết thô xấu, lòng tự nghĩ: ‘Tên Phạm chí ấy thật là ngu si, không có trí, không phải là hàng trượng phu nên không vui thích kính yêu người đàn bà này.’ Nhà vua liền cho người đẹp bỏ gai góc rồi đem nàng đi theo, về đến hoàng cung, vua lập nàng làm vương hậu. Vị vương hậu ấy thông minh, có trí tuệ, biện tài không ai sánh kịp mà còn biết chơi sư bò và sử dụng sáu phương thức vui chơi, sách vở giải thích rất thông thạo nên đám nữ nhân xa gần đều đến đây vui chơi, lần nào vương hậu cũng thắng cả, không ai đương nổi. Bấy giờ, ông Phạm chí từ xa nghe được vị vua kia có vị hoàng hậu xinh đẹp, lại giỏi về cờ bạc vui chơi, ai đến đánh, vương hậu đều thắng cả, mọi người đều quy phục, không ai thắng được, lòng ông tự nghĩ:

-Có lẽ đây là người vợ trước của ta, không thể là ai khác được, vì bà ấy rất rành về môn vui chơi đó!

Hơn nữa ông Phạm chí này cũng là một tay rất giỏi về lối chơi này nên tìm đến nhà vua để biểu diễn tài nghệ của mình. Khi đó, bà vợ vua



nghe có một ông Phạm chí hình dạng như thế với dáng dấp cao thấp, đẹp xấu thì liền nghĩ:

-Đó hẳn là người chồng trước của ta.

Ông Phạm chí đến cửa vương cung, nhà vua liền ra gặp, rồi cho ông thi thố tài nghệ từ xa với người hầu tên là Xi. ông Phạm chí dùng kệ nói:

Tóc mượt dài tám thước  
Mây ngài đẹp như tranh  
Dịu dàng vào bậc nhất  
Nhớ trái chín trên cành.

Vương hậu dùng kệ đáp:

Khi trước với tỳ thiếp  
Lòng người đã ưa nàng  
Kính trọng là hơn hết  
Cướp lấy là nhất chằng?

Ông Phạm chí lại dùng kệ nói:

Sống an nhàn cung vua,  
Voi tốt đạo thông dong  
Nơi ấy cùng vui vẻ  
Có nhớ trái chín không?

Vương hậu dùng kệ đáp:

Một mình ăn trái chín  
Trái sống bỏ cho người  
Đó là nhân duyên trước  
Phạm chí giỏi cướp thôi.

Ông Phạm chí lúc ấy hối hận, nghiêm khắc tự trách nhưng sự ăn năn ấy đã quá muộn.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Ông Phạm chí thời đó nay là ông Thanh tín sĩ ấy, còn vị quốc vương kia chính là bản thân ta. Thời bấy giờ, ông Phạm chí đẩy khởi sự rối loạn trong gia đình mình, ngày nay cũng như vậy.

Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

## **Kinh 55: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Thí Dụ**

Về thời quá khứ, trải qua vô số kiếp, có một người đàn bà cô độc làm nghề bán dầu mè. Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo theo sự hứa cho của bà, ngày ngày đến lấy dầu mè về thắp đèn cho Đức Phật. Trải qua nhiều năm, về sau Đức Phật thọ ký cho vị Tỳ-kheo ấy:

-Ông sau này sẽ thành Phật.

Chư Thiên, quốc vương và dân chúng đều đến chúc mừng vị Tỳ-kheo. Vị ấy nói:

-Tôi xin nhận lấy cái ân này.

Người đàn bà cô độc bán dầu kia nghe vị Tỳ-kheo được Phật thọ ký liền đến chỗ Phật, thưa với Ngài:

-Vị Tỳ-kheo ấy thắp đèn bằng dầu của con cúng dường, xin Đức Phật thọ ký cho con nữa.

Đức Phật nói:

-Khi vị Tỳ-kheo ấy thành tựu quả Phật, bà hãy theo Đức Phật ấy mà xin thọ ký.

Đức Phật nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

-Vị Tỳ-kheo khi đó là Đức Phật Đề-hòa-kiệt, còn người đàn bà cô độc bán dầu kia là bản thân Ta.

Thuở xưa, ở nước Duy-da-ly có một vị Trưởng giả nghe Đức Phật đến du hóa liền tìm tới chỗ Phật, cúi đầu làm lễ nơi chân Ngài, rồi thưa:

-Ý con muôn thỉnh Phật về nhà con an cư ba tháng.

Đức Phật lặng thinh chấp nhận, bèn mang y, cầm bát đến nhà ông Trưởng giả. Những người khác không thỉnh được Đức Phật, liền sinh lòng tức giận, có ý đồ muốn hại vị Trưởng giả. Họ hẹn ngày giờ đem đám tay chân tới vây quanh nhà ông nhiều lớp. Ông Trưởng giả sợ quá nên hết lòng niệm Phật, không nghĩ tưởng đến chuyện khác. Đức Phật đã vì gia đình ông mà thuyết pháp với bao lời chỉ dạy quan trọng khiến vị Trưởng giả và quyến thuộc đều chứng được pháp nhãn Bất khởi. Đức Phật từ tòa ngồi đứng dậy, ra thuyết giảng với đám người bên ngoài. Ngài nói về cái quả báo đau khổ do sự tức giận tác hại, ngợi ca phước đức của sự từ ái, hòa nhã. Từng ấy lời giảng dạy cốt yếu đã làm cho mọi người lòng dạ cởi

mở, khiến cho đến tám vạn bốn ngàn người phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các vị Tỳ-kheo thưa với Đức Phật:

-Ở đại hội này, mọi người gặp được Phật khiến cho tâm ý được cởi mở, đó là sự gặp gỡ tình cờ hay là do nhân duyên từ trước?

Đức Phật nói:

-Nay ở chúng hội này, trong một lúc đã được hóa độ là đều do đời trước đã có nhân duyên với Đức Phật.

Các Tỳ-kheo thưa:

-Nguyện xin Đức Phật nói rõ đầu đuôi về việc đó để cho người nghe được tăng thêm công đức. Đức Phật kể:

-Thuở xưa, có một nước ở gần biển lớn, nhà vua tên là Tất- hòa-đạt luôn đem lòng nhân từ trị nước, xem dân chúng như con. Lúc đó, trong nước gặp đại hạn, ba năm liền không mưa, khiến dân chúng đói khát. Nhà vua triệu đạo sĩ Phạm chí vào cung hỏi:

-Trời có mưa được chăng?

Đạo sĩ chiêm quẻ rồi nói:

-Phải đủ đến mười năm thì mới có mưa.

Nhà vua nghe lời ấy, lo sợ muôn dân chết hết nên ưu sầu chẳng vui Vua nghĩ:

-Phải có phương kế gì để cứu vớt muôn người. Hay là ta hy sinh thân mình để cứu chúng sinh.

Nghĩ ngợi xong, vua liền trai giới thanh tịnh, chấp tay hướng lên mười phương mà nguyện:

-Trẫm trước sau đã làm các điều thiện, như có được phước báo thì nguyện sinh vào trong biển làm con cá thân thật lớn để dùng thịt cung cấp, nuôi dưỡng chúng sinh.

Nguyện xong, nhà vua dứt mọi sự ăn uống, qua bảy ngày thì mạng chung, được sinh làm con cá có thân dài bốn ngàn dặm, vì biết rõ thân mạng đời trước của mình nên cá đã tới nằm trên bờ biển, trông giống như một hòn núi đen. Dân chúng trông thấy sao lại có một hòn núi quái lạ ở đây, nên kéo nhau đến xem, mới biết đó là một con cá lớn. Người trong

cả nước đều kéo tới cùng nhau làm thịt con cá đem về ăn, tránh khỏi được nạn đói, đất nước nhờ đó trở nên no đủ như xưa.

Đức Phật bảo cho các vị Tỳ-kheo biết:

-Con cá thời bấy giờ là bản thân Ta, những người ăn thịt cá lúc đó nay là dân chúng nước Duy-da-ly. Ngày ấy, Đức Như Lai đã dùng thịt mình để cứu sống chúng sinh trong một đời như vậy. Ngày nay, Ta cũng đem cái ánh sáng của trí tuệ giác ngộ để cứu độ tâm thức họ, đem họ trở về với bản tánh chân như, xa lìa ba cõi, tiêu diệt hoàn toàn hết mọi khổ đau. Là Bồ-tát phải luôn tinh cần, chịu khổ, thực hiện đầy đủ ba việc bố thí. Những gì là ba việc bố thí? Đó là ngoại thí, nội thí và đại thí. Đem cho ăn cho mặc, các thứ của báu cả đến đất nước, vợ con... đó là ngoại thí. Đem cho các phần của cơ thể mình như thịt, xương, đầu, mắt, tủy, não... đó là nội thí. Đem bốn Tâm vô lượng, sáu Độ, bốn Diệu đế, pháp môn Vô thường, mười hai Bộ kinh... vì chúng sinh mà thuyết giảng, đó là đại thí. Phương pháp cầu đạt đạo quả phải thực hành đủ ba việc bố thí ấy thì mới mau chóng thành tựu quả vị Phật.

Lúc Đức Phật thuyết giảng xong điều này thì có vô số chúng sinh cùng phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

\* \*

\*

Ngài Thủ Đạt tuổi cao đáng kính, giáo hóa được năm ngàn người, ngài Duy Tiên tuổi trẻ, trí tuệ sâu rộng, đi tới nhiều nước, giáo hóa được sáu vạn người. Lần lượt trên con đường đi du hóa, hai vị này gặp nhau, các đệ tử của ngài Thủ Đạt thấy ngài Duy Tiên trí tuệ dũng mãnh thấy đều muốn đến để tỏ lòng sùng bái. Ngài Thủ Đạt gọi các đệ tử lại bảo:

-Ông Duy Tiên tuổi còn nhỏ, trí tuệ cạn cợt, ít ỏi.

Ngài Duy Tiên nghe được lời nói đó, bèn nghĩ: “Người tu hạnh Bồ-tát, phải nên cúng dường nhau, du hóa đến các nước gặp nhau coi như gặp được Phật. Nay ta thật không muốn ủng hộ ngài Thủ Đạt nhưng vẫn luôn nghĩ về tình đồng đạo. Ngài Duy Tiên ngay trong đêm đó lặng lẽ bỏ sang nước khác. Vì sao thế? Là vì muốn cho các đệ tử kia vẫn tiếp tục cúng dường ngài Thủ Đạt.

Ngài Thủ Đạt do đã bài báng ngài Duy Tiên nên phải bị đọa vào loài Ma-ha-nê-lê đến sáu mươi kiếp, khi đã thoát được ra làm người thì phải chịu sáu mươi kiếp làm người không có lưỡi. Tại sao thế? Là vì ngài đã không tự chế ngự được ba nghiệp thân, khẩu, ý, làm mất đi pháp hạnh của Bồ-

tát. Về sau, tội lỗi hết, nhờ công đức đã vun trồng từ trước và nỗ lực tự tu tập nên được thành Phật hiệu là Thích-ca Văn.

Đức Phật bảo các đệ tử:

-Ông Thủ Đạt kia chính là bản thân Ta, ngài Duy Tiên hiện nay là Đức Phật A-di-đà.

Tất cả các vị ngồi ở đây đều nói:

-Lỗi lầm kia nhỏ mà tội phải gánh chịu thì quá lớn!

Đức Phật bảo mọi người trong pháp hội:

-Thân, khẩu, ý, ba nghiệp ấy không thể không quyết chế ngự, giữ gìn, những ai trọn tin điều này và phụng hành thì đắc đạo. Nếu có phạm lỗi xấu ác tự biết ăn năn sửa đổi thì lỗi đó trở nên nhẹ bớt đi!

\* \*

\*

Từ vô số kiếp xa xưa, có một người phát tâm thực hiện một cuộc bố thí lớn, cúng dường cho các Phạm chí ngoại đạo đông đảo, có đến hàng vô số ngàn người, suốt trong nhiều năm. Phép tắc của các Phạm chí là người nào biết nhiều kinh điển thì được ngồi nơi tòa cao nhất, nên trong số các Phạm chí ấy, có một vị tuổi cao, nhiều trí tuệ được xem là bậc nhất trong chúng hội. Lúc đó, Bồ-tát Nho Đồng ở trong núi tu học các kinh thuật, không gì là không thông thạo. Khi ngài đi đến chỗ chúng hội ấy thì ngồi ở phía cuối cùng, Theo thứ tự vấn đáp về sự hiểu biết của các Phạm chí, lần lượt chẳng ai bằng ngài, cho đến bậc ngồi trên cao nhất kia thì mọi sự hiểu biết của vị Phạm chí trưởng lão cũng không bằng ngài Nho Đồng. Mười hai năm đã gần đủ, những người giỏi kinh điển được dâng cúng chín món vật dụng, gồm: ngựa bằng vàng, yên cương bằng bạc, người con gái đoan chánh, bình mức nước tắm bằng vàng, chậu đựng nước tắm cũng bằng vàng, bạc, tất cả đều hết sức đẹp đẽ. Ông Phạm chí trưởng lão bèn tự suy gẫm: “Ta trong mười hai năm, không ai bắt bẻ được, mà nay bị người thiếu niên này lý luận thắng ta! Người có thể xấu hổ, vật thì không đủ lời nói, mất thanh danh không phải là chuyện dễ.” Ông liền nói với ngài Nho Đồng:

-Chín vật được bố thí sẽ cùng được giao hết, người nhỏ phải ở dưới ta, để ta ở trên.

Ngài Nho Đồng đáp:

-Tôi tự dùng lý luận để được chứ không cưỡng cầu để lên bậc trên, nếu sự hiểu biết của tôi kém cõi thì tôi tự xuống dưới, không chút ân hận.

Ông Phạm chí trưởng lão buồn bã nhường chỗ ngồi cao cho ngài Nho Đồng. Chỗ ngồi đó được trang sức bằng bảy thứ vật báu rất đẹp đẽ, tinh tế hết mực. Nhân đó, ông hỏi ngài Nho Đồng:

-Học vấn của ông đã cầu được ở đâu?

Nho Đồng đáp:

-Tôi cầu nơi Đức Phật A-duy-tam nhằm độ thoát muôn loài.

Ông Phạm chí sinh lòng giận dữ, độc ác, thề nguyền trong lòng rằng:

-Ta phải đòi đòi quyết hủy hoại tâm của người này, khiến nó không đạt được gì, nếu nó được làm Phật thì ta cũng quyết quấy phá.

Ông lại nghĩ: “Thiện ác khác đường, sợ chẳng gần nhau, nên phải tu đức thật nhiều thì đó đây mới gặp gỡ được”

Ông thực hành pháp sáu Độ vô cực, cùng tu tập các pháp thiện, thường xuyên không có ý bê trễ. Thế rồi, ông ra đi luôn. Người chủ của chín vật báu đem hết cho các Phạm chí để chia nhau. Mỗi Phạm chí giám bớt một tiền đem cho ngài Nho Đồng. Họ nói:

-Ngài không nhận chín món vật, bọn chúng tôi phải phân chia cho nhau, còn đây là phần ngài.

Ngài Nho Đồng nhận lấy rồi mỗi người mạnh ai nấy ra đi.

Bồ-tát thành tựu đạo quả, Điều-đạt thường cùng với Bồ-tát theo nhau, cùng sinh cùng tử, cùng làm anh em, luôn theo để hủy hoại Bồ-tát. Ông Phạm chí trưởng lão lúc đó là ông Điều-đạt, còn Nho Đồng là Đức Phật Thích-ca Văn. Do lời thề xưa nên thường chẳng rời nhau, đó chính là gốc ngọn của câu chuyện này.

\* \*  
\*

Lời Thầy dạy:

-Học nên nương theo bậc thiện tri thức. Thuở xưa, có một con lừa, chủ luôn cho đi theo với ngựa, đi lại, ăn uống đều thường cùng làm với ngựa. Ngựa đi trăm dặm, nó cũng đi trăm dặm, ngựa chạy ngàn dặm, lừa

cũng chạy như vậy, lông bờm kêu rống y như ngựa. Thời gian sau, lừa cùng với ngựa theo nhau ăn uống, đi lại, cùng làm bạn với lừa, lừa đi trăm dặm, ngựa cũng đi trăm dặm, lừa đi ngàn dặm, ngựa cũng đi ngàn dặm, lông bờm đầu mình nó đều giống lừa. Tiếng kêu la “ai, ai” của ngựa cũng y như là lừa. Từ đấy đến khi chết nó không còn là ngựa nữa. Người đi học cũng như thế, theo thiện tri thức thì ngày ngày tinh tấn, sẽ trở nên người tinh tấn, đắc đạo mau chóng. Còn theo bạn xấu, ngày ngày lười biếng thì sẽ trở nên người lười biếng, bị chìm đắm mãi trong sinh tử.

\* \*

\*

Thuở xưa, có một người Bà-la-môn nước ngoài thờ Trời, xây dựng tự viện, khéo tạc tượng trời, dùng vàng làm đầu pho tượng. Lúc ấy, có tên trộm leo lên tượng trời ấy để lấy cái đầu tượng bằng vàng, kéo mãi không lay động được, hấn liền niệm “Nam-mô Phật” thì lấy được đầu tượng và mang đi. Sáng ngày, người Bà-la-môn thấy mất đầu của tượng trời. Đầu tượng trời vì mất đi nên mọi người tụ lại cho là Thần trời đã mất đầu, vậy là không có thần linh nữa. Thần trời nhập vào người Bà-la-môn bảo:

-Kẻ đạo tặc lấy đầu ta không được, hấn liền niệm: “Nam-mô Phật”, khiến chư Thiên đều kinh động, nên nó lấy được đầu ta mang đi.

Các người Bà-la-môn nói:

-Trời không bằng Phật, nên đi thờ Phật, không thờ trời nữa, kẻ ăn trộm kia chỉ niệm Nam-mô Phật là lấy được đầu tượng trời đem đi, huống gì các bậc Hiền giả luôn niệm Nam-mô Phật thì mười phương thần luôn tôn quý, không dám trái nghịch, vậy phải tinh tấn không được biếng trễ.

\* \*

\*

Ngày xưa, có thầy Sa-môn ngày đêm tụng kinh, khi ấy có con chó nằm dưới giường một lòng nghe kinh, không nghĩ đến ăn uống, như thế trải qua nhiều năm, sau khi qua đời được sinh làm người con gái sống ở nước Xá-vệ. Lớn lên, hễ gặp các thầy Tỳ-kheo khát thực là nàng vui vẻ lấy đồ ăn mang đến cho. Về sau, nàng theo các thầy Sa-môn làm Tỳ-kheo-ni, tinh tấn tu hành, chứng được đạo quả ứng chân.

\* \*

\*

Ngày xưa, có một vị quốc vương, tổ chức biểu diễn một buổi hòa nhạc lớn ở ngoài thành, dân chúng trong nước đều kéo nhau đến xem. Trong thành ấy có một gia đình người cha bị tật nên không đi xem được. Cả nhà xúm nhau dìu dắt, cố sức đem ông ra khỏi thành, dừng lại bên gốc cây, ông biết mình không đi xem được nên nói với gia đình:

-Các người đến xem đi, rồi trở lại đem ta về.

Khi ấy, trời Đế Thích hiện làm một đạo nhân đi qua gần người đó, liền gọi người bệnh, nói:

-Người theo ta đi, ta có thể làm cho bệnh của người bớt được.

Người kia nghe rất vui mừng liền đi theo Trời Đế Thích đem ông lên cõi Trời, đến cung trời Đế Thích, ông trông thấy vàng, bạc, châu báu rất nhiều, thế gian không thể có nên nảy ý muốn cầu xin, lại cũng đã nghe có người nói nên xin cái bình, nên ông liền nói với trời Đế Thích:

-Con muốn trở về, nguyện xin cho cái bình này.

Đế Thích liền cho còn nói:

-Trong cái bình này có vật dụng, hễ người có lòng cầu xin là có ngay.

Người bệnh mang bình về nhà, cả nhà đều cùng đến xem, tức thời theo trong tâm ý mong muốn họ liền có được nhiều vàng bạc, châu báu. Nhân đấy, họ tổ chức một hội lớn cho cả gia tộc gồm bà con nội, ngoại để ăn mừng vui chơi. Sau khi đã no say rồi, ông già cầm cái bình nhảy nhót và nói:

-Ta chịu ân người đã cho ta giàu có.

Ông nhảy mãi không dừng, bị té nhào xuống đất, làm vỡ tan cái bình quý, thế là chỗ mong cầu không thể còn được. Kinh giới của Đức Phật cũng như cái bình quý báu ấy. Khi mới lãnh hội thì tinh tấn, mọi sở nguyện đều được, về sau lười biếng dần, quên kinh, phạm giới giống như cái bình bị vỡ, không làm sao lành lại được.

\* \*

\*

Phép đeo vàng bạc, châu báu của đàn bà con gái trong nhà, có bốn cách để được sinh lên cõi trời:



Một là đeo vàng bạc châu báu, nếu có người hiểu rõ nghĩa của kinh, giảng kinh nghe mà hoan hỷ bỏ của cải ra bố thí, đó là một phước báu được sinh lên cõi trời.

Hai là người đó gặp thầy Sa-môn ở phương xa, đang lo xây dựng chùa tháp, hoan hỷ bỏ vàng bạc ra bố thí khuyến trợ, ấy là phước báu thứ hai được sinh lên cõi trời.

Ba là nếu người đó gặp kẻ nghèo cùng khốn khó, nghe lời Đức Phật dạy: “Bố thí là hạnh nên làm bậc nhất liền đem của cải ra bố thí, đó là phước báu thứ ba được sinh lên cõi trời.

Bốn là người đó bị bệnh sắp lâm chung, đem của cải ra bố thí để nhằm cứu trợ mạng mình, chính mắt người ấy nhìn thấy sự bố thí và khi chết vui vẻ không sợ hãi thì được sinh lên cõi trời.

Đó là pháp trong gia đình của đàn bà con gái có bốn việc phải làm để được sinh lên cõi trời khi đeo vàng bạc châu báu.

\* \*

\*

**-HẾT-**